



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hàn

Xã luận :

Đảng cộng sản tiếp tục sa lầy trong khủng hoảng nội bộ

Ngày 3-2-1999, đảng cộng sản kỷ niệm 69 năm thành lập, ngay sau khi bế mạc hội nghị thứ 6 (lần 2) của Ban Chấp Hành Trung Ương. Bế mạc nhưng không hoàn tất.

Ngày cái tên hội nghị tự nó đã đáng chú ý. Tại sao lại "hội nghị 6 (lần 2)" mà không phải hội nghị 7? Đó là vì hội nghị 6, tháng 10 năm trước, không đạt tới đồng thuận cho nên phải họp lại. Và rồi cũng vẫn không giải quyết được vấn đề nào.

Bản thông báo của hội nghị nếu đọc lướt qua, cũng chỉ là một văn kiện chung chung, hoàn toàn không có một quyết định nào, ngoại trừ quyết định "tiến hành một cuộc vận động chỉnh đốn đảng" trong hai năm. Nhưng nếu đọc kỹ hơn người ta có thể thấy vấn đề thực sự của đảng, đó là khủng hoảng nội bộ rất trầm trọng. Nói đến "chỉnh đốn đảng" tức là thừa nhận đảng đang lủng củng, và nếu cần hai năm mới hy vọng chỉnh đốn được thì quả là có khủng hoảng rất lớn.

Nhưng khủng hoảng những gì? Thông báo đề ra "nhiệm vụ cơ bản và cấp bách" số một là thống nhất về nhận thức. Như thế có nghĩa là đảng đã chia rẽ về lập trường. Hai nhiệm vụ cơ bản và cấp bách khác xoay quanh sự sa sút về đạo đức của đảng viên. Các cụm từ "đạo đức", "lối sống" được nhắc lại năm lần, các cụm từ "tham nhũng", "quan liêu" mười lần trong một văn kiện chỉ dài hơn bài xã luận này vài dòng.

Không có quyết định cụ thể nào, nhưng theo chính diễn văn bế mạc của ông Lê Khả Phiêu thì hội nghị đã rất căng thẳng, bởi vì đã "không né tránh, không né nang, thẳng thắn thảo luận tranh luận đến nơi đến chốn". Theo giới thạo tin, các ủy viên trung ương đảng đã chửi nhau và

suýt nữa có ẩu đả.

Tranh cãi gay gắt như vậy và không biểu quyết được gì bởi vì các phe phái đã chỉ đến đại hội để kể tội và đã kích lẫn nhau mà không phe nào đủ mạnh để làm chủ tình thế.

Khi họp liên miên không kết quả thì vấn đề thực sự là khủng hoảng lãnh đạo. Các quan sát viên đều đã biết như vậy, ngay từ trước hội nghị 6 (lần 1), mà mục đích là cải tổ nhân sự, đã có vấn đề loại bỏ ba ông cố vấn già và thay thế một số ủy viên Bộ Chính Trị và bộ trưởng, các bàn tán lại càng gia tăng khi họp hội nghị 6 lần thứ 2. Cuối cùng đã hoàn toàn không có một thay đổi nào bởi vì nội bộ ban lãnh đạo đã quá chia rẽ. Sự chia rẽ này sẽ không thể nào khắc phục được bởi vì đảng đã mất lý tưởng và chính nghĩa, điều kiện không có không được để có đoàn kết. Chính ông Lê Khả Phiêu đã thú nhận trong bài diễn văn của ông là các đảng viên cộng sản "phai nhạt lý tưởng, dao động, nghiêng ngả trước các tình huống phức tạp", "suy thoái về đạo đức và lối sống", trong khi "công tác lý luận, đấu tranh tư tưởng thiếu chiều sâu và sắc bén". Trước một chẩn đoán nặng nề và báo động như vậy, người lãnh đạo đảng lại chỉ còn một cái toa thuốc vô bổ là kêu gọi đảng viên theo gương chủ tịch Hồ Chí Minh mà những phát giác gần đây cho thấy cuộc sống không lấy gì làm mẫu mực, và "thực hiện di chúc của Người", một di chúc mà chính đảng cộng sản đã xuyên tạc. Sức khỏe của đảng cộng sản ở tuổi 70 thật là nguy ngập!

Sự suy sụp thấy rõ và không đảo ngược được của đảng cộng sản đặt ra ít nhất ba chất vấn.

Chất vấn thứ nhất đối với ông Lê Khả

Phiêu. Ông sẽ tiếp tục loay hoay cố chỉnh đốn một đảng không thể chỉnh đốn được nữa, hay sẽ dám can đảm dựa vào nguyện vọng dân chủ của toàn dân và cũng là của đa số đảng viên cơ sở? Chỉ có thế ông mới cứu vãn được những gì còn có thể cứu vãn trong đảng cộng sản và mới hy vọng bảo đảm được tương lai chính trị của mình. Ông Lê Khả Phiêu cần hiểu là chính ông cũng đang cần một đối lập dân chủ.

Chất vấn thứ hai đối với những người cộng sản lương thiện, họ bị giằng co từ nhiều năm nay giữa hai chọn lựa: một là thẳng thắn chống lại đường lối ngoan cố của ban lãnh đạo, hai là chờ đợi với hy vọng đảng sẽ cải thiện từ từ sau khi cọ sát với thực tế. Ngày nay họ phải nhìn nhận rằng đảng cộng sản cho dù có muốn đi nữa cũng đã quá phân hóa để có thể đổi mới và tồn tại. Họ sẽ phải có thái độ nào?

Chất vấn thứ ba đặt ra cho mọi người quan tâm tới tương lai đất nước: phải làm gì trong tình huống này? Đảng cộng sản dù có suy yếu và phân hóa đến đâu cũng vẫn tiếp tục nắm chính quyền nếu không có một lực lượng dân chủ có tầm vóc. Những thất bại liên tiếp của chính quyền chắc chắn sẽ làm tăng bất mãn và chán nản, nhưng bất mãn tự nó không đủ để tạo thành một sức mạnh đổi đời. Thiếu sự dũng cảm và ý chí tranh đấu thì bất mãn chỉ làm tan rã lòng tin ở đất nước và làm cho đất nước phân hóa thêm. Chúng ta cần một sức bật mới của lòng yêu nước và sự dũng cảm mà chúng ta đang thiếu một cách bí mật. Chính sự thiếu vắng đó, hơn hẳn mọi lý do khác, đã khiến đất nước tiếp tục bế tắc.

Thông Luận

Dân chủ đa nguyên và ổn định tại Indonesia

Các nhà độc tài và các lãnh tụ bảo thủ vẫn luôn luôn rêu rao không ngừng như một leitmotiv là dân chủ sẽ dẫn đến bất ổn. Tiến trình dân chủ hóa tại Indonesia là một phản thí dụ có sức mạnh một cú đấm thẳng hạ đo ván lời ngụy biện này.

Ngày 28-01-1999, quốc hội Indonesia đã biểu quyết đạo luật tổ chức một cuộc tổng tuyển cử vào tháng 6 tới. 130 triệu dân Indonesia sẽ bầu 462 dân biểu cho Quốc hội tương lai. Ngoài 462 ghế dân cử, 38 ghế của Quốc hội sẽ được dành cho quân đội. Các cử tri cũng sẽ bầu các Hội đồng tỉnh và vùng. Vào cuối tháng tám 1999, 500 dân biểu Quốc hội và 200 đại diện tỉnh hoặc vùng sẽ họp thành Hội đồng tư vấn nhân dân có nhiệm vụ bầu một tổng thống và biểu quyết về tương lai của Đông Timor.

Một chương trình tản quyền rộng rãi sẽ được ban hành cùng một lúc với luật bầu cử mới. Theo chương trình này, các chính phủ địa phương được toàn quyền về đầu tư và các địa hạt chính trị, trừ quyền phát hành tiền, quốc phòng, ngoại giao và tư pháp.

Quân đội Indonesia sẽ không còn vai trò chính trị quan trọng, nếu không muốn nói chỉ còn một vai trò tượng trưng tại Quốc hội tương lai. Với 38 phiếu, không thể nào một nhân vật của quân đội được bầu làm tổng thống. Chính trị là một việc quá quan trọng để giao cho các tướng lãnh nói riêng và quân đội nói chung. Quân đội nắm quyền chính trị là một nguyên nhân quan trọng trong quá trình bất ổn chính trị tại Indonesia. Tình trạng này đã kéo dài từ những năm đầu của nền cộng hòa Indonesia chứ không từ khi tướng Suharto nắm quyền.

Sukarno (sinh năm 1901) là người lãnh đạo phong trào dành độc lập cho Indonesia vốn là thuộc địa của Hòa Lan. Năm 1942, khi Nhật chiếm đóng Indonesia, Sukarno được Nhật phong làm chủ tịch Hội đồng trung ương Java. Hai ngày sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, Sukarno tuyên bố Cộng hòa Indonesia độc lập và tự phong làm tổng thống. Nhưng Hòa Lan đã trở lại và đã dùng quân đội Nhật đầu hàng mưu toan chiếm đóng thuộc địa cũ của mình. Liên Hiệp Quốc can thiệp và ngày 28.12.1949, quyền hành chính trị đã được trao trả cho Indonesia vào tay của Sukarno. Tháng 8-1950, một

Hiệp pháp tạm thời được ban hành và Cộng hòa Indonesia được chính thức thành lập. Đúng năm năm sau, tháng 8 năm 1955, quân đội Indonesia đã bắt buộc thủ tướng Sastroamidjojo từ chức, lấy cố tổng trưởng quốc phòng của chính phủ này đã thiên vị và chỉ thẳng chức cho các sĩ quan thân cộng sản hoặc cộng sản. Thủ tướng Sastroamidjojo với chính sách thân Trung Quốc đã phải nhường chỗ cho Burhanuddin Harahap, một lãnh tụ đảng Hồi giáo Masjumi, thành lập chính phủ với 12 đảng phái trừ đảng Quốc Gia (PNI) của Sastroamidjojo và đảng Cộng Sản Indonesia (PKI). Trong thời gian ba tháng sau khi nắm quyền, tướng Abdul Haris Nasution, nổi tiếng chống cộng đã được phong làm tổng tư lệnh quân đội.

Trong cuộc bầu cử Hạ viện đầu tiên được tổ chức tại Indonesia sau đó, đảng Cộng Sản PKI và đảng Quốc Gia PNI đã chiếm đa số. Thủ tướng Harahap phải từ chức. Nhưng áp lực của quân đội trên chính trường mạnh đến nỗi tổng thống Sukarno không dám mời lãnh tụ hai đảng này thành lập chính phủ. Đó cũng là lý do cho phép tổng thống Sukarno hành sử luôn vai trò thủ tướng vào tháng bảy năm 1960 và đã giải tán Hạ viện vào năm 1960, khi Hạ viện không thông qua ngân sách của tổng thống kiêm thủ tướng Sukarno. Indonesia bắt đầu đi vào hỗn loạn chính trị từ thời điểm này. Và sau đó không lâu, vào năm 1968, nền độc tài quân phiệt do tướng Suharto đứng đầu đã được thiết lập trong 30 năm trời với những hậu quả tai hại và đã chấm dứt vào tháng 5 năm 1998 sau những cuộc biểu tình xuống đường của thanh niên và sinh viên Indonesia.

Yếu tố ổn định chính trị thứ hai trong tiến trình dân chủ hóa tại Indonesia là ý chí giải quyết trong hòa bình tranh chấp về Đông Timor. Indonesia đã thôn tính Đông Timor bằng vũ lực vào năm 1975. Các lực lượng đòi độc lập chủ trương bạo động dưới sự lãnh đạo của Xanana Gusmao đã rút vào bưng kháng chiến. Các lãnh tụ khác chủ trương bất bạo động như Jose Ramos Horta phải lưu vong. Thế giới đã lên án Indonesia một cách gay gắt về những đàn áp đẫm máu tại đây. Giải Nobel hòa bình được trao cho Jose Ramos Horta đã được xem như là thông điệp của thế giới vừa kết án chính quyền Indonesia vừa khuyến khích và ủng hộ cuộc đấu

tranh bất bạo động của dân chúng Đông Timor. Tổng thống đương nhiệm, Jusuf Habibie, người thay thế Suharto cho rằng Indonesia muốn trút bỏ gánh nặng Đông Timor trước khi bước vào thiên niên kỷ thứ ba. Lãnh tụ kháng chiến Xanana Gusmao, bị bắt vào năm 1992 và bị kết án tù chung thân, đã được chuyển từ ngục thất sang một hình thức quản thúc trước khi được chính thức phóng thích. Giải quyết ổn thỏa và trong hòa bình vấn đề Đông Timor là một yếu tố ổn định có tầm quan trọng đáng kể trong quá trình dân chủ hóa của Indonesia. Người ta khó tưởng tượng một giải pháp tương tự được cựu tổng thống độc tài Suharto hoặc các tướng lãnh Indonesia chấp nhận. Với các nhà độc tài quân phiệt này, Indonesia sẽ luôn sống trong chiến tranh với kháng chiến quân Đông Timor và sự kết án của thế giới trên chính trường ngoại giao quốc tế. Indonesia sẽ luôn luôn bất ổn trên cả hai mặt đối nội và đối ngoại.

Với đường lối mới chủ trương tản quyền tối đa, các nhà lãnh đạo Indonesia đã lấy lại quyết định nguyên thủy của bản hiến pháp được biểu quyết vào năm 1950, sau khi Hòa Lan trao trả chủ quyền đất nước cho tổng thống Sukarno. Theo hiến pháp này, Indonesia là một Hiệp Chúng Quốc trong đó các chính quyền địa phương được hưởng nhiều quyền hạn rộng rãi. Nhưng dưới áp lực của quân đội, khuynh hướng này đã bị bãi bỏ. Mọi quyền hành đều được tập trung vào chính quyền trung ương. Đây là một quyết định phản dân chủ đã gây ra bất ổn và hỗn loạn tại Indonesia. Indonesia là một nước với nhiều sắc dân, ngôn ngữ và văn hóa. Một chính quyền tập trung mọi quyền hành tại trung ương vừa phản dân chủ vừa là mầm mống của những chống đối. Đó là lý do giải thích những cuộc biến loạn thường xuyên xảy ra trong quá khứ tại Tây Java, Đông Bắc Sumatra, Borneo và Moluccas.

Với ba yếu tố chính trị quan trọng - loại quân đội và tướng lãnh ra khỏi chính trường, giải quyết trong hòa bình tranh chấp Đông Timor, chủ trương tản quyền tối đa -, Indonesia có những ưu thế quyết định để tiến lên một nước dân chủ. Nếu thành công, Indonesia sẽ đóng vai trò tiên phong lãnh đạo tiến trình dân chủ hóa toàn thể Đông Nam Á.

Huỳnh Hùng

Chào mừng Đoàn Viết Hoạt

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt trở thành Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

(Diễn văn của ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam
trong bữa tiệc mừng Đoàn Viết Hoạt ngày 31-1-1999 tại Paris)

Kính thưa quý vị,
Thưa các bạn,

Tôi xin được thay mặt anh em Thông Luận và Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt chào mừng và cảm tạ quý vị và các anh chị em đã dành thì giờ đến dự bữa cơm đơn sơ nhưng đậm đà tình cảm hôm nay để tiếp đón anh Đoàn Viết Hoạt.

Trong lịch sử của mọi dân tộc, có những lúc mà sau quá nhiều khổ đau và thất vọng người ta bị khủng hoảng niềm tin và ngờ vực tất cả. Chúng ta đang ở trong tình trạng đó và chúng ta rất cần những con người mà từ lời nói của họ, những từ ngữ giản dị nhưng cần thiết như quê hương đất nước, tự do dân chủ vẫn còn nguyên trọng lượng vì hoàn cảnh đã biến họ thành hiện thân của những ý niệm đó. Đó là những người đem lại cho chúng ta niềm tin và lòng tự hào. Họ giữ cho tổ quốc Việt Nam tiếp tục hiện diện một cách sống động trong trái tim mọi người. Họ gắn bó chúng ta với nhau trong một dự án tương lai chung.

Anh Đoàn Viết Hoạt là một trong những con người đó. Nhắc lại thân thế anh có lẽ là điều không cần thiết đối với quý vị và các bạn hôm nay. Anh là một thanh niên trưởng thành với một ước mong rất khiêm nhường là được cống hiến trọn cuộc đời hoạt động của mình cho giáo dục. Anh học Đại Học Sư Phạm, du học tại Mỹ, đậu bằng tiến sĩ giáo dục, rồi về nước giảng dạy và làm phụ tá viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh. Nếu không có đảo lộn lớn nào thì có lẽ rất ít ai biết đến anh. Nhưng các biến cố đã quyết định khác hẳn.

Một năm sau ngày 30-4-1975, anh bị chính quyền cộng sản bắt giam không tội danh và không xét xử trong 12 năm. Chính 12 năm giam cầm này đã hun đúc ý chí đấu tranh của anh và biến anh thành một chiến sĩ đấu tranh cho đất nước, tự do và dân chủ. Ngay sau khi được trả tự do, Đoàn Viết Hoạt đã qui tụ một số chí hữu và cho lưu hành các tập

Diễn Đàn Tự Do. Anh bị bắt lại tháng 11-1990 và bị xử 15 năm tù. Các chí hữu của anh cũng bị xử những án tù nặng nề.

Trong lần bị giam giữ thứ hai này, Đoàn Viết Hoạt đã làm người Việt Nam và thế giới ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Anh tiếp tục gọi từ nhà tù ra ngoài những lời kêu gọi đấu tranh cho dân chủ đa nguyên. Hành động thách thức này tự nó đã là một táo bạo đáng khâm phục, nhưng điều còn đáng ngưỡng mộ hơn nữa là mặc dầu bị đối xử một cách vô nhân đạo, Đoàn Viết Hoạt không ngừng kêu gọi mọi người Việt Nam quên đi hận thù để nhìn nhau như anh em và cùng bắt tay nhau xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Trong giai đoạn lịch sử bi đát này, chúng ta rất cần những tấm lòng quảng đại như thế. Chính vì thế mà Đoàn Viết Hoạt đã mau chóng chinh phục được cảm tình của người Việt Nam và dư luận thế giới.

Cộng đồng người Việt hải ngoại đã tích cực bênh vực anh. Dư luận thế giới đã bênh vực anh. Nhiều chính phủ dân chủ và nhiều tổ chức quốc tế đã gây áp lực đòi trả tự do cho anh. Cuối cùng Đoàn Viết Hoạt đã được trả tự do và hôm nay anh có mặt với chúng ta tại đây. Hôm nay là một ngày thật vui.

Càng vui hơn nữa vì trong phòng này có mặt nhiều khách quý thuộc hầu hết mọi hội đoàn hiện diện tại Pháp, có những vị trưởng thượng đầy uy tín trong cộng đồng và cũng có những thân hữu từ rất xa về đây; cũng có cả những cựu tù nhân chính trị.

Trong bữa cơm thân mật này, chúng ta cũng hân hạnh được tiếp đón anh Nguyễn Chí Thiện, người tù lương tâm tiêu biểu nhất Việt Nam. Anh Thiện đã bị tù đầy trong 27 năm trời vì một tội mà thế giới văn minh không thể nào hiểu nổi, đó là tội làm thơ. Trong nhiều thập niên, giữa sự im lặng nặng nề đầy đặc tại miền Bắc nước ta, anh Thiện đã là một tiếng nói bất khuất, dõng dạc tố giác trước lương tâm dân tộc và thế giới sự

độc ác và sự gian trá. Xin cảm ơn anh Thiện đã cho phép chúng ta được tự hào làm người Việt. Bên cạnh anh Thiện ngày hôm nay còn có anh Vũ Thư Hiên, một cựu tù nhân chính trị khác dưới chế độ cộng sản, nhưng xuất phát từ chính chế độ cộng sản. Anh Hiên, anh Bùi Tín và một số anh chị em cựu cán bộ, đảng viên cộng sản có mặt hôm nay tại đây để làm chứng rằng những làn ranh chia rẽ cũ đã bị xóa bỏ và những người dân chủ Việt Nam đã tìm đến với nhau và đứng trong cùng một mặt trận, mặt trận dân chủ.

Buổi họp mặt đông đảo hôm nay là cơ hội tốt để chúng tôi xin phép thông báo một thay đổi về danh xưng của Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt.

Nghĩa Hội được thành lập năm 1993, với mục đích yểm trợ các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì đấu tranh cho dân chủ, với tên chính thức là Vietnam Libertés. Đáng lẽ tên Việt Nam của nó phải là Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam nhưng chúng tôi đã sử dụng danh xưng Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt vì hai lý do.

Một là, theo phân tích của chúng tôi, trong thời đại truyền thông này một khuôn mặt và một tên người dễ gây sự chú ý hơn là một khái niệm. Một nạn nhân là một thảm kịch trong khi một trăm ngàn nạn nhân có thể chỉ là một con số.

Hai là, vẫn theo phân tích của chúng tôi, Đoàn Viết Hoạt là người tù chính trị mà chính quyền cộng sản lo ngại nhất, nếu tập trung vận động buộc họ trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt thì lập tức sự giam giữ tất cả những tù nhân chính trị khác trở thành vô nghĩa và lố bịch. Phân tích này có lẽ không sai vì như quý vị và các bạn đều đã thấy, cùng với Đoàn Viết Hoạt, một số đáng kể các tù nhân chính trị khác cũng đã được trả tự do.

Nhưng ngày hôm nay mục tiêu đó đã đạt được. Nghĩa Hội cần hướng về

những tù nhân chính trị hiện vẫn còn bị giam giữ. Mặt khác, Đoàn Viết Hoạt cũng đã bắt đầu hoạt động của anh tại hải ngoại; anh cần được đảm bảo rằng những điều anh nói và làm không gây khó khăn cho một tổ chức thiện nguyện. Chính vì thế mà sau khi đã hội ý với Đoàn Viết Hoạt, chúng tôi đã quyết định thôi dùng danh xưng Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt và bắt đầu sử dụng danh xưng Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam, với Đoàn Viết Hoạt là một hội viên danh dự.

Hôm nay là ngày gặp mặt trước thềm năm Kỷ Mão, và có lẽ cũng là một trong những buổi họp mặt lớn cuối cùng trước thềm một thế kỷ mới và một thiên niên kỷ mới. Đây là dịp chúng ta chúc nhau và cùng chúc cho quê hương.

Vậy trước hết xin chúc quý vị và các bạn năm Kỷ Mão dồi dào sức khỏe, an khang, hạnh phúc; thành công trong mọi dự định cho cá nhân và cho đất nước.

Năm Kỷ Mão là năm rất đặc biệt, ngàn năm mới có một lần. Nó nối liền hai thế kỷ và nó cũng nối liền hai thiên niên kỷ.

Ở đầu thiên niên kỷ thứ hai, các vua nhà Lý đã vinh hiển vút bỏ ách ngoại thuộc, lập ra nước Việt có triều chính, có tổ chức, có kỷ cương, văn hiến, mở đầu kỷ nguyên độc lập dân tộc thực sự. Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, chúng ta cũng sẽ phải vút bỏ được vĩnh viễn ách độc tài để mở đầu thực sự kỷ nguyên của một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên.

Thế kỷ 20 đối với chúng ta đã là thế kỷ của tủi hờn và thua kém thì thế kỷ 21 sẽ phải là thế kỷ thăng hoa của đất nước. Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã làm một điều bất hạnh thì làm người trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện. Thế giới đã biết đến Việt Nam trong thế kỷ này như là nạn nhân của bạo lực, hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam trong thế kỷ sau như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tinh anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ đổ nát.

Đó là giấc mơ Việt Nam mà tôi chắc chắn mọi người chúng ta đều ấp ủ. Nhưng để giấc mơ đó thành sự thực,

chúng ta cần một sức bật mới của ý chí đấu tranh và của lòng yêu nước. Vậy hôm nay chúng ta chúc nhau và chúc cho đất nước sức bật đó.

Xin chào mừng và cảm tạ quý vị và các anh chị em.

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực :
200 FF/năm

Hội viên ân nhân :
từ 500 FF/năm trở lên

Liên lạc:
Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam
Vietnam Libertés
11 Mail Le Corbusier
77185 Lognes - France

Giới thiệu sách

**Hành Trình Cuối Đông
(Vụ án Langbian)
của Tiêu Dao Bảo Cự
bìa Khánh Trường, Văn Nghệ
xuất bản, Hoa Kỳ, 1998.**

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt **Hành Trình Cuối Đông** "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm".
" Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cảm đấu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân" (lời nxb, tr.xii).

Đọc **Hành Trình Cuối Đông** để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gói). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gói).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gửi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hà Lan
phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam** (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Phải dân chủ mới yêu nước

Diệp Tường Báo

Tựa đề bài viết của một độc giả đăng trên *Thông Luận* tháng 11-1998, *Phải dân chủ mới yêu nước?* muốn mỉa mai nhưng vô tình lại nêu lên một chơn lý căn bản. Điều đáng buồn là một số người Việt Nam vẫn xem như mới lạ, kỳ quái, thậm chí quá khích những khái niệm mà các dân tộc tiên tiến đã khám phá từ lâu. Chẳng hạn cách đây hơn một trăm năm, nhà tư tưởng Renan đã từng định nghĩa "quốc gia như một cuộc tiêu quyết hằng ngày của toàn dân" vì "con người không là nô lệ của dòng giống, ngôn ngữ, tôn giáo, dòng chảy của những con sông hay chiều hướng của các dãy núi".

Lược sơ địa chính thế giới ta có thể nhận ra sự xác đáng của khẳng định này. Một mặt chúng ta nhìn thấy sự chia rẽ của nhiều quốc gia với những nền văn minh rất gần gũi nếu không nói là y hệt, các nước Mỹ La Tinh, Ả Rập. Tại Âu châu, nếu sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản đã cho phép một số dân tộc tìm lại độc lập, nó cũng đã đưa đến sự tan rã của một vài quốc gia giữa những sắc tộc mà khác biệt thành thoảng chỉ là tôn giáo, đôi khi trường phái của một tôn giáo, mà Nam Tư là một ví dụ điển hình. Gần với chúng ta hơn, tuy cùng một cơ cấu như chúng, Mã Lai Á và Nam Dương không những đã không xóa bỏ được những ranh giới do thực dân để lại mà còn đối kháng dữ dội. Chỉ có nguy cơ cộng sản rồi sau đó sự đồng lõa giữa những chế độ độc tài mới giảm bớt được một phần mối tị hiềm giữa hai quốc gia nhưng chúng ta có thể cá rằng tình trạng này sẽ không kéo dài lâu khi Nam Dương bước chun trên con đường dân chủ.

Bên cạnh những hiện tượng phân hóa đó, chúng ta lại chứng kiến sự tồn tại của nhiều quốc gia đa chủng, từ Thụy Sĩ với ba tiếng nói chánh thức và vô số tổng (canton) tự trị, Nam Phi với bốn chủng tộc lớn và một quá khứ phân cách màu da khắc nghiệt đến Ấn Độ với 15 ngôn ngữ được thừa nhận, từ 3000 đến 5000 chuyển ngữ, một nền dân chủ đa

nguyên cùng một cấu trúc liên bang uyển chuyển. So với những trường hợp bi đát của Liên Xô, A Phú Hân, Đông Phi, các nước nói trên chứng minh rằng dân chủ đa nguyên không những không là một cản trở mà còn là hệ thống hữu hiệu nhất để kết hợp những quốc gia đa chủng. Nếu quyền lợi đã là nguyên do chánh yếu thúc đẩy Tân Gia Ba ra khỏi Liên bang Mã Lai Á, nó cũng là yếu tố chủ chốt để đoàn kết một dân chúng tứ xứ và dần dần tạo lập một căn cước dân tộc tuy mới mẻ nhưng vững chắc vì dựa vào những thành công vẻ vang. Nền văn minh Tây Âu đã trở nên thuần nhất trên từ lâu nhưng chỉ có lợi nhuận mới là động cơ đủ mạnh để hòa giải rồi sau đó kết hợp những quốc gia đã từng đánh nhau triền miên, một việc mà cả bạo lực lẫn tôn giáo và ý hệ đã không làm được. Trong những quốc gia không hình thành trên nền tảng dân tộc hiểu theo ý nghĩa văn hóa và dòng giống mà trên một dự án tương lai chung, Huê Kỳ có một chỗ đứng đặc biệt vì sức mạnh và tầm vóc của những văn kiện sáng lập. Dành rằng lịch sử đã chứng minh rằng các tác giả của Kết ước Mayflower hay Bản tuyên ngôn Độc lập đã không nghĩ đến người da đen hay thổ dân khi tuyên bố "con người sanh ra bình đẳng [với] những quyền bất khả xâm phạm trong đó sự sống, tự do và việc tìm kiếm hạnh phúc" nhưng điều quan trọng là dự án khởi thủy chứa đựng ngay từ đầu tiềm thế của những cuộc giải phóng về sau. Lê dĩ nhiên là Huê Kỳ đã không dung hợp được hoàn toàn các cộng đồng khác nhau nhưng điều quan trọng đối với người dân Mỹ là niềm hạnh diện làm công dân của đệ nhất cường quốc và niềm tin là có thể thực hiện ước mơ của mình trên đất Mỹ.

Nói như thế, không phải là tôi coi nhẹ các yếu tố dòng giống và văn hóa trong tiến trình hình thành căn cước quốc gia. Dù sao đi nữa, luận cương gọi là "khách quan" (để đối lập với khuynh hướng gọi là "chủ quan" ở trên) cũng là

một trong hai vé của ý hệ quốc gia, được đại diện bởi những nhà tư tưởng như Mazzini, Maurras hay Fichte và được thể hiện trong bộ luật quốc tịch Đức (quốc tịch Đức dành cho những người gốc Đức nhưng tân chánh phủ Schröder có ý định thay đổi điều này). Điều đáng lưu ý là nhìn từ khía cạnh đó, Việt Nam lại là một trong những quốc gia có sớm nhất trong lịch sử nhưn loại. Nếu chủ nghĩa quốc gia là tư tưởng chánh trị theo đó nhà nước và dân tộc phải trùng hợp với nhau thì quốc gia Việt Nam có trước những nước biểu hiệu cho tinh thần quốc gia như Nhật Bản (thống nhất vào 1615) hay Đức (1871). Đọc những bài viết của Nguyễn Gia Kiểng, tôi cố gắng nhìn mặt trắng hơn là ngón tay chỉ nó, có lẽ vì thế mà tôi thường chia sẻ những kết luận tuy không luôn luôn đồng ý với cách viện dẫn. Trong trường hợp này, tôi hưởng ứng ý nghĩ rằng chúng ta phải bỏ túc ý niệm tổ quốc bằng nhu cầu phúc lợi quốc dân nếu muốn bảo đảm sự tồn tại của tinh thần quốc gia Việt Nam. Ngược lại, tôi không tán thành khi dựa vào trường hợp Trung Hoa và với lý do là hai dân tộc chia sẻ cùng một nền văn hóa Khổng-Mạnh, anh kết luận rằng người Việt không có ý niệm quốc gia (*Tổ quốc ta, Thông Luận* 9-98). Người ta luôn luôn phải rất dè dặt khi so sánh Việt Nam với Trung Quốc vì nước ta không phải là một nước Hán thu nhỏ. Nếu những khác biệt giữa hai nước thường dành điều hay cho người láng giềng phương Bắc (một nền tư tưởng đa dạng mà chúng ta chỉ du nhập bộ phận Nho giáo; kinh nghiệm của những cộng đồng hải ngoại có sớm; sự hiện hữu của những thể chế khác nhau), trong trường hợp này, ta lại có ưu điểm hơn. Trong một khoảng thời gian khá lâu, người Hoa không có ý niệm dân tộc vì lý do đơn giản là họ tự coi như thế giới. Điều này không mâu thuẫn với một căn cước văn hóa sắc bén, trái lại. Nền văn minh rực rỡ đến mức áp đảo của người Hoa khiến cho họ không hề coi các dân tộc láng giềng như một mối đe dọa trên nếp

sống của mình mà chỉ là những "thiên tai" mà tùy theo hoàn cảnh, họ phải kháng cự hay đồng hóa, khống chế hay bỏ mặc. Làm người Hoa là một lối suy nghĩ, truyền đạt, cư xử chứ không bao giờ là ý thức thuộc một tập thể với một số phận chung. Người Hoa được giáo dục hiếu cha, kính thầy, trung với vua nhưng bốn phạm đối với người dân hoàn toàn không có trong hệ giá Nho giáo. Dù theo nhơn trị hay pháp gia, mục tiêu của các nhà tư tưởng chánh trị Trung Hoa vẫn chỉ là tìm kiếm những công thức hữu hiệu nhất để điều khiển dân chúng như cha giáo dục con hay chủ nhơn quản lý người làm. Người dân chỉ là thành phần sản xuất có nhiệm vụ bảo đảm điều kiện vật chất của cấp lãnh đạo. Các vương quốc có trong những thời kỳ chia cắt chỉ là những thực thể tạm bợ kết quả của những tương quan lực lượng nhất thời.

Hoàn toàn ngược lại là trường hợp Việt Nam mà lịch sử có thể xem như một dòng chuỗi biện chứng giữa đánh đuổi ngoại xâm và thu nhập những phát minh đến từ bên ngoài. Nền văn minh Đông Sơn đã phát sanh một quốc dân, hình thành trên ý chí sống chung của những cộng đồng nông dân, gần gũi về dòng máu và văn hóa, kết hợp lại để giải quyết những vấn đề lớn như trị thủy và chống xâm lấn. Nước Âu Lạc thay thế nước Văn Lang đánh dấu sự chuyển biến của một liên minh bộ lạc thành một quốc gia có quy củ, một nhu cầu thiết yếu vào lúc mà Trung Quốc sau khi đã được nhà Tần thống nhất bắt đầu đẩy mạnh chủ nghĩa bành trướng. Các triều đại lớn đã thiết lập một nhà nước tập trung hiện thân của một tinh thần quốc gia nhào nặn bởi từng cuộc chiến giành độc lập. Quốc hiệu của nước ta nói lên thái độ khiêm tốn nhưng cứng rắn của người Việt đối với phương Bắc: một mặt, chúng ta tự thừa nhận như những người đã "vượt" về Nam, mặt khác chủ "vượt" bao hàm ý nghĩa dứt khoát, không quay trở lại: từ rày sắp tới và cho mãi mãi, "*lành thổ có núi phân chia, phong tục Bắc-Nam cùng khác*". Cuộc Nam tiến đã củng cố ý thức quốc gia bằng cách đưa người Việt từ thái độ phòng thủ đến khuynh hướng bành trướng. Nó cũng đã là một thách thức đối với ý chí sống chung của người Việt. Không có

một mâu thuẫn nội tại hay một mưu đồ ngoại bang nào đã lung lay nổi quyết tâm thống nhất của dân tộc ta. Hơn cả văn hóa, tôn giáo hay phong tục, ý chí sống chung và độc lập là yếu tố chánh yếu của căn cước Việt Nam. Nước ta là một bằng chứng sống cho khẳng định của Gellner theo đó "*tinh thần quốc gia không xuất phát từ sự hiện hữu của quốc gia mà chính quốc gia mới là sản phẩm của tinh thần quốc gia*".

Nhưng tinh thần quốc gia Việt Nam đã không đủ để cả một dân tộc ngăn chặn một đạo quân viễn chinh gồm có vài ngàn người đến từ phía bên kia thế giới. Có ít nhất hai nguyên do để giải thích thất bại nhục nhã này. Tư tưởng độc tôn Khổng-Mạnh sơ cứng đã không cho phép nhà Nguyễn tiến hóa để ứng phó một cách thích hợp với tình thế mới (như ở Thái Lan) và bản chất công bộc của tầng lớp thượng lưu đã ngăn cản các phần tử sáng suốt nhất nghĩ đến việc lật đổ chế độ lỗi thời (như ở Nhật Bản). Trước tổ chức tinh vi và những vũ khí tối tân của người Pháp, nhà Nguyễn đã quên đi tôn chỉ hấp thụ những kiến thức của ngoại xâm để chống lại nó mà chỉ biết co cụm, để cho giặc Pháp lột da lột thịt từng miếng để rồi từ từ mất hết. Nhưng thảm hại hơn những sai lầm của chánh quyền là sự suy sụp của cả xã hội Việt Nam. Chánh sách phản động tai hại của nhà Nguyễn đã phá vỡ giao kèo bất thành văn muôn thuở giữa chánh quyền và thành phần bị trị. Trước đây, một vương triều mới thành lập còn phát huy được tác dụng tiến bộ, tạo nên một giai đoạn cường thịnh và nhờ đó củng cố được cơ sở xã hội ít nhất trong một thời gian. Đó đã không là trường hợp của nhà Nguyễn. Đặc biệt, họ đã không đảm bảo nhiệm vụ trị thủy, nền tảng chánh đáng của những nền quân chủ Hán Nho. Trong suốt đời Nguyễn, nạn vỡ đê, lụt lội xảy ra liên tiếp. Mục tiêu chủ yếu của chánh sách điền địa nhà Nguyễn là củng cố cơ sở thống trị của nhà nước chuyên chế, khiến cho nông dân ngày càng bần cùng, ruộng đất bỏ hoang và số người phiêu bạt liên tiếp tăng lên. Tất cả những vấn nạn này làm cho người dân bất tín cấp lãnh đạo quan lại còn có khả năng bảo vệ cái an sinh tối thiểu mà họ có từ trước tới nay. Những cuộc nổi dậy

nông dân bắt đầu từ ngay dưới thời Gia Long ngày càng quy mô và lan tràn khắp nơi. Đó là tình trạng của Việt Nam khi thực dân Pháp bày tỏ một cách rõ ràng tham vọng thống trị của họ. Đã là triều đại đem giặc vào ngay trung tâm quyền hành, nhà Nguyễn không còn uy thế nào nữa để động viên quốc dân chống bọn xâm lăng. Vì thế mà cuộc kháng chiến chống Pháp tuy kéo dài gần 40 năm, nhưng đã không bao giờ đạt được kích thước quốc gia, do đó dễ cho thực dân đàn áp. Vào cuối thế kỷ XIX, dân ta chỉ còn biết thù hận ngoại xâm nhưng niềm tin ở cấp lãnh đạo nói riêng và vận mạng tập thể nói chung không còn nữa.

Nghiên cứu thời đại triều Nguyễn, người ta không thể không để ý những trùng hợp giữa trạng thái Việt Nam thời đó và tình hình đất nước hiện tại. Trước những khó khăn to lớn thử thách quốc gia Việt Nam, người ta nhận thấy ở hai chánh quyền phong kiến và cộng sản cùng một thái độ co cụm vào cái vỏ ốc hộ thân, xưa kia là Nho học, giờ đây là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh... cộng thêm sự phục hồi Khổng giáo để tăng thêm tánh chất thủ cựu. Nay cũng như xưa, tầng lớp quản lý là một giai cấp tuyển lựa trên một hệ thống thi cử hủ lậu, chỉ biết chú đầu vào các sách kinh điển, tụt hậu đối với chuyên gia nước ngoài nhưng kháng kháng tự đắc với cái kiến thức vô dụng và những bằng cấp vô giá trị. Ngay cả lối sinh sống của cán bộ ngày nay cũng giống những bực tiền bối quan lại thời cổ. Một mặt, cái lý tưởng thanh bần đạo đức giả của Khổng giáo và chủ nghĩa cộng sản khiến cho lương bổng chánh thức của những người này rất thấp không đủ để sống. Mặt khác, sự thiếu vắng của một nhà nước pháp trị cho phép họ tự do vơ vét bòn rút của dân, số tiền tham ô, hối lộ có thể là gấp trăm, gấp ngàn đồng lương. Tham nhũng, hối lộ cùng nhu bệnh tật, nước nào cũng có nhưng vấn đề là kích thước và tầm ảnh hưởng trên đời sống của người dân. Ở các nước dân chủ, do sự giám sát của báo chí, tác động của tư pháp và sự phán xét của công dân, nó giới hạn ở những sự kiện lẻ loi kết quả của sự thông đồng giữa những thành phần cao cấp và thường để tài trợ các hội đoàn chứ ít khi nhằm làm giàu cá nhơn.

Đó là những hiện tượng hoàn toàn không thể so sánh với những gì xảy ra tại các chế độ độc tài như Việt Nam hay Trung Quốc mà người dân có thể bị moi tiền bất cứ lúc nào và phải đút lót cho mọi sự việc. Sau gần hai thế kỷ, những câu ca dao như "*Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan*" hay "*Bộ binh, bộ hộ, bộ hình; Ba bộ đồng tình cướp gạo con tôi*" còn mang tính cách thời sự hơn bao giờ. Với những chính quyền như thế, tâm lý chán ngấy của người dân đối với cấp lãnh đạo là thường tình, điều nguy hiểm là sự phân công trong những xã hội nông-sĩ khiến cho họ ít khi nghĩ đến việc tham gia chính trị để thay đổi cuộc sống. Nhưng chính trị là gì nếu không là niềm tin ở tiền đồ tập thể? Không còn tin tưởng ở cấp lãnh đạo nhưng cũng không có thói quen tranh giành quyền hành, rất có nhiều rủi ro để cho thất vọng của người dân đối với giới lãnh đạo biến thành sự thờ ơ với việc nước, nghĩa là sự biến mất của tinh thần dân tộc.

Muốn đổi kịch bản bi thảm mà chúng ta đã thí nghiệm một cách đau đớn một lần rồi, trước hết chúng ta phải nâng cao thêm một bậc bản chất yêu nước của chúng ta. Các nhà xã hội học chuyên về giáo dục đã chứng minh rằng yếu tố quyết định sự thành công của việc học không phải là những ước nguyện nói ra mà là trình độ dưới đó sự kiện trở nên không thể chấp nhận đối với gia đình. Ai nấy đều muốn con cái mình đỗ đạt nhưng sự thất bại trong học hành xuất hiện một cách khủng khiếp trong những dòng họ khoa bảng hơn là đối với những gia đình lao động, từ đó gây một áp lực lớn hơn trên con cái cũng như đầu tư nhiều hơn vào mục tiêu. Điều đó cộng thêm cái mà Bourdieu và Passeron gọi là "*vốn liếng văn hóa*" - gồm có không những các của cải văn hóa mà chủ yếu là khả năng và thói quen sử dụng chúng - giải thích sự kế thừa xã hội ("*con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa*"). Vậy thì ta hãy tự hỏi đâu là cái mức chịu đựng của dân tộc Việt Nam, cái "lằn đỏ" khiến cho chúng ta vùng dậy nếu nó bị xâm phạm? Câu trả lời ở trong quá trình hình thành tinh thần quốc gia Việt Nam, đó là độc lập và thống nhất. Dân Việt phần nọ và phần đầu khi bị đó

hộ hoặc chia cắt, ít khi vì không có tự do hay nghèo đói. Nói một cách khác, người Việt cảm thấy một khác biệt căn bản giữa nền chuyên chế nước nhà và ách đô hộ ngoại bang và xem gần như bình thường tình trạng hỗn loạn, bất công, nghèo khổ, bị áp bức. Tôi luôn luôn nhớ đến phát biểu của một nhà kinh doanh Việt kiều làm việc ở quốc nội cho rằng "*mãi mãi là một bộ phận của các nền văn minh Hán Nho*" và khẳng định của một chuyên gia kinh tế Việt Nam làm việc ở Pháp theo đó "*tham nhũng là một yếu tố kích thích cho nền kinh tế Việt Nam*". Đó là một lý do vì sao phe dân chủ gặp phải nhiều khó khăn để truyền bá thông điệp, không những đối với người trong nước mà cả đối với cộng đồng hải ngoại, không những đối với từng lớp bình dân mà cả đối với thành phần học thức. Những nhà đối lập ngỡ vực dân chủ hay còn quyền luyến với xã hội Khổng giáo nên khách quan mà công nhận rằng tranh thủ được độc lập và thống nhất được đất nước, người cộng sản đã thực hiện một công trình mà chỉ có những triều đại lớn nhất trong lịch sử nước ta mới làm được và từ đó được ghi ơn vĩnh viễn trong ký ức dân tộc. Ngày nào mà tự do, công lý hay an sinh còn bị coi như xa xỉ phẩm trong vô thức tập thể, ngày đó chúng ta khó có khả năng tranh cãi táng chính đáng của người cộng sản.

Không có một cuộc cách mạng nào không đi đôi với một thay đổi tư duy sâu rộng. Vấn đề trước tiên của chúng ta là làm sao để cho tự do và phúc lợi dân tộc trở thành một nhu cầu bức thiết đối với người Việt như độc lập và thống nhất. Người dân Việt Nam cần phải ý thức rằng sự kiên nhẫn của mình đối với các chính quyền tồi dở và độc ác đã chỉ có tác dụng đưa đất nước vào hạng bét các quốc gia trên thế giới, thua xa cả những nước trong vùng mà trước đây chúng ta hơn hẳn. Chúng ta phải biết tủi hổ và duy trì nổi tức của mình trước sự nghèo khổ của quốc dân bị nhà nước, tư nhân, chủ Tây, chủ ta bóc lột, bùng bít và hành hạ, trẻ em bỏ rơi, thiếu ăn, thiếu học, người lớn, con nít mãi mãi để sinh sống. Chúng ta phải quyết liệt tranh đấu xu hướng bình thường hóa những đau khổ của dân tộc và các thiếu sót của nhà nước.

Sau đó, chúng ta phải gây dựng được niềm tin rằng những giải pháp cho những vấn nạn ấy chỉ có thể tìm kiếm ở một dự án tập thể xây dựng trên đóng góp của mọi thành phần dân tộc. Mối nối kết của một quốc gia là niềm tin của các thành phần rằng họ chia sẻ một quá khứ, một hiện tại và một tương lai chung. Một quá khứ chung không chỉ là những thế hệ sanh đẻ và lớn lên liên tiếp ở một địa điểm nhứt định. Nó chủ yếu là những thử thách và gian nan đã vượt chung, những đau đớn do chiến tranh chống ngoại xâm và những quẫn quại nội tại. Quá khứ quốc gia thường là một ký ức xót xa, dân Việt dư biết điều đó, chúng ta đã trả một giá mắc phi thường để tạo lập và bảo vệ tổ quốc. Các phần tử của một quốc gia cũng có một hiện tại chung làm bằng những mơ tưởng tập thể, một quá khứ ý hệ hóa, những sản phẩm trí tuệ, tinh thần và mỹ thuật độc đáo và tiêu biểu cho thiên tài dân tộc. Hiện tại quốc gia cũng là những quyền lợi chung vì cuộc tranh đua kinh tế đã thay thế chiến tranh vô trang và chủ quyền của một nước có thể bị đe dọa qua sự lệ thuộc kinh tế. Cuối cùng nhưng có thể là quan trọng nhất, một quốc gia phải có một tương lai chung nghĩa là các phần tử phải có quyết tâm có một vận mạng chung. Ý chí đó thể hiện qua nhiều trạng thái tùy theo quan hệ giữa dân tộc và chính thể trong đó nó sống. Nếu nó ở trong một đế quốc, ước nguyện sống chung hướng về ý chí độc lập. Trong trường hợp những dân tộc rải rác ở nhiều nước, mộng ước là thống nhất. Ở những nơi mà dân tộc và nhà nước trùng hợp với nhau, ước nguyện là duy trì hiện hữu, tiếp tục cùng nhau đối phó với những khó khăn và thực hiện những sự nghiệp mới.

Nhìn dưới ánh sáng đó, quốc gia và dân chủ biểu lộ một số điểm chung. Một là vì cả hai hệ thống lấy thỏa thuận dân tộc làm nền tảng chính đáng. Lịch sử thế giới đã chứng kiến nhiều mưu toan vượt lên trên tôn chỉ này nhưng thực tế đã chứng minh tính chất giả tạo của cái mạo danh sức mạnh chuyên chế. Hơn hai trăm năm sau khi nó ra đời, nguyên tắc ưng thuận đã tỏ ra đủ mạnh để không những bảo vệ các nền dân chủ mà còn để thực hiện nhiều công trình lớn lao mà bạo lực đã phải chịu thua. Chỉ ý thức

được toàn thể kích thước chánh trị của lợi nhuận, người ta mới hiểu và giải thích được biến động theo hai chiều có vẻ trái ngược của những quốc gia như Séc, Si Lô Va Kia, Êt Tô Ni, Lít Va, Lát Vi, Si Lô Vê Ni. Một mặt họ tranh đấu để giành lại độc lập, mặt khác ứng cử xin gia nhập Liên hiệp Âu châu, một tập hợp mà ngày càng có tánh chất siêu quốc gia. Sau đó, cũng như dân chủ và ngược với những gì người ta có thể nghĩ, quốc gia hiện đại là một dự án chánh trị dựa vào chủ nghĩa cá nhân. Lý do vì lẽ sống của quốc gia chính là vượt lên trên những dị biệt sắc tộc, địa phương, văn hóa, giai cấp để hòa nhập các thành phần vào trong một cộng đồng những con người bình đẳng. Vượt lên trên không có nghĩa là theo đuổi ảo tưởng xóa bỏ những mâu thuẫn quyền lợi đẳng sau một lãnh tụ như các chế độ phát xít. Nhưng khác với chủ nghĩa cộng sản, dân chủ đặt cho những cuộc thảo luận, tranh cãi thậm chí xung đột một khuôn khổ dân sự mà trong đó bình đẳng và ôn hòa là những luật chơi bất khả xâm phạm và thỏa hiệp là mục tiêu tối hậu. Do đó không gì là ngạc nhiên nếu chúng ta nhớ rằng quốc gia hiện đại đã nảy nở từ nhu cầu thay thế quân quyền bằng chủ quyền dân tộc. Trên cơ sở đó, người ta có thể khẳng định mà không sợ là chủ quan rằng dân chủ hay chủ quyền dân tộc là hai cụm từ gần như đồng nghĩa, mặc dầu có những nguy hiểm trái lại của các chánh quyền độc tài. Chủ quyền, dân chủ và nhân quyền thiết ra chỉ là ba bộ phận của cùng một ý hệ nhìn từ khía cạnh quốc tế, cộng đồng hay cá nhân. Ngược lại, quốc gia và chuyên chế là hai khái niệm tương phản trên bình diện lý thuyết cũng như thực tế. Sớm muộn gì cũng xuất hiện và tăng trưởng những mâu thuẫn không thể vượt qua giữa quyền lợi của tập đoàn thống trị và hạnh phúc quốc dân. Từ đó, trung với đảng hay yêu nước trở thành câu hỏi nhức nhối đặt ra cho những đảng viên thực tâm như nó đã đặt ra trước đây cho các ông quan sáng suốt trước sự mù quáng của nhà vua. Đây là một tiến trình không thể đảo ngược nếu không thay đổi chế độ vì cái lô gích chuyên chế đòi hỏi bọn độc tài không những phải tiêu diệt đối phương mà còn phải dập tắt mọi phân tranh nội bộ cũng như lũng đoạn

tất cả sinh hoạt xã hội. Đó là khác biệt căn bản giữa những nền dân chủ chưa hoàn thiện như Đại Hàn, Đài Loan hay Thái Lan vào các thập niên 60-70 và các nền chuyên chánh mục nát như Việt Nam, Trung Quốc hoặc Bắc Triều Tiên bây giờ. Một bên, người ta nhận xét sự chuẩn bị của những lực lượng đối lập trước đó đã bị chơi xấu nhưng ít ra có khả năng tồn tại và sự nảy nở của một xã hội dân sự tương đối tự do. Bên kia là một một vùng đất cháy trong đó mọi tinh thần vị tha, khuynh hướng liên đới và cố gắng kết hợp đã bị đè bẹp và chỉ để lại bản tánh khuất phục, tính toán, giả dối như là thái độ duy nhất cho phép tồn tại. Ở đây, chúng ta đụng đến một thực tại tối trọng nhưng nghịch thường có lẽ vì thế mà ít khi được ý thức đúng mức: mặc dầu tuyên xưng chủ nghĩa tập thể, chuyên chế thúc dục tánh ích kỷ của con người trong lúc dân chủ phát huy tinh thần liên đới tuy rằng chủ trương chủ nghĩa cá nhân.

Người Việt chúng ta có một quá khứ chung, một lộ trình khai khẩn bằng xương máu, đó là một thực tế mà không ai có thể chối cãi. Nhưng chúng ta còn sống một hiện tại chung và còn mơ ước một tương lai chung hay không, đó là một câu hỏi theo tôi chưa có trả lời dứt khoát. Câu trả lời là không, ngày nào mà một nhóm nhỏ còn tiếp tục bám giữ độc quyền lãnh đạo đất nước, thêm nữa, không để đưa quốc gia đi trên một con đường mà họ thành thực nghĩ là tốt mà chỉ để bảo vệ đặc quyền đặc lợi. Là không, ngày nào mà chúng ta còn giữ tâm lý mạnh ai nấy được, không chịu nhìn hay tệ hơn xem như bình thường những khổ đau của đại đa số dân chúng, bê cong lương tâm và tri thức của mình, người này để yên phận, người kia vì một quyền lợi nào đó, người nọ do một ảo tưởng. Là không, ngày nào mà chúng ta còn tiếp tục một mặt khăng khăng vỗ ngực tự hào về dân tộc, mặt khác lúng túng, do dự khi nói đến dân chủ, "*dân trí ta còn thấp lắm, dân chủ chỉ đem lại hỗn loạn, giết chóc*"... Dân trí ta thấp hơn dân trí người Miên, Mông Cổ, Phi Luật Tân, Thái Lan, không kể Đại Hàn và Đài Loan, hay từng lớp ưu tú Việt Nam thua kém thành phần tinh hoa Miên, Mông Cổ, Phi Luật Tân, Thái Lan? Và

còn bao lâu nữa chúng ta còn chấp nhận cái vòng lý luận luẩn quẩn, dân trí thấp biện hộ cho chuyên chế, chuyên chế ngu dân duy trì dân trí thấp không cho phép dân chủ?

Ông bà, cha mẹ, anh em ta đã tranh đấu và hy sinh để cho chúng ta có một tổ quốc, đó là điều mà chúng ta tưởng nhớ vĩnh viễn. Nhưng ký ức phải là một bàn đạp cho tương lai thay vì là một lý do để thụ động. Nhà văn Saint-Exupéry có câu nói tuy hơi cực đoan nhưng đáng suy ngẫm: "*Chúng ta không thừa kế đất nước của tổ tiên nhưng mượn nó từ con cháu*". Có độc lập và thống nhất rồi, chúng ta có quyền và bổn phận mơ ước và phấn đấu cho một tương lai tốt hơn cho mình và con cái, một xứ sở trong đó, mỗi công dân Việt Nam được hưởng ít nhất những quyền căn bản của con người, tự do, an ninh, nhân phẩm. Người dân Việt Nam cần phải nhận rõ rằng hạnh phúc của mình chỉ có thể tìm thấy trong một tiền đề chung và chỉ có thể được bảo đảm bởi một nhà nước do mình kiểm soát. Hạnh phúc chỉ có thể này sanh ngày nào mà chúng ta tranh thủ được "*quyền tìm kiếm*" nó. Và để trả lời câu hỏi "*Phải dân chủ mới yêu nước?*", tôi nghĩ ta có thể mạnh dạn khẳng định mà không sợ là giáo điều rằng nếu yêu nước là yêu dân, là muốn cho dân tự do, tự chủ để phát triển, mưu cầu hạnh phúc thì, vào thời đại ngày nay, phải dân chủ mới có thể yêu nước một cách đúng đắn.

Diệp Tường Bảo

THÔNG LUẬN

Nguyệt san

Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng,
mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc :
Association VietNam Fraternité,
124bis rue de Flandre
75019 PARIS, FRANCE

Giá báo một năm : Âu Châu 200
FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề :
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Biện pháp tình thế... dở hơi

Bùi Tín

* Đuôi chuột đầu năm mèo * Trònham nhí * Những tính toán của ông Phiêu * Khi chính ủy trở thành đầu đảng *

Đầu năm 1999, cũng là vào Xuân Kỷ Mão, tình hình Việt Nam khá sôi động. Thuế TVA gây hoang mang cho nhà kinh doanh và giới tiêu thụ. Văn phòng các công ty đầu tư nước ngoài đóng cửa hàng loạt. 15 phút bắn pháo hoa quanh hồ Hoàn Kiếm Hà Nội và một vài nơi khác không xóa được nỗi lo âu dai dẳng: nạn thất nghiệp lan rộng, nạn nghiện hút trong thanh thiếu niên tăng nhanh, nền giáo dục sa sút; vụ khai trừ tướng Trần Độ gây xôn xao trong nội bộ đảng, đặc biệt trong giới đảng viên kỳ cựu, quân đội, văn nghệ sĩ, cựu chiến binh; trong và ngoài nước trông chờ dấu hiệu ở Hội nghị trung ương 6 kỳ 2 xem có thay đổi gì chăng, đều trở mắt sừng sốt: họ án binh bất động! Dấu hiệu mới lớn nhất là chẳng có chút gì mới cả! Lại còn quay về "chơi đờ cổ".

Rửa mặt để chữa bệnh... ung thư!

Hội nghị trung ương 6 lần 2 tiến hành gần 10 ngày đã buộc phải thảo luận dai dẳng vấn đề nhức đầu nhất: *quốc nạn tham nhũng*. Ai nấy ở trong và ngoài nước đều biết đây là căn bệnh bất trị, càng hô hào chống, càng ra nghị quyết trừng trị bọn tham nhũng bao nhiêu thì nó càng lan rộng, ăn sâu, hoành hành dữ dội hơn, như căn bệnh ung thư ở thời kỳ cuối cùng vậy. Trong hội nghị đã có đại biểu phát biểu rằng: tình hình trong đảng cứ như là ai nấy, từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ cơ sở lên trung ương, người người ganh đua, người người thi đua để vợ vét tài nguyên quốc gia, để làm giàu bất chính mà vẫn giữ được chức quyền, vẫn chùi mép cho sạch... Các vụ tham nhũng lớn nhất: Tamexco, Dệt Nam Định, Tân Trường Sanh, đường dây ma túy Vũ Xuân Trường, vụ Tăng Minh Phụng... xem ra chỉ là một số vụ cơ vừa phải, được chọn làm vật tế thần nhằm xoa dịu dư luận. Có nhà quan sát giữa thủ đô nói lớn rằng: lúc này, tìm ra người không tham nhũng mới thật là khó! Vì dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, trên dưới ai nấy đều chia động tử: tôi tham nhũng, anh tham nhũng, nó tham nhũng; chúng

tôi tham nhũng, các anh tham nhũng, chúng nó tham nhũng, tất cả đều tham nhũng; thế là hòa, hòa cả làng!

Dưới sự lãnh đạo của tổng bí thư mới Lê Khả Phiêu, gần 170 bộ não kiệt xuất nhất của đảng (thật ra là tinh hoa của chất giáo điều và bảo thủ cô đọng của một đảng ở vào thời kỳ thoái trào, rã đám) đã sáng tạo ra một nghị quyết kỳ khôi, cốt lõi là: *tổ chức một cuộc tự phê bình và phê bình trong toàn đảng kéo dài trong hai năm*, từ kỷ niệm ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-1999 đến 19-5-2001. Đây là biện pháp chống tham nhũng thần diệu nhất mà ngài tổng bí thư mới đã tìm ra và ép toàn đảng phải chấp nhận và thi hành. Đầu năm Mèo, Hội nghị trung ương 6 đẻ ra... một cái đuôi chuột!

Thật tội nghiệp cho ông cụ Hồ! Ông cụ mong muốn được hòa thiêu để than tro mình được nhập vào đất nước quê hương mà cũng không được toại nguyện. Nay nằm cô quạnh trong lăng đồ sộ, lạnh lẽo cũng không yên, ông vẫn cứ bị kéo ra làm bung xung cho một trò nhằm nhí sẽ kéo dài suốt hai năm ròng, nói liền hai thế kỷ. Các *lời nói* của ông cụ về đạo đức cách mạng, về chống tham nhũng, về tự phê bình và phê bình như rửa mặt hàng ngày, lo cho dân, sống giản dị, trọng lễ công bằng... đều đang được sưu tầm, tận dụng cho cuộc "vận động lớn" này. Cái bệnh đao to búa lớn, nói huênh hoang, nói rồi để đấy, nói mà không làm... như tướng Trần Độ nêu lên đang được biểu diễn nổi bật hơn bao giờ hết.

Trònham nhí

Trong hơn 40 năm ở trong đảng cộng sản, tôi đã đích thân tham dự gần một chục cuộc vận động tự phê bình và phê bình, và đã suy nghĩ không ít về các cuộc vận động chính trị ấy. Từ những cuộc tự phê bình và phê bình trong thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, đến cuộc tự phê bình và phê bình sau khi tiếp quản thủ đô và các đô thị chống viên đạn bọc đường của giai cấp tư sản; đến tự phê bình và phê bình trong thực hiện

chính sách cải tạo xóa bỏ giai cấp tư sản; từ cuộc tự phê bình và phê bình nhằm xóa bỏ ảnh hưởng của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm đến cuộc tự phê bình và phê bình quét sạch nọc độc của chủ nghĩa xét lại hiện đại; sau 30-4-1975 là các cuộc tự phê và phê về tiếp quản miền Nam, về chính sách chiến lợi phẩm, về tập thể hóa nông nghiệp miền Nam, về xóa bỏ gian thương và quét sạch tầng lớp tư sản thương nghiệp..., rồi cuộc tự phê và phê của các đơn vị lớn tham gia chiến đấu chống bọn Khmer đỏ ở biên giới phía Nam, và sau đó là tiến công chiếm Cam-bốt, v.v...

Tôi coi đó là các trò *nhằm nhí* vì xét cho cùng chỉ là những cuộc sát phạt nhau bằng những thủ đoạn đối trá, kiểu đạo đức giả; đó là cuộc kết bè, kéo cánh, vu cáo, trả thù nhau. Chỉ những kẻ nhe dạ, yếu thế, kém vẫy cánh là bị hy sinh oan uổng, kêu trời không thấu. Những kẻ khéo nịnh bợ, khôn ngoan, biết luồn cúi thì có thời cơ lập công, trôi dạt. Giữa cuộc vận động tự phê và phê ấy, đã nảy ra những câu than thở có vần điệu:

- *Thắng thắn, thật thà thì thua thiệt.*

- *Lừa, luồn, lươn leo lại lên lương.*

Tôi coi đó là những trò *nhằm nhí* vì những cuộc sát phạt, đấu đá quyết liệt, căng thẳng ấy là một sự lãng phí kinh khủng về thời gian, tiền nong, sức lực của tất cả các bộ máy của đảng và nhà nước, quân đội. Trong suốt thời gian chỉnh huấn, học tập, tự phê bình và phê bình tại chức, công việc các cơ quan đều đình trệ, án binh bất động. Sau mỗi cuộc vận động lại dẫn đến thay đổi tổ chức, thay đổi cán bộ, người lên, kẻ xuống, đổi đi xa, đi gần... Ai cũng ngóng chờ tân quan, tân chính sách... cho đến cuộc vận động sau, lại thay đổi, lại xáo trộn một lần nữa.

Qua cuộc vận động hai năm chống tham nhũng, tổng bí thư Lê Khả Phiêu có thể trấn an dư luận quốc tế, các nhà đầu tư ngoại quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Thế Giới (WB)... rằng: các ngài khỏi lo, chúng tôi quyết ra tay diệt trừ tận gốc nạn tham nhũng lần này, hãy ráng chờ kết quả. Lại một

tính toán nhằm nhĩ coi thường dư luận quốc tế. Ai nấy đều biết, chỉ có một hệ thống luật pháp chặt chẽ, một nền tư pháp độc lập, nghiêm minh, những người cầm cân nảy mực trong sạch và trong sáng, một hệ thống cầm quyền lương thiện chấp nhận sự giám sát và ganh đua của một thế lực đối lập xây dựng... mới là *những điều kiện cần và đủ* để chống tham nhũng có hiệu quả. Bên cạnh các điều kiện hệ trọng ấy, việc "rửa mặt" suốt hai năm sắp tới chỉ là một trò nhảm nhí không lờ, làm trò cười cho thiên hạ. Dân nghèo thành thị và nông thôn, chẳng có tiền để đi giải trí Karaoke, sẽ tha hồ ngắm nhìn các quan lớn nhỏ tắm rửa tập thể để mà vui, mà lắc đầu, mà nhận xét, phê phán, cười vào mũi đảng.

Tôi đã làm

Tôi đã đọc kỹ bài phát biểu của ông Phiêu kết luận Hội nghị trung ương 6 lần 2, cổ vũ cho cuộc vận động tự phê bình và phê bình hai năm tới. Thoạt đầu tôi tưởng ai đó đùa dai trên hệ thống internet, đến khi đọc báo Nhân Dân, in trang trọng bài phát biểu ấy, tôi mới thật tin là chuyện nhảm nhí ấy là có thật. Trong thời "đổi mới", gần bước vào thế kỷ 21, viên chính ủy họ Lê trở thành đầu đảng đã tìm ra biện pháp thần diệu chống tham nhũng từ trong kho đồ cổ đầy bụi được xếp trong bảo tàng; các cuộc vận động tự phê và phê ấy mang nặng mùi vị của cách mạng văn hóa vô sản, theo lời vàng ngọc của Mao Trạch Đông: tự phê bình và phê bình như rửa mặt hàng ngày; người nói không có tội, người nghe để răn mình; tự phê bình và phê bình là động lực phát triển của đảng. Theo lời ông Mao dạy, Đảng Cộng Sản Việt Nam trong các cuộc vận động tự phê bình và phê bình đã dùng hàng loạt danh từ quân sự: *tiến công* tư tưởng phi vô sản, *bao vây* tư tưởng tư sản, *tiêu diệt* tư tưởng cá nhân chủ nghĩa; *truy kích* đến cùng tư tưởng tham ô, địa vị, cầu an, hưởng lạc; *củng cố trận địa* của tư tưởng vô sản, *tập kích các lô cốt cố thủ* của tư tưởng đế quốc, *buộc tư tưởng phi vô sản phải cúi đầu hàng phục* không điều kiện chủ nghĩa Mác-Lênin... Cứ như là bắn giết nhau trên mặt trận quân sự vậy!

Trong các cuộc sát phạt hùng hực ý chí căm thù giai cấp ấy, các vị *chính ủy* luôn đóng vai trò tiên phong. Đó là hình ảnh của những con nộm: "ngang lưng

thì thắt lập trường, đầu đội chính sách, tay cầm chủ trương...".

Tôi đã đánh giá sai ông Lê Khả Phiêu khi ông vừa được lựa chọn để có thể thay thế ông Đỗ Mười, cách đây chừng hai năm. Tôi nghĩ rằng ông Phiêu trẻ hơn ông Mười gần một chục tuổi, không thuộc thế hệ tù đế quốc ở Côn Đảo, Buôn Ma Thuột hay Sơn La, lại có chút ít văn hóa... nên có thể tiếp thu ít nhiều tư duy mới của thời đại. Suy nghĩ của ông có thể cởi mở hơn, thức thời hơn, thông thoáng hơn thế hệ đàn anh, do đó có thể tiếp cận thuận lợi hơn với nền chính trị hiện đại để hòa nhập với thế giới ngày nay. Chỉ cần lòng dạ trong sáng, yêu nước thương dân, đi sát cuộc sống xã hội là có thể đưa đất nước vào con đường đổi mới thật sự đầu cần trí tuệ gì ghê gớm.

Tôi đã lầm. Những thông tin mới đến từ Hà Nội suốt một năm nay - từ ngày ông nhận chức Tổng bí thư không hề chứng minh dự đoán của tôi - ông Lê Khả Phiêu đã tỏ ra bảo thủ, giáo điều, cù kỳ đến tột cùng. Cái cố tật của một chính ủy: duy ý chí, xung tụng Mác-Lênin một cách mù quáng, dùng lưỡi gươm cứng đờ, xa rời thực tế thật đáng sợ. Ông về quê Thanh Hóa, ghé qua đền vua Lê cứ như một ông vua... rờm vinh qui bái tổ, như một tay khai sáng một triều đại mới: hậu Lê! Có người đã bịt mũi, lắc đầu, nói đến bốn họ Lê dính nói liền nhau: Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu. Ông Phiêu từng gắn bó chặt với Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh - những quan trên trực tiếp của ông - trong thời kỳ ở Cam-bốt (1979 đến 1985). Ông Hoàng Minh Chính cũng có lúc lầm lẫn về ông Phiêu khi nhận xét rằng ông Phiêu biết lắng nghe, sống giản dị, không tham nhũng... Nay thì đã rõ. "Đánh" ông Trần Độ qua ba chục bài báo (mà không dám nêu rõ tên ông Độ), rồi khai trừ ông Độ là món võ của ông Phiêu. Một kiểu xử sự vô biên, khôn vặt và thấp kém.

Câu trả lời

Ông Trần Độ sau khi bị khai trừ khỏi đảng, vẫn điềm tĩnh nhận xét "đảng cộng sản phải lựa chọn: đổi mới thật sự hay là chết". Hội nghị trung ương 6 chính thức từ chối sự đổi mới. Và ngài Lê Khả Phiêu lên lớp cho toàn đảng một bài học về đạo đức, về tự phê bình và

phê bình, về kiểm thảo, về rửa mặt tập thể, nghĩa là quay về với việc tụng niệm kinh sách sặc mùi duy tâm. Cuộc tắm rửa sẽ diễn ra trong hai năm dài. Họ đang mua thời gian. Ban ngày họ tắm rửa, kỳ cọ, sát phạt nhau, và đến tối họ lại đi tắm hơi, đi mát-xa... để lấy lại sức. Ban ngày họ viếng lăng Bác, tụng kinh ông Hồ để tối lại đếm từng xấp giấy màu xanh mới nhận in hình ông Washington. Đúng là một ứng dụng mẫu mực của kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Họ còn hai năm để trở nên sạch sẽ. Để rồi sẽ tổng kết hoan hỉ: dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê, toàn đảng đã đồng của kỳ cọ cho nhau để trở nên sạch sẽ từ trong ra ngoài. Một kiểu xử lý nội bộ rất vui vẻ, rất triệt để; quốc nạn tham nhũng.

Thế nhưng phản ứng của đảng viên đông đảo hoàn toàn khác hẳn. Ông Trần Độ lên tiếng quyết liệt hơn. Ông Hoàng Hữu Nhân khẳng khái bênh vực hào khí Trần Độ. Ông Nguyễn Văn Đào dõng dạc đòi hỏi phải đổi xử có văn hóa với đảng viên, yêu cầu trung ương trả lời minh bạch các khoản tiền biếu tặng tổng bí thư Đỗ Mười (hơn một triệu đô la) và sự làm giàu đến chóng mặt của quý tử Phương, con rể ông Mười (giám đốc ASCO), đồng thời đòi trừng trị bằng luật pháp các đảng viên dính vào các vụ tham nhũng lớn nhỏ và hủy các bản án bất công. Trung tướng Phạm Hồng Sơn lên án mạnh mẽ tệ đảng trị: đảng lấy ngân sách nhà nước làm ngân sách đảng để chi tiêu hoang phí, đảng chuyên quyền, lộng hành, tự đặt mình ở trên luật pháp... gây chấn động trong toàn quân. Giáo sư Phạm Ngọc Uyển ở Trường đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc công khai bác bỏ thuyết Mác-Lênin gây chấn động trong giới nghiên cứu chính trị. Vụ Trần Độ đang gây những bùng nổ dây chuyền. Các lực lượng lãnh mạnh trong xã hội và trong đảng đang lên tiếng mạnh mẽ trả lời sự khiêu khích trắng tráo của những người thô bạo.

Có thể đánh đổ một ăn mười, một ăn một trăm rằng chẳng có một đảng viên nào, một người dân nào - kể cả ông đầu đảng họ Lê - thành thật tin rằng cuộc tự phê bình và phê bình hai năm tới sẽ làm cho đảng trong sạch và diệt trừ được tham nhũng. Trong thế cùng quẫn, ông tổng mới họ Lê đón năm con mèo bằng cái đuôi chuột đã nặng mùi **Bùi Tín**

LTS: Lại thêm một tướng lĩnh lên tiếng phê phán đảng cộng sản Việt Nam. Bài viết dưới đây có thể được nhiều người đánh giá là chưa được mạnh mẽ nhưng cũng đã là một phê phán rất nặng nề đối với đảng cộng sản, và đặc sắc ở con người của tác giả.

Ông Phạm Hồng Sơn là trung tướng quân đội cộng sản Việt Nam, hiện đã về hưu. Năm nay 75 tuổi, ông Sơn là cháu gọi anh hùng Sa Diện Phạm Hồng Thái bằng chú, dòng dõi này cho ông một thế gia. Ông Phạm Hồng Sơn còn một thế gia khác là vị tướng có học vị cao nhất của quân đội cộng sản Việt Nam: dù tuổi cao ông vẫn ham học và đã đậu học vị tiến sĩ. Tuy đã về hưu nhưng ông còn công tác, cách đây vài tuần, ngay trước khi viết bài này, ông được mời vào Ban Lý Luận Trung Ương, một ủy ban cao cấp do Bộ Chính Trị thành lập để chỉnh đốn đường lối cho đảng cộng sản. Ông cũng là người rất gần gũi và nhiệt thành ủng hộ ông Lê Khả Phiêu, vì vậy những phê phán nặng nề của ông đối với đảng cộng sản có thể cũng được coi là phản ánh suy nghĩ của chính ông Phiêu với hậu quả tốt hoặc xấu cho ông Phiêu.

Vì sự thân tình này nên chắc ông sẽ không bị khai trừ như ông Trần Độ nhưng cũng khó đi xa hơn trong sự phê phán đảng. Câu hỏi đáng đặt ra là liệu sau bài này ông có còn được ở lại Ban Lý Luận Trung Ương hay không. Dầu sao thì bài này cũng sẽ đặt đảng cộng sản trong một hoàn cảnh bối rối mới.

Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền, Đảng trị - vấn đề này là một vấn đề lớn đối với Đảng cầm quyền, không những đối với ta mà cả đối với các nước do đảng cộng sản cầm quyền từ Liên Xô và các nước khác ở Đông Âu cũ đến Trung Quốc, Triều Tiên, Cu Ba và Việt Nam hiện nay.

Trong bức thư gửi các ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện xã làng ngày 17-10-1945 Bác Hồ đã viết: "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ, dưới quyền thống trị của Pháp Nhật". "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta".

Trong buổi gặp gỡ các nhà báo đầu năm 1946, Bác Hồ đã tuyên bố: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức vụ chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh quốc dân ra trước mặt trận". "Bao giờ đồng bào cho tôi lui thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm cho nước ta được Hoàn Toàn Độc Lập, Tự Do, Dân Ta Được Hoàn Toàn Tự Do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". "Riêng phần tôi thì tôi làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng

rau; sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi...".

Bác đã nêu: "Gốc có vững, cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân".

Bác nói: "Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng, vì Bác Hồ của chúng ta người Việt Nam mà nhiều người vẫn còn nhớ câu của Khổng Tử: "Không sợ thiếu, chỉ sợ lòng dân không yên. Đã công bằng thì không nghèo, đã hòa mục, thì không thiếu, lòng dân đã yên thì không sợ nghiêng đổ".

Vì sao Liên Xô đổ cực kỳ nhanh ngoài sức tưởng tượng của mọi người mà không có một phản ứng gì của dân Liên Xô và ngay cả Đảng viên Đảng cộng sản Liên Xô, chính vì một trong nguyên nhân chủ yếu là lòng dân đã không còn ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Liên Xô nữa, vì thiếu dân chủ, và quá nhiều đặc quyền đặc lợi cho cán bộ cầm quyền.

Đảng ta không bao giờ nói đến Đảng Trị. Cần xem cái gì khác nhau giữa Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền với Đảng Trị. Chủ trị có nội dung trong chính trị là trong liên từ thống trị như Bác nêu về quyền thống trị của Pháp, Nhật ở trên, hoặc từ cai trị (gouverneur général). Cái quan trọng nhất là coi dân là chủ hay coi dân là đối tượng để lãnh đạo, còn Đảng, Chính phủ là bề trên.

Trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo với cơ quan dân cử Quốc Hội, Hội

đồng nhân dân... chính quyền trong một Nhà nước Việt Nam của dân, vì dân, do dân - chứ không phải Nhà nước vô sản chuyên chính như quan điểm của Mác Anghen, hoặc Nhà nước công nông chuyên chính như ở Liên Xô cũ - thì phải làm thế nào. Có phải cách làm việc như hiện nay không? Cái gì là đường lối, chủ trương, chính sách Đảng lãnh đạo cần đề ra; cái gì thuộc chính quyền điều hành, phạm vi đến đâu. Ngay trong chính quyền Nhà nước ta có Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ, Tòa Án ta theo kiểu ba quyền phân lập, hay thực chất chỉ có một quyền tối cao.

Bộ máy của Đảng và Chính quyền nên như thế nào, hiện nay có hai bộ máy cầm quyền là Đảng cầm quyền và chính quyền rất công kênh tốn kém chi tiêu rất lớn, khác với chính quyền của các nước tư bản rất nhiều. Do đó nên mới có những việc Đảng quyết định tất cả đường lối, chủ trương, chính sách thậm chí cả quyền bắt người, giam giữ như vụ chống Đảng Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang... không theo luật pháp, hoặc vụ Hồng Hà, Hà Sĩ Phu và nhiều vụ án phải xin ý kiến của cấp ủy, hoặc trong việc bầu cử Quốc Hội, Hội đồng Nhân dân các cấp phải do Đảng thông qua. Mặt trận Tổ quốc, một bộ máy do Đảng lãnh đạo tuyệt đối, giới thiệu lãnh đạo.

Chi tiêu hành chính cho hai bộ máy công kênh này thuộc ngân quỹ Nhà nước mà theo Báo Lao Động, ngân quỹ

Chúng tôi trả thẻ đảng hết

chi tiêu hành chính cho Đảng cao hơn ngân quỹ hành chính của Nhà nước có đúng không? Nếu đúng thì thật nguy hiểm vì ta thấy một hiện tượng rất đáng lo ngại là nhà cửa, phương tiện bảo đảm, chi tiêu về lương bổng của bộ máy của Đảng đều to hơn, sang hơn, đắt tiền hơn các cấp tương đương của chính quyền.

Đảng ta có bộ máy lớn hơn bộ máy của chính quyền và dân cử mà nhân dân đều phải đóng góp. Mà một chiều hướng đập vào mắt mọi người là rất nhiều cán bộ Đảng, Chính quyền hiện nay ở cửa nhà to lớn, đẹp đẽ, đi xe rất sang, ăn chơi phè phỡn, có người trác táng đã bị bắt, trong khi đó nhân dân số nghèo khổ còn rất đông dù rằng ta đã là nước xuất khẩu gạo thứ hai thế giới, kinh tế của ta có nhiều phát triển tương đối ổn định, đời sống nhân dân có phần khá hơn trước. Trong xã hội ta hiện nay những người có nhà to, nhiều tiền, chơi các hàng sang trọng họ thuộc tầng lớp nào, có phải tư sản cả không hay chính là cán bộ Đảng và Nhà nước hoặc con em họ hàng của họ.

Hiện tượng Thái Bình đã chứng minh lý do chính của việc đó là cán bộ chúng ta đã không theo tư tưởng Hồ Chí Minh, không lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hành động, không xứng đáng là người lãnh đạo, đồng thời là người nô bộc của dân, chính dân mới là chủ mà người đầy tớ đã tước mất vị trí làm chủ mà Đảng ta và Bác Hồ đã tuyên bố.

Đã đến lúc Đảng ta cần thực hiện đúng lời Bác Hồ dạy về dân chủ.

Trung tướng Phạm Hồng Sơn

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

LTS: Sau đây là thư của ông Nguyễn Văn Hán, một cựu chiến sĩ Điện Biên Phủ gửi cho cựu đại tá Phạm Quế Dương, tán thành việc ông Phạm Quế Dương trả lại thẻ đảng. Cùng trong số này, chúng tôi cũng cho đăng thư của một cựu chiến binh khác tại Hải Phòng, ông Vũ Cao Quận, cũng quyết định ly khai đảng cộng sản? Mặt khác, cựu trung tá Phạm Vũ Sơn, ngày 15-1-1999, cũng đã viết thư cho Bộ Chính Trị và chỉ bộ đảng Quận Đông Đa tuyên bố ra khỏi đảng cộng sản.

Thông Luận tự ý cắt bỏ một đoạn ở giữa thư vì đoạn này nói về đời tư của các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Đoàn Khuê và bà Nguyễn Thị Bình với những sự kiện đã được biết và một số sự kiện khó kiểm chứng.

Lâm Đồng, ngày 20-1-1999

Anh Phạm Quế Dương kính mến,

Từ Lâm Đồng x xôi, qua các nguồn thông tin khác nhau, chúng tôi được tin Trung tướng Trần Độ, người chỉ huy kính mến của chúng tôi, thần tượng của các thế hệ chiến sĩ chống Pháp, chống Mỹ, đã bị bè lũ Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình, Phạm Thế Duyệt... khai trừ ra khỏi Đảng. Còn trách nhiệm của Lê Khả Phiêu, chúng tôi đang đặt dấu chấm hỏi, sẽ phân xét sau.

Chúng tôi thật không hiểu tại sao cái lũ ấy nó ngu si đến thế. Đối với chúng tôi, đối với dân tộc này, đối với Đảng này, Trần Độ là một trong những đảng viên ưu tú số 1, có quá trình cống hiến vẻ vang trong thời kỳ hoạt động bí mật, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và đã rất xứng đáng được tặng huân chương Hồ Chí Minh.

Trong những năm gần đây, tuy tuổi già sức yếu, lại thêm bệnh tật, lão tướng Trần Độ vẫn tiếp tục vất kiệt sức mình đóng góp cho Đảng, cho dân tộc những ý kiến quý báu. Những bản kiến nghị của Trần Độ có giá trị gấp nghìn lần những nghị quyết của Đảng được thảo ra theo những bộ óc bả đậu và nhân cách xấu xa của Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình...

Tin Trần Độ bị khai trừ đang làm cho chúng tôi ở phần đất phía Nam Tổ quốc này vô cùng buồn phiền và tức giận, thì qua đài phương Tây, chúng tôi lại nhận được tin vui và rất đáng tự hào là Phạm Quế Dương đã trả lại thẻ Đảng, với câu nói từ nay sẽ đi vào lịch sử: "Đảng khai trừ Trần Độ thì nhân dân sẽ khai trừ Đảng". Thật là tuyệt vời.

Anh Phạm Quế Dương yêu quý ơi! Chắc là anh không biết tôi. Nhưng tôi, một chiến sĩ Điện Biên Phủ năm xưa thì

rất biết anh, một chính trị viên phó trẻ tuổi của đại đội 827, nổi tiếng dũng cảm trong trận đánh ngày 18-3-1954. Từ ngày đó tên tuổi Phạm Quế Dương luôn luôn là ngôi sao sáng trong trái tim những người lính trẻ chúng tôi, thúc dục chúng tôi phấn đấu vươn lên, và sau chiến dịch, tôi đã vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Từ đó đến nay, đã 45 năm trôi qua. Tôi cùng khẩu pháo thân yêu của mình ngang dọc đường Trường Sơn, tiếp tục đánh Mỹ cho đến ngày toàn thắng. Trong một trận đánh, tôi đã bị thương và ở lại trên mảnh đất Lâm Đồng cho đến nay.

Gần một nửa thế kỷ vắng mặt tin anh. Không ngờ vừa bước sang năm 1999, năm chuẩn bị kỷ niệm 45 năm chiến thắng Điện Biên lấy lừng, bỗng nghe tên Phạm Quế Dương vang lên trên các làn sóng điện, với câu nói tuyệt vời: "Đảng khai trừ Trần Độ thì nhân dân sẽ khai trừ Đảng".

Lời nói bất hủ của anh cũng giống như lời hô của Nguyễn Viết Xuân năm nào: "Nhắm thẳng vào quân thù mà bắn", giống như tiếng súng mở màn cho trận Điện Biên năm xưa, và ngày nay chắc chắn sẽ mở màn cho một trận Điện Biên Phủ mới, đánh thẳng vào tập đoàn phản động phá Đảng Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình... Có đánh tan bọn này mới mong có thể làm trong sạch Đảng, đưa Đảng trở lại quỹ đạo. Nếu như trước đây, nguy cơ lớn nhất của Đảng là tập đoàn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Tố Hữu... làm cho đất nước đứng bên bờ vực thẳm, thì nay, cái khối ung thư Lê Duẩn, Thọ, Tố Hữu đã di căn sang Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình... Và nếu không kiên quyết khoét bỏ đi thì sẽ làm ruồng nát cả cơ thể Đảng. Do đó, phát súng mở màn của

Kính gửi:

Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương
Đảng cộng sản Việt Nam
Chi ủy Chi bộ, Đảng ủy phường Trung
Liên Quận Đống Đa, Hà Nội

Tôi, Phạm Vũ Sơn, là cựu chiến binh đã tham gia chống Pháp và suốt thời kỳ chống Mỹ. Tôi chiến đấu ở chiến trường K. Tôi có hơn 40 năm tuổi Đảng. Năm nay tôi 68 tuổi, đã bị xuất huyết não, bây giờ nghỉ hưu, ốm đau tàn tật. Tôi nghe tin ông Trần Độ bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Tôi đã được đọc kỹ bản kiến nghị của ông Trần Độ. Tôi thấy đây là một văn kiện đầy tâm huyết, chân thành và xây dựng. Tôi nghĩ Bộ Chính Trị thiếu gì cách giải quyết như mạn đàm, hội thảo, v.v... Tôi thấy khai trừ ông Trần Độ là việc làm có tính chất triệt hạ những người có công với cách mạng. Tôi cay đắng thấy rằng bây giờ những người cộng sản không muốn nghe nói

thẳng, nói thật.

Trước đây tôi đã thấy Đảng xử trí sai lầm với những ông như Nguyễn Hữu Đang, Vũ Đình Huỳnh, Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang, v.v..., gần đây như ông Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà, nay lại thêm với ông Trần Độ. Không biết tiếp theo sau là đến những ai?

Tại sao bây giờ mở cửa, ta có thể bắt tay làm ăn với Mỹ và Nam Hàn, nhưng tại sao ta lại đối xử tồi tệ với đồng chí cũ như vậy?

Tôi không tán thành việc làm ấy. Là đảng viên, tất cả việc làm và suy nghĩ phải thống nhất với Trung ương, tôi nay thấy lương tâm tôi không thể thống nhất được. Vậy tôi làm đơn xin ra khỏi Đảng, trả lại thẻ Đảng và huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Tôi tin rằng lịch sử Việt Nam sẽ có lúc phán xét công minh. Trước đây lịch sử đã ghi công Chu Văn An và Nguyễn Trãi, sau này sẽ ghi chép Hoàng Xuân

Hàn và Trần Độ là những người con yêu nước thương nòi.

Xin kính chào các ông lời chào vĩnh biệt.

Hà Nội ngày 15 tháng 1 năm 1999

Phạm Vũ Sơn

Kính tặng:

106 gia đình xóm Phủ Hồ Tây
Đồng kính tặng Kiến trúc sư Trần
Thanh Vân, Nguyễn Hoàng Phương
và Hoàng Phúc Thăng

*Dân lành xóm Phủ Hồ Tây
Ghi thêm Tội Ác! Cuóp ngày! Thủy
Cung (1)
Muôn đời truyền kiếp thù này:
Đục khoét đêm là Trộm! Trấn lột ngày
là Quan!*

*Một bầu giặc: bọn Quan tham!
Phá Dân hại Nước suy tàn Quốc gia!
Vinh thân một lũ phi gia
Tham quyền cố vị ba hoa trung thành
Màn khai lý lịch Một Anh!
Treo dê bán chó! Quỳnh Loan côn đồ!
Khen Anh Dẫn! Chê Giáp Hồ!
Buôn lậu! Tham nhũng! Vết vợ sớm
chiều!
Ngu dốt! Lãng phí! Quan liêu!
Quốc họa! Quốc nạn! Quốc điều! Quốc
tàn!
Cuóp đất! Mất việc! Làm than!
Dân nghèo nheo nháo! Tham tàn vinh
hoa!
Thờ ông Tây! Vết Đô la!
Chà đập bản sắc tinh hoa Tiên Rồng!
Độc quyền! Bảo thủ! Cuồng nông!
Cụ Hồ chín suối có thông nỗi niềm
"Tam Vô Nhị Các"! Đảo điên!
Địa linh Nhân kiệt Tổ tiên khóc thầm!*

*Thủy Cung! Xóm Phủ! Hại Dân!
Cầm cân nẩy mực! Lương tâm đâu rồi?
Cớ sao im tiếng nín hơi
Để Dân khản cổ kêu Trời thế kia?
Dân chủ nuôi lũ Dân phe
Còn gì nhục nhã, ê chề...! Buôn Dân!
Còn Cuóp Bóc! Còn Đấu Tranh!
Hồ Tây kêu cứu! Việt Nam khác gì?
Hay mau nghỉ kỹ lại đi!*

Trần Bá

(cựu chiến binh)

(1) Về vụ Thủy Cung Thăng Long, xem TL số 120, tháng 11-1998

Phạm Quế Dương có giá trị như phát pháo hiệu cho một cuộc chiến đấu mới, một Điện Biên Phủ mới.

Điều trở trêu nhạt, nực cười nhất là trong thông báo của Bộ Chính Trị về kỷ luật Trần Độ có ghi thêm là "sa đọa về phẩm chất". Đây là một âm mưu thâm độc của bọn người hạ đẳng. Thứ nhất là chúng muốn nhằm bôi nhọ Trần Độ trước toàn Đảng, toàn dân, sau khi quá tức tối về những quan điểm sáng ngời chính nghĩa của ông, làm cho bọn chúng tức học máu mà không làm gì được. Mục đích thứ hai là lập lờ đánh lộn con đen, nhằm lừa dối dư luận trong nước và thế giới rằng: Đảng Cộng Sản Việt Nam khai trừ Trần Độ là do vi phạm nguyên tắc Đảng, do sa đọa phẩm chất chứ không phải là do quan điểm tư tưởng.

Nhưng bọn người hạ đẳng này có biết gì đâu, ghi thêm cái mục này vào thông báo thì chính là "gậy ông lại đập lưng ông". Bởi vì nếu Trần Độ bị khai trừ vì phẩm chất đạo đức thì Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình... đều phải linh tội chém.

[...] Chính vì thế mà qua vụ khai trừ Trần Độ, với cái thông báo ngu xuẩn, bộ mặt của ban lãnh đạo Đảng hiện nay càng lộ nguyên hình là một tập đoàn xấu xa đáng ghê tởm, không xứng đáng để Trần Độ đứng trong đội ngũ và

Phạm Quế Dương đã khai trừ nó một cách đích đáng: "Đảng khai trừ Trần Độ thì nhân dân sẽ khai trừ Đảng".

Nói gương Phạm Quế Dương, tất cả đảng viên chiến sĩ Điện Biên năm xưa chúng tôi trả thẻ đảng hết.

Hỡi các đảng viên của Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh, Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện!

Nhân việc khai trừ Trần Độ, hãy trả lại thẻ Đảng. Chúng ta sẽ trở lại danh hiệu đảng viên Đảng cộng sản khi trong Đảng không còn những tên sâu mọt xấu xa như Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình... Chúng ta sẽ trở lại danh hiệu đảng viên khi Đảng đã tự lột xác thành một Đảng trong sạch, vững mạnh như Bác Hồ hằng mong muốn.

Xin cảm ơn anh Phạm Quế Dương vì hành động dũng cảm vừa qua, cũng như anh đã từng là một chiến sĩ Điện Biên dũng cảm năm xưa.

Kính chúc anh sức khỏe.

Cho tôi gửi lời thăm chị và các cháu. Chị và các cháu hãy tự hào khi có một người chồng, một người cha dám hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc.

Một lần nữa kính chúc anh sức khỏe và hạnh phúc.

Một chiến sĩ Điện Biên năm xưa
Nguyễn Văn Hán

Để được tự do trôi vào dòng đời dân tộc

LTS: Lá thư viết tay sau đây được gửi từ Hải Phòng đến cho Thông Luận. Lời lẽ giản dị và thanh thục của nó chắc chắn đã gây được xúc động nơi các đảng viên và vì thế đã được phổ biến rộng rãi, về đến cả Hà Nội. Điều đáng chú ý là hiện nay đảng cộng sản coi Hồ Chí Minh như một biểu tượng chính để gắn bó các đảng viên với nhau. Nhưng biểu tượng này không còn hiệu lực nữa, bởi vì những người rất ngưỡng mộ Hồ Chí Minh như tác giả lá thư này cũng ra khỏi đảng.

Kính gửi Chi bộ 6c thuộc Đảng ủy Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Tôi là Vũ Cao Quận, 66 tuổi, nhập ngũ ngày 1 tháng 9 năm 1948, là đảng viên có 38 tuổi Đảng. Ngay từ giờ phút này, tôi tự coi là một người ngoài Đảng nên tôi không dám dùng hai chữ đồng chí thiêng liêng nữa.

Thưa các bác trong Chi bộ,

Trước một quyết định quan trọng của một đời người, trong giấy xin ra Đảng này, tôi xin phép Chi bộ cho tôi được trình bày một số suy nghĩ và lý do xin ra Đảng của tôi.

Tôi sinh ra từ một gia đình được gán cho là thuộc thành phần lớp trên. Nhưng những ngày đầu Cách Mạng Tháng 8 năm 1945, bốn anh chị em ruột tôi đều lần lượt theo nhau nhập ngũ, trực tiếp chiến đấu và tất cả đã hoàn thành nhiệm vụ với Quân đội, với Tổ quốc. Có ba người là đảng viên và anh ruột là liệt sĩ hi sinh năm 1954.

Gần một nửa tuổi Đảng của anh chị em tôi chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng Lao Động Việt Nam, tôi viết điều trên cũng là để tạ lỗi với Đảng Lao Động Việt Nam kính yêu, Đảng của những người lao động, của dân tộc Việt Nam.

Những năm gần đây, tình hình toàn cầu có nhiều thay đổi, thay đổi đột biến. Xã hội Việt Nam cũng đang có nhiều diễn biến ngoài tầm suy nghĩ của tôi. Và trước bao câu hỏi của thời đại, bao điều mới mẻ mà học thuyết Mác không lý giải nổi để lại bao điều trăn trở trong tôi. Từ những nhận thức trên, tôi chỉ là một đảng viên bình thường khó có những nhận thức và quan điểm cá nhân mình đối với ý chí chung trong một số vấn đề cả về lý luận cũng như thực tiễn.

Khi tôi phấn đấu vào Đảng, chủ yếu là lòng yêu nước và đi chiến đấu với một niềm tin, với lời hứa của buổi đầu Cách Mạng Tháng 8 là khi sự nghiệp Cách Mạng Thành Công, đất nước độc lập thì

mọi người dân đều được hưởng tự do, ấm no, ai cũng có công ăn việc làm, được đi học, được chăm lo y tế không mất tiền, người già có nơi nương tựa, có an dưỡng đường, v.v... và v.v... Cả đời tôi, nếu có làm được một điều gì tốt là do đạo lý Việt Nam, là Bác Hồ răn dạy giáo dục. Còn chủ nghĩa Mác-Lênin, cho đến bây giờ cũng chưa bao giờ tác động đến mọi nỗ lực trong cuộc đời chiến đấu và phẩm chất đạo đức của tôi.

Mới đây, tôi nghe tin Ông Trần Độ, thủ trưởng cũ của tôi, một vị lão thành Cách Mạng từng bị tù đầy thời thực dân Pháp trước 1945, chính ủy Sư Đoàn 312 anh hùng, phó chỉ huy Quân Giải Phóng Miền Nam, là ủy viên Trung Ương Đảng nhiều khóa, đã bị khai trừ khỏi Đảng vì những điều tâm huyết của ông nói với Đảng. Tiếc thay, một Đảng vĩ đại sau khi giành được chính quyền rồi mà nỡ "được chim bẻ ná, được cá bẻ câu", thiếu lòng sắt son, thủy chung tình đồng chí, tôi lại càng thấy chẳng còn lý do gì ở lại trong Đảng.

Đảng từng là một mối son vĩ đại trong lòng dân tộc, là chiếc đỉnh vàng chói lọi cắm sâu vào trong lịch sử Việt Nam, mà tôi cũng như hàng triệu người đem treo cuộc đời và thân phận nhỏ bé của mình vào đó. Và hôm nay tôi lại xin tự mình cởi ra để được tự do trôi vào dòng đời dân tộc. Rất mong Chi bộ lưu ý là vợ con tôi hoàn toàn không liên quan và không chịu trách nhiệm gì về việc xin ra Đảng của tôi.

Thưa các bác! Đêm đã khuya lắm rồi, tim tôi se thắt lại và nước mắt dần dựa khi phải viết những dòng này. Tôi đã ở cái tuổi trông thấy cái điểm cuối cùng của cuộc đời đến rất gần, không còn bon chen, không còn ham hố một điều gì nữa ngoài sự yên ấm của gia đình, sống trong tình thân ái của bạn bè, đồng đội, đồng chí và sự cảm thông bất lực trước cảnh nhân dân ta còn nghèo khổ, còn chịu nhiều cảnh bất công. Đã có một đoạn đời, khi sống đã chiến đấu vì Tổ quốc thì khi chết cũng chết vì Tổ

quốc mà thôi. Người xưa từng nói: "Con chim sắp chết tiếng kêu thảm thiết, con người sắp chết nói lời trung thực". Tôi sẽ mãi mãi là người bạn trung thực của các bác, là một công dân lương thiện và là một người lính già tử tế.

Những năm gần đây được sinh hoạt cùng trong Chi bộ với các bác, tôi cũng còn nhiều điều chưa phải đối với các bác, tôi trăm lần xin các bác trong Chi bộ tha lỗi cho tôi.

Vĩnh biệt Đảng, người Cha tinh thần của tôi trong suốt 38 năm qua, vĩnh biệt Chi bộ 6c và xin tạm biệt các bác trong tình cảm bạn bè thân ái.

Hải Phòng, ngày 1 tháng 2 năm 1999

Người làm đơn ký

Vũ Cao Quận

Giới thiệu sách

"Gà cùng một mẹ..." tác phẩm thứ ba của nhà báo Bùi Tín ở hải ngoại, sau "Hoa Xuyên Tuyết" và "Mặt Thật", do nhà xuất bản Thiện Chí ở Đức phát hành. Sách dày 180 trang, khổ A4, bìa giấy láng trắng đen, 25 ảnh.

Nội dung quyển sách gồm những câu trả lời của các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về cuộc chiến tranh Việt Nam; những suy tư về hiện tình đất nước, về thế và lực đấu tranh giành tự do dân chủ, về hòa giải và hòa hợp dân tộc, về vai trò của người Việt ở hải ngoại...

Một quyển sách gợi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ, mở ra những cuộc thảo luận đi tới lẽ phải và đồng thuận. Một cuốn sách không thể thiếu đối với những tâm lòng Việt Nam còn nặng tình với đất nước. Một quà tặng quý cho bạn bè.

Giá bán tại Pháp: 80 FRF (đã kể bưu phí gửi). Tại Châu Âu: 90 FRF (đã kể bưu phí gửi). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gửi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandres, 75019 Paris, France.

Chia vui với bác Trần Độ

Hà Sĩ Phu

Được Đảng khai trừ, bác nói 'không ngạc nhiên gì', 'rất bình thân' và vẫn nhiều hy vọng... Bình thân và hy vọng thì đúng là chuyện vui rồi. Điều ấy tôi thật tâm đắc.

Vì thế, muốn kể một chút về sự tâm đắc của mình để bác nghe.

Cuối năm 95, đêm đầu tiên bị khóa trong phòng giam. Người quản giáo khóa cửa sắt đến xoay một cái rồi đi ra, tôi nắm bàn tay vào chấn song tù, ngỡ ngàng như Lưu Nguyễn chạm vào đá, vào hoa của động Thiên Thai, phì cười trước sự phi lý nhưng lại có thật, như từ duyên nợ tiền kiếp. Bất giác nhớ thơ Nguyễn Du:

*Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai!*

Chẳng những 'không ngạc nhiên' mà còn như chờ đợi nhau đã lâu.

Bác không ân hận gì về chuyện ra Đảng, điều này dễ hiểu, vì thấy Đảng bây giờ không còn là Đảng mà bác tự nguyện gia nhập. Nhưng bác cũng 'không ân hận gì về việc mình đã là người Cộng sản 58 năm qua!' Và ngay bây giờ bác cũng không chống Đảng, trái lại chỉ muốn Đảng tốt hơn, xứng đáng với thời đại hơn, xứng đáng với Dân tộc hơn thôi! Ra Đảng rồi vẫn muốn Đảng tốt hơn và tin rằng nhất định rồi Đảng sẽ phải tốt hơn! Ấy là Tấm lòng ta muốn như thế! Đến điều này thì chắc nhiều người phải đánh dấu hỏi, hoặc là không hiểu, hoặc là không thích, hoặc là không tin. Bởi ai chẳng biết trước đây hy vọng "xây dựng một Chủ nghĩa Cộng sản có diện mạo Nhân đạo" ở Liên Xô cũ chỉ là ảo vọng.

Song, ở đây có một điều tế nhị liên quan đến điều phức tạp nhất đối với nhận thức thực tiễn Việt Nam là quan hệ giữa hiện tại và quá khứ. Quá khứ gắn với 'Tấm lòng', và Hiện tại gắn với Lý trí, với Ý thức. Gờ được cái nút này nhiều người sẽ hiểu được nhau.

Về phần mình, trong phạm vi lý luận khoa học tôi đã nhiều lần nói về tính ảo tưởng, cực đoan, lạc hậu, giả khoa học và phi nhân bản, phản tiến hóa của hệ lý

luận Mác-xít; nhưng tôi lại trân trọng những 'Tấm lòng Cộng sản'! Vì đó là tấm lòng của những người chỉ vì tận trung với nước, tận hiếu với dân mà đã chọn Đảng Cộng sản làm một phương tiện, mà trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể thời ấy, phương tiện này tỏ ra hữu hiệu cho mục đích cứu nước của mình (dẫu chưa có được ý thức đầy đủ về nó)! Trong quan hệ mục đích phương tiện thì Yêu nước là mục đích, phong trào Cộng sản là phương tiện. Trong quan hệ trao đổi năng lượng thì Chủ nghĩa Mác-Lê đã ký sinh trên nguồn năng lượng vô tận của Chủ nghĩa Yêu nước.

Nhưng, phương tiện là cái để ta dùng, ta sửa chữa, và khi thấy không nên dùng nữa thì ta có quyền cất nó đi một cách dễ dàng, để không cho kẻ khác tiếp tục dùng phương tiện ấy của ta mà làm hại ta! Người biết dùng phương tiện một cách trong sáng và thông minh không bao giờ để cái phương tiện giải phóng mình biến thành cái gông chộp lên đầu mình, dè lên cổ mình, biến mình và đồng bào đồng chí mình một lần nữa thành nô lệ (vì như thế khác nào tránh vô đưa để chuốc lấy vô đưa?). Tôi tin chắc rằng, trừ một thiểu số vốn có mưu đồ bất chính ra, còn tất cả những người đã một lòng chiến đấu, hy sinh vì đất nước này, dưới ngọn cờ của Đảng trước đây, dù là đảng viên cộng sản hay không phải đảng viên đều chung một 'Tấm lòng cộng sản' như thế. Bởi vậy, tuy được gọi là 'Tấm lòng cộng sản' nhưng thực chất đây là sản phẩm của Chủ nghĩa Yêu nước Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử nhất định, chứ tuyệt đối không thể coi đây là đặc sản của Chủ nghĩa Mác-Lê được! Tấm lòng cộng sản được nhận thức như vậy hoàn toàn khác với Ý thức hệ cộng sản! Cho nên người yêu nước chân chính có thể giữ vẹn 'Tấm lòng cộng sản' của mình ngay cả khi Ý thức hệ cộng sản sụp đổ mà không có gì tự mâu thuẫn cả. Điều phân biệt này thể hiện rõ ở cách hành xử của người cộng sản Trần Độ, thể hiện rõ trong nhân cách Trần Độ. Vì thế, tôi tâm đắc.

Trong khi đó có nhiều người quyết giữ Ý thức hệ cộng sản (như quyết giữ một thú vũ khí đấu tranh sinh tồn thôi), nhưng 'Tấm lòng cộng sản' thì cứ mỗi ngày một nhập nhoạng ngả màu Đỏ-la không kiểm chứng nổi! Xét trong mục đích thì 'kiên định' như thế là kiên định lộn ngược, đây mới là sự phủ định quá khứ từ trong bản chất.

Khởi thủy ta tưởng 'sự kết hợp Chủ nghĩa Yêu nước Việt Nam với Chủ nghĩa Xã hội' là một phát kiến lớn, là 'cửa mở' đưa dân tộc ta tới thiên đường. Ở giai đoạn đánh ngoại xâm (là giai đoạn chưa có liên quan gì đến cái lỗi của Chủ nghĩa) thì mọi việc dường như suông sẻ, dường như Dân tộc và Chủ nghĩa tăng cường sức mạnh cho nhau. Nhưng rồi bất kỳ một nước cộng sản nào khi bắt đầu tiến hành những công đoạn cốt lõi của Chủ nghĩa thì đều thấy Chủ nghĩa ấy va chạm quyết liệt vào những sức mạnh nền tảng của Dân tộc mình. Chủ nghĩa sẽ phá Dân tộc. Vì đối với sự tiến hóa chung thì học thuyết Đấu tranh giai cấp mác-xít không có gì khác hơn là 'một phần tử ly khai' cực đoan, vô cùng hiếu động, kiêu ngạo tách mình ra khỏi nhân quần tự nhiên.

Với Dân tộc Việt Nam thì mâu thuẫn này lại càng đối kháng. Lịch sử một dân tộc nghèo đói, luôn phải hợp quần để đấu tranh với Thiên nhiên và Ngoại xâm để tồn tại, làm cho người Việt Nam có một 'tấm lòng' bao dung tuyệt vời, lấy chấp nhận và dung hòa là chính, coi trọng con người, hết sức tránh sự loại trừ. Cái tình, trong đó nổi bật là tình yêu thương và khoan hòa, là một đặc điểm của truyền thống Việt Nam. Trong khi đặc điểm nổi bật trong ứng xử của Học thuyết Đấu tranh Giai cấp mác-xít lại là sự sắc sảo và chi li trong việc mổ xẻ và khai thác những dị biệt để loại trừ, là sự cảnh giác thường trực, đấu tranh đến cùng, không khoan nhượng, coi trọng tổ chức chứ không trọng con người, và luôn 'nắm đằng chuôi', luôn phụ người trước chứ không để người phụ ta (ta đã thắng địch cũng là nhờ những điều này). Trong cuộc cọ xát giữa hai đặc điểm đối kháng của Dân tộc và của Chủ nghĩa này, yếu tố cứng rắn của Chủ nghĩa luôn nắm vai trò trụ cột, yếu tố khoan hòa của Dân tộc nếu có được dùng thì dùng ở cái vỏ bề ngoài. Chúng ta, ai cũng biết rằng

trong quan hệ ở gia đình cũng như ở cơ quan khi bỗng dưng xưng hô với nhau bằng chữ 'đồng chí' rất êm ái là điềm gỡ rồi! Tôi đã gặp nhiều vị trong các cấp ủy, khi giao tiếp bình thường thì họ cũng yêu thương, nhân ái, cũng biết 'thể tất'! Vậy mà trong Tổ chức thì các vị ấy nói một tiếng nói khác hẳn. Nếu nói đúng tiếng nói của 'tám lòng' e sẽ bị các đồng chí khác phê phán là hữu khuynh, là mất lập trường giai cấp, là thiếu cảnh giác... và khi bầu sẽ bị các đối thủ gạt ra ngoài cấp ủy. Quá trình sàng lọc ấy cứ tiếp diễn hết năm này sang năm khác, khiến cả những người dân thường nhiều khi đối xử với nhau cũng phải cảnh giác, họ ăn nói với nhau như các đồng chí bôn-sê-vích, chứ không như những con cháu Tiên Rồng cùng một bọc trăm trứng sinh ra. Trong môi trường mác-xít nhân cách con người bị định hướng dứt khoát như một véc-tơ, như một mũi tên vậy. Chẳng thế mà người ta bảo Chủ nghĩa là cơ sở để hình thành và xác định nhân cách, khi chưa có Chủ nghĩa thì 'nhân loại chưa thành người'! Hãy nhìn rộng ra nhân loại, sẽ thấy ngay đây là một náo trạng ma túy, điên dại. Loại trừ Chủ nghĩa đi chính là để trả lại nhân cách cho những đảng viên và cho tất cả mọi người. Nếu không bị cái 'Chủ nghĩa' ký sinh vào, thì sau cuộc chống ngoại xâm của Dân tộc, những người như Vũ Đình Huỳnh, Bùi Công Trưng, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Trần Độ..., như Trần Đức Thảo, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Quán..., như Hoàng Tiến, Bùi Minh Quốc, Bảo Cự, Dương Thu Hương..., như Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Kiến Giang, v.v..., như nhiều nhân sĩ, Trí thức tin giáo và vô vàn những người Việt Nam yêu nước ưu tú khác mà Đảng không bằng lòng, hẳn đã được sống thảnh thơi trong chan hòa quý trọng, chứ đâu phải sống những năm tháng cực nhọc của những kẻ có tội 'xét lại chống Đảng', tội 'Nhân văn Giai phẩm', tội 'Diễn biến Hòa bình'... Họ bị lưu đày giữa cái xã hội mà chính họ góp mồ hôi và xương máu tạo ra, để rồi khi đã sắp sang thế giới bên kia, khi biết chắc rằng không còn ngo ngoạy gì được nữa thì mới được tuyển ra để phát cho cái huân chương, như một sản phẩm đã được đóng nhãn 'Made in Cộng sản', để giữ bản quyền cho Chủ nghĩa. Khi sống hết mình vì

Dân tộc thì họ bị Chủ nghĩa đẩy thành thù địch, bị rút hết năng lượng. Khi chết đi họ lại bị thu hồi trở về thành tài sản thuộc sở hữu của Chủ nghĩa! Vinh quang của họ lại thuộc về Chủ nghĩa! Chủ nghĩa như vậy chẳng phải thứ ký sinh vào Dân tộc, khống chế Dân tộc để bòn rút năng lượng của Dân tộc là gì?

Quan hệ ký sinh của Chủ nghĩa vào Dân tộc viết thành bao nhiêu cuốn sách cũng chưa đủ. Con ký sinh trùng ấy tàn phá sức mạnh tinh túy của Dân tộc, như tàn phá gan ruột của một cơ thể, nhưng cơ thể không tẩy nó ra được vì quả thực nó đang làm cho một vài bộ phận tiền phong của cơ thể mập ra, hồng hào lên, hưng phấn lên, đầy khoái cảm...

Rõ ràng rằng về toàn cục, về hiệu quả khách quan, thì Chủ nghĩa Đấu tranh Giai cấp tàn phá Dân tộc, nên Đảng của Chủ nghĩa Giai cấp ấy nhất định sẽ mất dần sức sống. Nhưng mặt khác, sự hình thành Đảng buổi đầu đã gắn liền với Chủ nghĩa Yêu nước, được Dân tộc nuôi nấng, mà sức sống của Dân tộc thì không ai diệt được. Nên, nói cho đúng ra, trong Đảng chỉ cái phần đặc trưng của Chủ nghĩa, tức phần ký sinh, là yếu dần đi thôi (sau một thời gian bành trướng). Còn phần chủ thể, tức phần Dân tộc truyền thống trong Đảng và trong xã hội, sẽ ngày càng hồi phục (sau giai đoạn bị áp chế)! Mâu thuẫn này bấy lâu tiềm tàng bên trong nay đã đến lúc bộc phát, và đây mới là Mâu thuẫn trung tâm của thời kỳ Đổi mới! Tình hình biến động trên thế giới chỉ là điều kiện bên ngoài thúc đẩy mâu thuẫn chín muồi, khủng hoảng Kinh tế - Xã hội chỉ là hiện tượng biểu kiến...

Cuộc đấu tranh giữa hai cấu phần này diễn ra trước hết trong Đảng, trong mỗi đảng viên. Nếu không thay đổi theo quy luật khách quan thì nhất định Đảng sẽ bị Dân tộc và Thời đại đào thải. 'Đổi mới, hay là Chết'! Không có cách nào khác. Nhưng chuyện cốt tử của Đổi mới là ở mâu thuẫn trung tâm như trên đã phân tích. Quỹ đạo bất khả kháng là: Khởi dậy tất cả sức mạnh truyền thống của Dân tộc và hướng nó phát triển theo những tiêu chí tiên tiến chung của thế giới, tức những tiêu chí phổ quát của nhân loại. Nhân loại vốn 'đơn giản' thế thôi, nhưng mọi chuyện trên đời không có gì ra khỏi sự đơn giản ấy. Xin đừng phát kiến ra những 'chủ nghĩa vĩ đại' làm

gì, con người sợ sự vĩ đại lắm rồi! Những thứ Chủ nghĩa ảo mộng, những Chủ nghĩa quốc gia cực bộ đều là những lý thuyết vô văn cả, cuối cùng đều biến thành những xảo thuật của giới cai trị trong buổi dân trí còn thấp, đến một lúc sẽ tự nhiên bị đào thải. Tức là phải tái sinh lại Đảng thành một Đảng của Dân tộc và Dân chủ, nếu Đảng muốn tồn tại. Nếu cứ giữ vững Chủ nghĩa thì càng bỏ hào chống biến chất, Đảng càng thoái hóa biến chất. Thực tiễn chẳng đang diễn ra như vậy đó sao? Nếu không tái sinh lại Đảng thì giả sử có tìm được một mô hình kinh tế tối ưu, có thu hút được tối đa vốn đầu tư nước ngoài, có huy động được tối đa vốn trong nước, có bày ra một trăm cái Lễ hội truyền thống, có bày ra được một trăm Trò vui chẳng nữa, mâu thuẫn trung tâm vẫn còn nguyên! Nếu Đảng tái sinh lại được theo yêu cầu nói trên thì mọi việc sẽ ổn, khi ấy chuyện một đảng hay nhiều đảng sẽ là sự phát sinh do nhu cầu tự nhiên, chẳng có gì quan trọng và chẳng cần tranh luận trước làm gì. Nhưng nếu Đảng không làm được như thế thì lại là chuyện khác.

Bác Độ ạ, ấy là suy nghĩ của tôi về mặt nguyên lý, nguyên tắc. Nếu không ý thức được những điều đó một cách hệ thống và thay đổi một cách rành mạch thì việc Đổi mới sẽ chỉ là một chuỗi những thích nghi vật từng bước, mà bước nào cũng mập mờ, cũng miễn cưỡng cả. Cuối cùng vẫn là xóa bỏ Chủ nghĩa nhưng với sự trả giá nặng nề hơn, đặc biệt là trả giá về Văn hóa và Nhân cách. Ngay cả Kinh tế - Chính trị - Xã hội cũng chẳng ổn định mãi được. Và như vậy, nếu không xuất hiện một Đảng khác thì tự Đảng Cộng sản cũng cứ tách thành hai, bất chấp đàn áp, vì sức sống của phần Dân tộc trong Đảng là bất diệt, không bẻ phách nào ức chế được! Dân tộc cần được tự chủ thật sự, chứ không cam chịu cảnh hữu danh vô thực mãi được. Nội bộ Dân tộc buộc Đảng phải thay đổi, chẳng có địch nào vào đây cả!

Nhưng Đảng Cộng sản vốn là bậc thầy về tính thực tế và về khả năng thích nghi nên sự khur khur bảo thủ thực sự là không thể có được. Khả năng Đảng tự thay đổi để đáp ứng những nhu cầu mà thực tế dạy cho, để tránh một cuộc phân liệt sâu sắc cũng là một khả năng hiện thực, một khả năng mà nhiều người

mong muốn. Trong trường hợp ấy không phải Đảng Cộng sản tự đổi mới để thành một Đảng Cộng sản tốt hơn mà là tự lột xác để thành một Đảng mang tính Dân tộc Dân chủ. Nếu Chủ nghĩa Yêu nước mạnh hơn Chủ nghĩa Giai cấp trong Đảng (thực chất là Chủ nghĩa Lợi quyền) thì khả năng này ở Việt Nam có thể xảy ra. Điều bác hy vọng 'Đảng sẽ phải biến đổi để trở nên tốt hơn' tôi hiểu theo ý ấy, thì không phải là một lời xả giao mà là một lời tiên lượng có cơ sở ở lý luận và thực tiễn. Vì thế, tôi tâm đắc.

Có một phép thử rất màu nhiệm: Hãy khề lay lay để thử tháo cái phương tiện ra, nếu thấy cứng nhắc không tháo nổi nữa, càng tháo nó càng quặp chặt vào cổ mình (có khi quặp bằng bàn tay nhưng), thì hãy tỉnh ngộ ngay để nhận biết rằng nó không còn là phương tiện nữa mà thành con quái vật để hành mình rồi, mình hoàn toàn mất quyền làm chủ nó rồi, thành quốc nạn rồi! Thế thì dù có tốt đẹp 100% cũng phải tháo ngay ra cái đã, có còn dùng nó làm phương tiện cho mình nữa hay không thì hạ hồi phân giải!

Hôm qua nó là ân nhân, phải quý nó chứ! Hôm nay nó thành quái vật, phải rù nó ra khỏi mình ngay lập tức chứ, trung thành với nó làm gì, vì thế mới có luật cho phép Ly hôn! Đã đành trong cuộc ly hôn lịch sử này cũng có tội của mình, nhưng chính lão Lịch sử còn bị đánh lừa thì làm sao có thể bắt con người từ chối giọt máu hôm qua của mình? Lịch sử không thể làm lại. Không thể lựa chọn một quá khứ! Vấn đề còn lại là thái độ trong hiện tại thôi. Và lại, Quái thú không phải là một cái gì đã trọn vẹn xong rồi, chính động thái trong hiện tại đang cho biết chính xác thêm cái gì đã hình thành trong quá khứ... Những người cộng sản hôm nay có phản ứng khác nhau đối với hiện tại là bởi chất lượng quá khứ của họ khác nhau, thái độ hôm nay của từng người sẽ cho biết sự cộng sản hóa của từng người ấy trước đây chủ yếu là từ Chủ nghĩa Yêu nước hay chủ yếu từ Chủ nghĩa Duy Quyền Lợi.

Tôn trọng quá khứ, thậm chí trân trọng quá khứ, nhưng tôn trọng để xử lý cho tốt cái hôm nay, chứ không làm nô lệ cho quá khứ. Tôi tâm đắc với cách ứng xử của bác.

* **

Vấn chuyện hồi tôi bị giam, những ngày không bị hỏi cung, ngồi buồn một mình, tôi tự thốt ra lời cảm ơn:

Cám ơn

Ơn Đảng cho tôi một cuộc tù

Từ nay kẻ địch hết đường vu

Rằng tôi với Đảng chơi bài giả:

Nói mạnh, vì trên đã có dù!

Cái Họa có khi lại thành cái Phúc, thanh minh cho cả Đảng lẫn cá nhân mình. Vậy nên, nếu chia buồn với bác thì thật vô lý.

Nhưng nếu với cái riêng ta chẳng phải chia buồn, thì với cái chung không thể không buồn đôi chút trước cảnh phân kỳ, Cộng Trừ lẫn lẫn, lòng ta không muốn mà thực tế Đảng đã chia hai:

Tướng quân Cộng... sản được Trừ...

khai

Gian khó cùng chia mấy dặm dài,

Giận kẻ yêu Quyền hơn yêu Nước,

Bên Quyền bên Nước lại chia hai!

58 thâm niên Cộng sản, lại được chính Cộng đảng của mình cho hưởng cái phép Trừ! Kịch tính ấy gợi ý tôi làm câu đối. Lại nữa, cái danh xưng Trần Độ mà đã có lần bác nhận là 'Vô' biên, nhưng tôi thấy nó mang nhiều chất 'Vân': Trần là hạt bụi bay bụi bặm, Độ là bến đò, là sự cứu giúp, là đưa qua sông. Trần Độ là cái bến đò trần gian. Thế là Chữ và Nghĩa đã hiện ra đầy đủ, tôi chỉ còn việc ghép lại là có hai câu đối để mừng bác đây:

Câu đối thứ nhất:

Cộng sản hết rồi Trần sạch bụi!

Trừ khai từ ấy Độ sang sông!

Câu thứ hai:

Trần trút bụi như, chống gậy trúc,

cùng Nước nhà, vượt đốc!

Độ là bờ bến, mở tấm lòng, vẫy Dân

tộc, qua sông!

Cái chữ nghĩa mà cha ông mình để lại nó kỳ lạ lắm bác ạ, cứ như cầm nang Gia Cát, đến đoạn đường nào xốn xang, lại giở cầm nang ra. Đã ghi hết trong ấy rồi!

Mấy dòng tâm sự riêng giữa anh trí thức quèn, không có gậy để chống, với ông tướng già 76 tuổi, đi đâu cũng phải chống gậy, như một nhu cầu tự thân, xin đừng ai phiền lòng làm gì.

Hà Sĩ Phu

(1.1999)

Một số dữ kiện nên biết

* **Dân số Việt Nam** hiện nay được ước lượng là 79 triệu người. Người Việt Nam thứ 80 triệu sẽ sinh ra trước thế kỷ 21. Tỷ lệ gia tăng dân số của Việt Nam khoảng 2,2% mỗi năm.

* **Tổng sản lượng** của Việt Nam (GDP) được ước lượng là 24 tỷ USD. GDP trên mỗi đầu người là 300 USD/năm.

* Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) ước lượng **số lượng đầu tư trực tiếp** của nước ngoài vào Việt Nam được ký kết trong năm 1998 là vào khoảng trên 4,5 tỷ USD, nhưng chỉ một phần nhỏ thực sự được tiến hành. Số lượng đầu tư ký kết năm 1998 giảm trên 50% so với năm 1997. Số lượng đầu tư thực sự giảm 70%.

* **Hối giá chính thức** của đồng bạc Việt Nam hiện nay là 13.800 VND ăn một USD. Trên thị trường chợ đen, một USD đổi được gần 15.000 VND. Đồng bạc Việt Nam đã phá giá 17% trong 18 tháng qua nhưng vẫn còn được coi là quá cao. Việc phá giá đồng bạc thêm nữa sẽ chỉ có ít ảnh hưởng trên hoạt động kinh tế vì phần lớn những hợp đồng đầu tư và mua bán ký bằng USD.

* **Xuất cảng** của Việt Nam gia tăng 3% năm 1998, theo số liệu chính thức. Con số này bị ngờ vực, nhưng nếu đúng nó cũng vẫn là một suy thoái lớn so với con số gia tăng 25% của những năm trước.

* **Tỷ lệ tăng trưởng** của Việt Nam năm 1998 là 5,8%. Con số này bị mọi chuyên gia bác bỏ. Những ước lượng của các chuyên gia thay đổi từ 2% đến 4%, hoặc thấp hơn. Tỷ lệ tăng trưởng năm 1997 là 8%.

* **Tỷ lệ lạm phát** được công bố cho năm 1998 là 9,2%, cao gấp đôi năm 1997.

* **Nhập siêu** năm 1998 được ước lượng ở mức 2 tỷ USD.

* **Số nợ nước ngoài** của Việt Nam (ngoài nợ nước Nga) không rõ. Đầu thập niên 1990, một số chuyên gia ước lượng là 8 tỷ USD. Từ đó nhập siêu (thâm thủng cán cân thương mại Việt Nam nợ thêm mỗi năm khoảng 1,5 tỷ USD nữa. Một số nợ đã được tha. Số nợ nước ngoài của Việt Nam là một bí ẩn. Giữa Nga và Việt Nam đang có bất đồng ý kiến về số nợ. Nga có lúc nói Việt Nam nợ họ tới 17 tỷ USD, con số rất chắc chắn là hoang tưởng. Nga chỉ có rất ít hy vọng đòi được nợ, dù là một phần.

* Từ 1993, Việt Nam được được các **quốc gia và định chế ân nhân** hứa cấp hàng năm 2,4 tỷ USD, nhưng chỉ gần một nửa được tháo khoán.

VIỆT NAM NĂM CON HỔ!

Nguyễn Mạnh Hùng

Ba điều nổi bật trong năm con hổ ở Việt Nam là kinh tế suy thoái, nạn tham nhũng lan tràn và, mặc dầu có những áp lực đòi cải cách từ bên trong lẫn bên ngoài nhưng vì nhu cầu bảo vệ chế độ, các cải cách kinh tế và chính trị đã bị khựng lại.

Hy vọng và thất vọng

Việt Nam năm con hổ khởi đầu với lạc quan và kết thúc bằng thất vọng. Sau bao khó khăn và tranh chấp ngầm ngấm trong nội bộ Đảng, Đảng Cộng Sản Việt Nam mới đưa ra được một bộ ba lãnh tụ mới, Phiêu-Lương-Khải, để thay thế cho các lãnh tụ già về hưu. Vấn đề thay đổi lãnh đạo bị trì hoãn nhiều lần, như vậy, có thể coi như đã tạm được giải quyết. Lần đầu tiên Cộng Sản Việt Nam có được những nhà lãnh đạo không phải mang nặng hành trang của cuộc tàn sát đảng tranh Quốc-Cộng năm 1946, đấu tố cải cách ruộng đất trong những năm 1953 và 1955-1956, đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm năm 1956 và vụ án Xét Lại Chống Đảng trong những năm 1964-1967. Năm con hổ mở ra triển vọng những khuôn mặt lãnh đạo này có thể đem dân tộc ra khỏi những oan khiên quá khứ để mạnh dạn tiến vào một thời kỳ mới qua những cải tổ quyết liệt và sâu rộng cả về mặt kinh tế lẫn chính trị. Người ta mong đợi có một cuộc "đổi mới đợt 2", nhưng một năm dưới lãnh đạo mới Việt Nam vẫn lằm lũi đi trên con đường mòn cũ. Cơ hội đầu năm đã không được khai thác và triển vọng đã trở thành huyền vọng.

Diễn trình dân chủ hóa bị đẩy lui

Về phương diện chính trị, khoảng cuối năm con trâu đầu năm con hổ nhân dịp Hội Nghị Trung Ương Đảng lần thứ tư họp ở Hà Nội bầu tướng Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thư thay thế ông Đỗ Mười, từ trong lòng chế độ tướng hưu Trần Độ, cựu bộ trưởng Hoàng Hữu Nhân, và giáo sư Phan Đình Diệu tung ra kiến nghị, góp ý và thuyết trình phân tích

tình hình nguy kịch của đất nước, chỉ trích đường lối lãnh đạo của Đảng, và đòi hỏi Đảng phải đổi mới thực sự, áp dụng dân chủ đa nguyên, từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, chuyên chính vô sản và đấu tranh giai cấp để đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu. Phản ứng của lãnh đạo mới tỏ ra mềm dẻo, khác hẳn với khi trước. Một mặt phát ngôn viên chính phủ tuyên bố với báo chí ngoại quốc rằng những góp ý kiểu ông Trần Độ là việc "bình thường", mặt khác tân Tổng Bí Thư còn thân chinh đến chúc Tết ông Trần Độ. Nhưng sau đó, báo chí nhà nước lại tung ra một chiến dịch xuyên tạc và chỉ trích quan điểm của ông Trần Độ và những người bất đồng ý kiến với Đảng. Đến cuối năm thì ông Trần Độ bị khai trừ khỏi Đảng và, theo lời vị tướng có 58 tuổi Đảng, liên tiếp được bầu làm ủy viên trung ương Đảng trong nhiều khóa và một trong những nhà lãnh đạo của chính sách đổi mới lúc đầu, ông đã bị "bao vây, giám sát và rình rập" đến nỗi ông thấy rằng không được "tự do và yên ổn như hồi còn hoạt động bí mật". Cuộc vận động dân chủ hóa từ trong lòng chế độ cuối cùng đã được trả lời bằng một bài viết đăng trong Tạp Chí Quốc Phòng Toàn Dân tháng 11 năm 1998 của Hà Học Hội, Phó Trưởng Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương. Ông Hội chống việc phát triển khu vực tư doanh, dẹp bỏ vai trò chủ đạo của khu vực quốc doanh, và khẳng khái chống lại đòi hỏi cho tư nhân ra báo, mở nhà xuất bản, bầu cử tự do, dân chủ đa nguyên đa đảng, cho đó là những đòi hỏi của các "lực lượng thù nghịch" nhằm thiết lập một nền "dân chủ tự do tư sản". Nhà lãnh đạo tư tưởng Trung Ương Đảng này còn lớn tiếng quả quyết rằng chế độ dân chủ xã hội độc đảng mà ông đang góp phần xây dựng "siêu việt" các chế độ dân chủ khác. Từ đầu năm đến cuối năm, tiến trình dân chủ hóa đã bị tụt hậu một cách rõ rệt.

Nạn tham nhũng, một trong bốn "nguy hiểm" phát hiện từ Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ năm 1994 vẫn tiếp tục

hoành hành. Năm con hổ, bốn năm sau khi Đảng phát động chiến dịch bài trừ tham nhũng, Việt Nam được tổ chức "Trong Sáng Quốc Tế" (Transparency International), trong bản phúc trình phổ biến ngày 28-9-1998, xếp vào loại quốc gia có chính quyền ít trong sạch nhất - thứ 74 trong số 85 quốc gia được nghiên cứu. Trong một cuộc phỏng vấn cuối năm với báo Tuổi Trẻ (ngày 5-1-1999), Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu thú nhận rằng "Điều tôi lo ngại nhất là hiện tượng tham nhũng trong bộ máy nhà nước, một vấn đề gần như không thể nào giải quyết được" [HMN1].

Khó khăn kinh tế

Về phương diện kinh tế, thành quả phát triển kinh tế năm con hổ cũng chẳng khá gì hơn tiến trình dân chủ hóa. Trả lời cuộc phỏng vấn của báo Nhân Dân hôm 6-1-1998, ông tân Tổng Bí Thư tuyên bố rằng "Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng trong năm 1998, nền kinh tế xã hội của ta sẽ phát triển vững chắc, sẽ tạo ra sinh lực mới, tư thế và sức mạnh để đất nước ta tiến vào thế kỷ 21. Đây cũng là niềm tin chung của đảng, nhà nước và nhân dân ta". Niềm tin lạc quan này cũng được vị đại diện Ngân Hàng Thế Giới ở Việt Nam và tân Thủ Tướng Phan Văn Khải chia sẻ. Nhân hội nghị thường niên của Nhóm Viện Trợ Cho Việt Nam họp ở Tokyo dưới sự chủ tọa của Ngân Hàng Thế Giới hồi đầu tháng 12-1997, đại diện Ngân Hàng Thế Giới ở Việt Nam, ông Andrew Steer, tuyên bố rằng Việt Nam cần cải tổ sâu rộng hơn và ông "tin tưởng" rằng Việt Nam chắc sẽ đạt được suất tăng trưởng 9% trong năm 1998. Ba tháng sau, trong cuộc họp báo ngày 24-4-1998, ông Phan Văn Khải tuyên bố rằng mặc dầu cuộc khủng hoảng tài chính Á châu có hậu quả tiêu cực đối với Việt Nam và đầu tư ngoại quốc có phần sút giảm, Việt Nam vẫn có thể duy trì được chỉ tiêu tăng trưởng 9% cho năm 1998. Sự thật là gì? Cuối năm 1998, nhà nước Việt Nam đã phải thú nhận rằng suất tăng trưởng của

Việt Nam năm 1998 chỉ ở mức 5,8%. Theo các chuyên gia quốc tế thì suất tăng trưởng thực sự chỉ ở mức từ 3 đến 4% và có thể còn thấp hơn nữa.

Những chỉ dấu khác đều vạch rõ một thoái trào kinh tế. Đầu tư ngoại quốc đã giảm từ 4,4 tỷ Mỹ kim năm 1997 xuống 1,9 tỷ Mỹ kim năm 1998. Số văn phòng đại diện các công ty ngoại quốc đóng cửa trong 10 tháng đầu của năm 1998, theo thống kê của bộ thương mại, đã lên đến 120 so với 70 trong toàn năm 1997. Năm 1998, 19 chi nhánh ngân hàng ngoại quốc ở Việt Nam lần lượt theo nhau đóng cửa vì lỗ lã. Tỷ số thất nghiệp, theo Trưởng Ban Văn Hóa Tư Tưởng Trung Ương Hữu Thọ, đã tăng từ 7% năm 1997 lên 8% năm 1998. Tình trạng doanh nghiệp nhà nước còn tệ hại hơn nữa, theo phúc trình của Ngân Hàng Thế Giới ngày 2-12-1998 thì 60% doanh nghiệp nhà nước ở trong tình trạng lỗ lã, và tổng số nợ của doanh nghiệp nhà nước lên tới 7,3 tỷ Mỹ kim, lớn hơn cả tổng số vốn là 5,3 tỷ Mỹ kim. Tình hình kinh tế nguy ngập đến nỗi đại diện Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế ở Hà Nội, ông Eric Offerdal, ngày 26-1-1999 phải thú nhận rằng "Nền kinh tế Việt Nam khó có thể đạt được tiến bộ nào trong năm 1999... Không những kinh tế Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong năm 1999 mà còn có thể gặp nhiều khó khăn trong vòng năm, mười năm tới nếu không có những thay đổi lớn lao về chính sách". Điều đáng buồn là trong khi tình hình kinh tế quốc gia suy sụp như vậy, Hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ 6, đợt 2 (từ 25-1-1999 đến 2-2-1999) lại chỉ chú trọng đến công tác xây dựng đảng hơn là việc giải quyết các vấn đề kinh tế cho người dân.

Thách thức ngoại giao

Về phương diện ngoại giao, năm con hổ Việt Nam tiếp tục chính sách đa phương hóa ngoại giao và tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu. Bộ ba lãnh đạo mới cùng với Phó Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng và Ngoại Trưởng Nguyễn Mạnh Cầm chia nhau đi thăm viếng để thắt chặt mối quan hệ với các nước láng giềng và các cường quốc Mỹ, Nga, Tàu, và Nhật. Liên hệ kinh tế Mỹ-Việt nhích lên được một chút khi Tổng Thống Clinton miễn ràng buộc của Tu

chính án Jackson-Vanik để cho phép Ngân Hàng Xuất Nhập Cảng Hoa Kỳ (EXIM Bank) và Cơ Quan Bảo Đảm Đầu Tư Tư Nhân Hoa Kỳ ở Ngoại Quốc (OPIC) được hoạt động ở Việt Nam, nhưng hy vọng ký kết thỏa ước thương mại cho phép Việt Nam được hưởng quy chế tối huệ quốc đã không trở thành sự thật.

Tranh chấp biên giới Việt-Hoa vẫn là một nhức nhối. Trong khi Việt Nam chưa tìm được một đối lực nào với nước láng giềng khổng lồ phía Bắc, chính sách vừa điều đình, vừa dùng vũ lực để lấn chiếm và xây cất trên các đảo còn trong vòng tranh chấp của Trung Quốc như trường hợp đảo Vành Khăn gần đây là một đe dọa thường xuyên cho sự vẹn toàn lãnh thổ của Việt Nam, nhất là trên các quần đảo Hoàng Sa (đã bị Trung Quốc chiếm trọn) và Trường Sa. Nhu cầu dựa vào Trung Quốc để bảo vệ quyền lợi Đảng đã xung đột với nhu cầu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và phát triển đất nước.

Trong tiến trình hội nhập địa phương, năm con hổ Việt Nam chính thức được gia nhập Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (APEC) và được trao vinh dự tổ chức hội nghị thượng đỉnh Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) ở Hà Nội, nhưng những biến cố ngoại giao quan trọng cho Việt Nam này lại xảy ra trong một hoàn cảnh bất thuận lợi. Nó không xảy ra trong thời cực thịnh của các con rồng, con hổ Á Châu và trong tình đoàn kết Đông Nam Á, mà xảy ra trong khi các quốc gia Á Châu đang lâm vào tình trạng khó khăn kinh tế, chính trị, và các tổ chức địa phương này đã phơi bày một tình trạng phân hóa trầm trọng.

Ở Nam Dương, chế độ độc tài Suharto đã bị sụp đổ trong các cuộc biểu tình của sinh viên và dân chúng, do đó làm mất một điểm tựa lớn cho các chế độ phản dân chủ trong Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á. Ở Mã Lai Á, hành động vi phạm nhân quyền trắng trợn trong việc bắt giữ và hành hung Phó Thủ Tướng Anwar Ibrahim đã buộc các bạn ông, những nhà lãnh đạo chính quyền tại Phi Luật Tân, Thái Lan và Nam Dương phải lên tiếng phản đối, bất chấp nguyên tắc bất can thiệp cố hữu của tổ chức địa phương ấy. Tại hội nghị thường niên của Diễn Đàn Hợp Tác

Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương ở Kuala Lumpur, Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Albert Gore đã dội một gáo nước lạnh vào niềm tự mãn của các chế độ độc tài Á Châu khi ông bất chấp thủ tục xã giao thường thức công khai lên tiếng ủng hộ phong trào đòi cải cách (reformasi) của nhân dân Mã Lai Á. Hội nghị thượng đỉnh Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á ở Hà Nội tháng 12-1998 không những đã không đạt được một chương trình hành động chung để giải quyết khủng hoảng kinh tế tài chính mà bất đồng ý kiến về việc gia nhập của Cao Miên còn gây ra mâu thuẫn giữa quốc gia chủ là Việt Nam và các chế độ độc tài (Miến Điện, Mã Lai, Lào) với các quốc gia tương đối tự do hơn hay đang đi vào con đường dân chủ (Phi Luật Tân, Thái Lan, Tân Gia Ba).

Bất mãn của quần chúng và bất ổn chính trị

Ngoài sự suy thoái kinh tế đến tình trạng mà đại diện Ngân Hàng Phát Triển Á Châu ở Việt Nam, ông Jean-Pierre Verbiest, cho là đã "mấp mé ở thời điểm khủng hoảng," năm con hổ Việt Nam sống trong ám ảnh của các cuộc nổi dậy của nông dân năm ngoái, nhất là cuộc chống đối của nông dân Thái Bình kéo dài trong nhiều tháng mà mãi đến đầu năm con hổ mới tạm được coi như giải quyết xong. Tình trạng sôi động đó bắt nguồn từ sự suy thoái kinh tế và bất mãn của quần chúng trước tệ nạn tham nhũng, thoái hóa và hà lạm của cán bộ đảng và Nhà nước. Tình trạng này đã buộc những phần tử cốt cán của chế độ như Trần Độ, Phan Đình Diệu, Hoàng Hữu Nhân phải lên tiếng cảnh cáo Đảng và đòi dân chủ, và một loạt thư tố cáo tham nhũng gửi các nhà lãnh đạo liên tiếp trong những tháng 5, 7, 10 và 11-1998. Nó khiến các nhà lãnh đạo Việt Nam sợ hỗn loạn đến nỗi họ chỉ nói mà không dám đưa ra những biện pháp cải tổ quyết liệt trong lãnh vực hành chính cũng như doanh nghiệp Nhà nước và hệ thống ngân hàng bê bối để đưa đất nước ra khỏi tình trạng tụt hậu kinh tế và chính trị. Thay vì chú trọng đến việc phát triển khu vực kinh tế đệ nhị đẳng (sản xuất hàng hóa) và đệ tam đẳng (ngân hàng, doanh thương) để thực hiện mục tiêu "công nghiệp hóa,

hiện đại tân hóa" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các nghị quyết của Đảng, nhà cầm quyền Việt Nam, vì lý do an ninh, đã đi thụt lùi, dồn nỗ lực vào khu vực canh nông, một khu vực không có cách nào tạo ra một suất tăng trưởng kinh tế đủ lớn để giải quyết công ăn việc làm cho một dân số vốn đã đông và càng ngày càng gia tăng nhanh chóng.

Triển vọng tương lai

Không tiếp tục con đường tham gia vào tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu hóa kinh tế thì Việt Nam sẽ bị bỏ lại đằng sau đã phát triển của nhân loại. Không cải tổ hệ thống doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng ẻo uột mà cứ gia nhập vào tiến trình toàn cầu hóa kinh tế thì sớm hay muộn khủng hoảng kinh tế và tài chính sẽ xảy ra, sau đó là khủng hoảng chính trị. Không giải quyết được mâu thuẫn nội tại giữa kinh tế thị trường, dân chủ thực sự, và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa đấu tranh giai cấp với hòa giải dân tộc thì kinh tế Việt Nam không thể tiến xa, người dân Việt không được hưởng tự do như những dân tộc khác, và chủ trương đoàn kết dân tộc để huy động mọi khả năng chất xám của người Việt khắp nơi trên thế giới trong việc xây dựng đất nước chỉ là những khẩu hiệu rỗng tuếch. Tránh né những biện pháp cải tổ cần thiết mà chỉ hô hào theo nghị quyết của Hội nghị Trung Ương Đảng lần thứ 5, "chống lãng phí và thi hành chính sách tiết kiệm, huy động và sử dụng hữu hiệu mọi nguồn vốn đầu tư" thì triển vọng "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh" và theo kịp các con hổ Á Châu của Việt Nam sẽ trở thành xa lắc xa lơ. Nhìn vào những gì đang xảy ra ở Việt Nam ngày hôm nay, người ta không thể không bi quan cho tình hình Việt Nam năm con Mèo.

Nguyễn Mạnh Hùng
Washington, tháng 2-1999

*Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chính
và cảm ơn quý vị đã cổ động
và phổ biến tờ báo*

Vấn đề Khổng giáo là một vấn đề: "ôn cố nhi tri tân" (nhân đọc bài "Khổng giáo" của ông Võ Xuân Minh)

Tôn Thất Thiện

Chắc có nhiều người Việt Nam, cũng như tôi, rất ngạc nhiên về một số quan điểm mà ông Võ Xuân Minh đã đưa ra về Khổng giáo trong bài "*Một vấn đề Việt Nam: Khổng giáo*", đăng trong Thông Luận số 123, tháng 2-1999.

Đặc biệt nhất là ông Minh đã trút hết trách nhiệm về tình trạng bê bối của Việt Nam trong hơn 100 năm qua lên đầu Khổng giáo. Điều này làm cho tôi tự hỏi ông ta sẽ giải thích thế nào về những sự bê bối đã và đang xảy ra ở Nga, ở vùng Balkans, ở các quốc gia Trung đông, Algérie, hầu hết các quốc gia Phi châu và một số lớn quốc gia Nam Mỹ, và ngay cả những quốc gia sát nách Việt Nam như Indonésie và Malaysia: trong những quốc gia đó không có quốc gia nào theo Khổng giáo. Vậy không lẽ cũng mang ông Khổng Tử ra hạch tội như con chó sói hạch tội con cừu non trong ngụ ngôn La Fontaine: "*Si ce n'est pas toi, c'est donc Confucius*".

Kế đến là ông Minh trích dẫn rất nhiều tác phẩm nói về Khổng giáo, nhưng không hề đề cập đến một tác phẩm rất quan trọng về vấn đề này. Đó là quyển *Khổng Học Dẫn* của Cụ Phan Bội Châu. Quyển này Cụ viết xong năm 1929, nhưng con cháu Cụ cất giấu đến mãi năm 1957 mới cho xuất bản. Nó được in lại ở Hoa Kỳ (Xuân Thu, P.O.Box 720065, Houston, TX 77272, không đề năm). Trong đó, Cụ Phan cho ta thấy rằng ngoài loại "Khổng giáo" hạ cấp, xoi thịt, của đám hủ nho, còn có loại Khổng giáo chính cống, cao cấp, mà những người "Tây học" như tôi thấy rất còn giá trị, có thể lấy làm cơ sở đạo lý cho mình và cho một xã hội lành mạnh tiến bộ. Tôi thiết nghĩ ai chưa đọc quyển sách đó của Cụ Phan thì không nên bàn, và nhứt là không nên phê phán gắt gao, về Khổng giáo.

Khác với những bài của ông Nguyễn Gia Kiểng trước đây, cũng nặng nề đả

kích Khổng giáo, nhưng chỉ phớt qua, bài của ông Minh khá dài. Nó chứa đựng một số suy diễn và phê phán có khả năng gây tranh cãi gắt gao vì người còn theo hay kính nể Khổng giáo hoặc ít hoặc nhiều còn rất đông. Những tranh cãi như thế sẽ làm tổn thương tinh thần đoàn kết. Đó là một điều mà riêng tôi thấy cần tránh trong lúc này. Nhưng có một cách bàn luận không có hại cho đoàn kết, là tiếp cận vấn đề này trong tinh thần "ôn cố nhi tri tân": xét việc cũ, phát hiện tìm hiểu những sai lầm mà ta (dân Việt Nam) đã phạm trong quá khứ để làm việc mới cho đúng. Về phương diện này, Khổng giáo cũng chỉ là một hệ thống tư tưởng, căn bản đạo lý của xã hội Việt Nam, mà chúng ta cần xét lại, để xem nó có cái gì dở nên bỏ đi, cái gì hay nên giữ lại. Nhưng chúng ta phải làm việc này một cách tế nhị, cân nhắc kỹ lưỡng, hết sức dè dặt nhún nhường, thay vì nhắm mắt vung tay liệng toàn bộ Khổng giáo vào sọt rác, rồi sau đó ngo ngác nhìn nhau vì không có gì tốt hơn để làm căn bản đạo đức cho xã hội Việt Nam.

Vấn đề "cũ", "mới"

Vấn đề này thật ra không có gì là mới. Nó đã được đặt ra từ hơn một trăm năm nay, cùng với nhiều vấn đề khác mà dân Việt Nam ta gặp phải trong ý nguyện canh tân xứ sở. Nhưng, ngày nay, vấn đề khẩn trương hơn bao giờ hết vì không ai phủ nhận được rằng Việt Nam đang lâm vào một tình trạng hỗn loạn, thoái hóa và băng hoại. Không những toàn bộ thượng tầng kiến trúc của quốc gia bị một cuộc "cách mạng" mù quáng quá độ làm sụp đổ, mà nguy cấp hơn nữa, toàn bộ hạ tầng cơ sở - hệ thống giá trị đạo đức - cũng bị tan rã, tạo ra một tình trạng hỗn loạn, mất hướng, vô đạo.

Vì xã hội Việt Nam ngày nay là một xã hội không có cơ sở đạo lý nên xây dựng lại hạ tầng cơ sở xã hội là ưu tiên

số một của mọi kế hoạch kiến thiết. Hạ tầng cơ sở có vững thì xã hội mới vững; xã hội có vững thì mới an; xã hội có an thì quốc gia mới tồn; và quốc gia có tồn thì quốc dân mới tiến được. Trong sự xây dựng lại hạ tầng cơ sở này, đạo đức và tinh thần chiếm phần chính. Nhưng giá trị đạo đức và tinh thần nào? Giá trị cũ, hay giá trị mới? Câu hỏi này cần được trả lời chính xác.

Các thể hệ trước chúng ta - những thể hệ trưởng thành sau Thế giới chiến I - cũng đã cứu xét và quyết định về lựa chọn này rồi. Họ quan niệm rằng xứ sở suy đồi lạc hậu bị đô hộ vì các thể hệ trước họ đã theo những giá trị "cũ" - Khổng giáo - cho nên muốn thành công trong công cuộc giải phóng phải canh tân, và canh tân đòi hỏi phải từ bỏ Khổng giáo, và áp dụng những giá trị "mới" để có điều kiện đáp ứng những nhu cầu "mới".

Vấn đề tiên quyết ở đây tóm tắt trong mấy câu hỏi: 1. xác định những nhu cầu "mới" là gì; 2. căn cứ trên sự xác định này, xét lại những giá trị đạo đức và tinh thần của dân tộc, và quyết định giá trị nào còn thích hợp, giá trị nào không (hoặc hết) thích hợp; 3. quyết định phá hết cái cái "cũ" để xây cái hoàn toàn "mới", hay chỉ sửa chữa lại những gì cần sửa chữa, giữ lại những gì còn giữ được, và xây thêm những cái gì cần xây thêm?

Phần lớn "những gì" trên đây thuộc về lãnh vực văn hóa, đạo lý và tinh thần, đã được dân chúng áp dụng rất lâu (vì họ thấy thích hợp) nên đã thành giá trị truyền thống ăn sâu vào tư tưởng và nếp sống của cộng đồng, có thể nói là đã thành nét tăt của đại chúng. Loại bỏ, uốn nắn, được những nét tăt đó không phải là việc dễ làm. Nó đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn, dè dặt, khéo léo. Không thể theo hùa mấy ông "chuyên gia" Tây phương đã kích, xỉ vả, chê bai Khổng giáo một cách bừa bãi, trịch thượng, mà thành công được.

Nhưng cũng may là nhờ những xáo trộn đã xảy ra trong hơn 20 năm qua, nhờ những sự thất bại ngoạn mục của các quốc gia "cách mạng" kiểu "xã hội chủ nghĩa" (Nga, Đông Âu), nhờ có hàng triệu người Việt đủ các giới đã có cơ hội sinh sống ở nhiều nước và tiếp xúc với nhiều xã hội văn minh khác có nhiều khía cạnh tiến bộ hơn Việt Nam,

nhờ TV và cách mạng về thông tin, nên sự bám víu vào "cái cũ" không còn mạnh như trước nữa, và sự chấp nhận "cái mới" tương đối dễ dàng hơn.

Nhưng hiện trạng mới này không phải là không có bề trái của nó. Có một nguy cơ lớn là những "cái mới" ngày nay là mới về kỹ thuật hơn là mới về đạo lý và tinh thần. Chính ở những quốc gia tân tiến hàng đầu về kỹ thuật có nhiều nhà tư tưởng đang thắc mắc lớn về ảnh hưởng của những phát minh kỹ thuật ngoạn mục nhứt đối với cơ sở đạo đức và tinh thần của xã hội họ. Nói chung, họ rất lo ngại vì những gì làm cho các xã hội họ tồn tại và tiến - những cái "cũ" - ngày nay đang bị những cái "mới" làm cho lung lay mạnh, và họ không đoán chắc được tương lai sẽ đưa đẩy họ về đâu, về cái gì.

Sự kiện trên đây làm cho sự cứu xét của chúng ta khó khăn, phức tạp hơn. Nó buộc chúng ta phải nhìn xa, nhìn rộng, nhìn sâu hơn, và phải dè dặt, thận trọng, cân nhắc, tế nhị hơn, trong sự lựa chọn những giá trị hoặc cũ, hoặc mới thích hợp cho xã hội Việt Nam, làm cho nó có thể tiến nhanh, nhưng với những bảo đảm tối đa về an toàn và vĩnh cửu. Nếu ta là người có tinh thần trách nhiệm, ta không thể quyết định bừa bãi, hờ hờ bỏ cái này chỉ vì nó "cũ", hay thu nhận cái kia chỉ vì nó "mới".

Giữ gì, bỏ gì?

Nếu xây dựng những cái gì mới là một vấn đề tương đối dễ giải quyết vì những cái mới phần nhiều để nhận diện và có tính cách kỹ thuật, bỏ cái cũ là một vấn đề phức tạp hơn vì nó thuộc về lãnh vực văn hóa, tâm lý. Nó đòi hỏi phải giải đáp hai câu hỏi: 1. giữ lại những gì? 2. giữ lại hay loại bỏ đến mức nào?

Những câu hỏi vừa nêu ra là những câu hỏi rất khó giải đáp dứt khoát. Nó đòi hỏi một trình độ trí tuệ và kiến thức rất cao. Những người làm việc này phải là những người thuộc, hiểu văn hóa Việt Nam, và đặc biệt là Khổng giáo: đâu là gốc, đâu là ngọn, đâu là đầu, đâu là đuôi; phải làm cái gì trước, cái gì sau; đâu là đúng mức, phải dừng ở đâu, đi xa đến đâu; dừng nhiều quá, dừng ít quá.

Trong Nho giáo, những câu hỏi trên đây được lấy làm chủ đề cho hai trong bốn quyển sách giáo khoa (Tứ Thư) của

các thế hệ trước: Đại Học, mà đề tài là "tri bản, mật", "tri chung thủy", "cách vật chí tri... chỉ ư chí thiện"; và Trung Dung, mà đề tài là: không "quá chi", không "bất cập", trong mọi việc đều phải biết mức "trung dung" (mức đúng nhất, thích hợp nhứt) ở đâu. Chỉ có những cấp "đại học" và "quân tử", có đủ kiến thức, đức độ, tư cách để "trị quốc", mới làm được những việc đó. Còn "tiểu nhân", người bản lĩnh tầm thường, kiến thức ít, tư tưởng hẹp hòi, không thấy được xa, nhìn được rộng, chỉ thấy cái lợi trước mắt, không làm được những việc đó. Cho nên Khổng tử nói: "Tiểu nhân phản trung dung".

Vấn đề "tri bản" và "trung dung" trên đây không phải là một vấn đề mới và riêng cho Việt Nam. Nó đã được đặt ra từ hơn một thế kỷ, và gây tranh luận rất gắt gao trong các giới trí thức Trung hoa và Nhật bản vào những thập niên của cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, và lại được đặt ra lại sau Thế giới chiến II, trong bối cảnh "hiện đại hóa" (modernisation).

Dori (đạo lý) và Butsuri (Vật lý)

Vấn đề mà các giới sĩ phu Tàu và Nhật tranh luận rất sôi nổi trước Thế giới chiến I là: phải hiểu chữ "lý" thế nào? Vấn đề này liên hệ mật thiết đến vấn đề đã làm cho một số trí thức và chính trị gia Việt Nam suy luận nhiều - trách nhiệm của Khổng giáo trong sự suy yếu và trì trệ của Việt Nam - nên tôi thấy cần đi vào chi tiết của cuộc tranh luận này.

"Lý" là một khái niệm then chốt trong triết học. Trong các danh từ ghép, chữ "lý" là phần cần minh giải. "Lý" có nghĩa là gì? Sĩ phu Trung quốc và sĩ phu Nhật bản đã minh giải chữ này khác nhau, và hai quốc gia đã đi hai con đường dẫn đến hai tình trạng khác nhau: Trung quốc trì trệ không canh tân nổi và bị các cường quốc Tây phương, và cả Nhật bản, lấn áp uy hiếp nhục nhã, trong khi Nhật bản thành công trong công cuộc canh tân và trở thành một đại cường quốc.

Chung quy chỉ vì sĩ phu Trung quốc, bám vào quan điểm của Tống nho, minh giải "lý" phải là cái lý của đạo, một quan niệm chỉ chú tâm vào đạo đức. Trong khi đó, sĩ phu Nhật lại phân biệt "lý"

theo hai nghĩa: theo nghĩa đạo đức, cái "lý" của đạo, dori (đạo lý), chỉ phối nội tâm; và theo nghĩa khoa học, cái lý của sự vật, butsurei (vật lý), chỉ phối ngoại vật. Do đó, họ chú tâm cả về đạo đức, nội tâm, lẫn ngoại vật, thiên nhiên, nghĩa là về cả đạo đức lẫn khoa học thực nghiệm.

Sĩ phu Việt Nam, có xu hướng bắt chước Trung quốc trong mọi việc, tất nhiên chấp nhận lối suy luận của sĩ phu Tàu, cũng loay hoay với vấn đề "tu thân", và bỏ bê việc nghiên cứu thiên nhiên, khoa học. Trong điều kiện đó, "canh tân" / "duy tân", một khái niệm nặng về vật lý [butsurei], cơ sở của phát triển kinh tế và quân sự - phú cường - không thể thực hiện được.

Điều sai căn bản ở đây không phải là lo trau dồi đạo đức, chú trọng đến dori, mà là không đồng thời phát triển các môn vật học, không chú tâm đến butsurei. Cho nên vấn đề không phải là Không giáo sai, phải liệt bỏ nó toàn bộ, mà là Không giáo tự nó không đủ, phải bổ túc nó, đặc biệt là với quan niệm khoa học thực nghiệm.

Thật ra, thì như đã có nói ở trên, trong Đại Học có nhấn mạnh, ngay từ đầu, về "tri bản, mật", và "cách vật chí tri... chỉ ư chí thiện". Nhưng quan niệm then chốt này đã bị quan niệm "lý", lý của đạo lấn áp. Vua quan Trung quốc, cũng như vua quan Việt Nam, chịu ảnh hưởng của Tống nho, đã lựa con đường dễ dãi, khỏe trí, khỏe xác, nhưng con đường này đã dẫn đến vong quốc.

Ngày nay, lãnh đạo Đảng Cộng Sản cũng đang lựa con đường tương tự để duy trì quyền lực và quyền lợi của Đảng. Trong quan niệm của họ "lý" là lý chính trị, cái "lý" của Đảng Cộng Sản: mọi người, mọi việc, mọi quyết định phải theo tiêu chuẩn tối thượng: đặt chính trị, nghĩa là bảo vệ quyền lực quyền lợi của Đảng Cộng Sản, lên trên hết. Ngoài ra, không có gì quan trọng cả. Trên con đường quyền lực quyền lợi của họ, Đảng Cộng Sản đi còn xa hơn cả giới Nho sĩ Tàu và Việt hồi cuối thế kỷ XIX: họ quét sạch tron, dori lẫn butsurei, tuyệt đối không còn gì cả.

Tuy nhiên họ khác sĩ phu Tàu về một điểm quan trọng: đó là trong sự nhận định về "cũ" và "mới".

Cái "cũ" mà sĩ phu Tàu không chịu

buông là cái "cũ" thiết của người Tàu - quan niệm đạo lý cổ truyền của Trung hoa --, và cái "mới" mà họ không chịu chịu nhận là cái "mới" thiết của họ - quan niệm vật lý khoa học thực nghiệm.

Trong khi đó, cái "cũ" mà nhóm lãnh tụ Đảng Cộng Sản Việt Nam không chịu buông là cái "mới" đối với người Việt - quan niệm duy vật vô thần mác-lê-nay đã thành cái "cũ" vì chính những kẻ phát minh ra nó, người Nga, đã liệng bỏ nó đi, còn cái "mới" mà nhóm lãnh tụ đó không chịu chấp nhận là một xã hội dân chủ tự do điều hướng bởi những giá trị đạo đức căn bản phổ cập trong toàn nhân loại mà ngày nay mọi quốc gia, trong đó có cả Mỹ lẫn Nga, đều thấy cần phải phục hồi và phát huy như những giá trị mới. Cái "mới" lại nằm trong cái "cũ"!

Lạ lùng, ngược đời thay!

Thế thì người Việt chúng ta cũng có lý do chính đáng để đừng liệng hết vào đồ rác, và tìm lại trong cái "cũ" xem còn cái gì có thể coi là "mới" cần phục hồi không! Bắt đầu với những giá trị đạo lý của Không giáo, vì Không giáo đã bị liệt vào hàng đầu của những cái "cũ".

Những giá trị cần phục hồi

Những giá trị đạo lý mà Việt Nam cần phục hồi và phát huy mạnh trong tình trạng hiện tại là: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Thành, Tín - hiểu theo nghĩa đã được Cụ Phan Bội Châu giải thích trong *Không Học Đấng*, chớ không phải theo quan niệm của những hủ nho xôi thịt và của những người chỉ biết hời hợt về Không giáo. Không có những giá trị này thì không có xã hội nào đứng vững được. Các chế độ Việt Nam hơn 100 năm nay đã yếu đi và sụp đổ vì đã bỏ mất nội dung của những đức tính trên và chỉ còn ôm cái vỏ. Chế độ cộng sản hiện nay lại còn tệ hơn nữa vì ngay cả cái vỏ người cộng sản cũng liệng bỏ luôn.

Ngày nay, Trí được hiểu như là thủ đoạn xảo quyết nhằm lường gạt người khác để trục lợi cho mình. Nhân được coi như một xa xỉ phẩm trong một xã hội sống theo luật rừng, chỉ tin vào sự hữu hiệu của bạo lực và quyền thế. Thành, Tín thì hiểu theo nghĩa "cụ thể" lê-nít: nó thay đổi tùy người, tùy nhu cầu, tùy thời, nay vậy mai khác. Một xã hội quan niệm Trí như trên đây, và không có

Nhân, Thành, Tín thì cùng không thể có Lễ, Nghĩa.

Ngoài Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Thành, Tín, tất nhiên còn nhiều giá trị tinh thần đạo đức khác, như Trung, Hiếu, Dũng... Nhưng những giá trị này cần được suy diễn lại cho hợp với tình thế và hoàn cảnh mới. Đồng thời cũng cần xét lại một số quan niệm đã làm cho xã hội Việt Nam trì trệ, suy yếu, bị đô hộ lấn áp và chìm đắm trong cảnh nghèo nàn cơ cực. Hai trong những quan niệm này là Thanh bản và Danh vọng.

"Thanh bản" là lý tưởng của những người không tán thành việc "làm giàu", khinh bỉ tiền bạc, của cải, tài sản. Danh từ mới ngày nay là "vô sản" Những người chấp nhận, cổ xúy, "thanh bản", coi "thanh bản" như là một lý tưởng cao cả. Họ sống trong cảnh nghèo nàn cơ cực, nhưng họ lấy đó làm vui, và coi đó là một niềm hạnh diện. Họ không hiểu rằng tiền bạc, của cải, tài sản là tiêu biểu cho sức mạnh của nền kinh tế của một quốc gia và của sự sung mãn của dân quốc gia đó. Và "thanh bản" là không đóng góp vào việc tạo điều kiện căn bản để nâng cao đời sống của đồng bào và gây sức mạnh cho xứ sở.

"Danh vọng" là một tệ hại khác. Những người ham "danh vọng" là những người thích "làm quan", quan phong kiến hoặc quan cộng sản, muốn ngồi trên ăn trước, nắm nhiều quyền hành trong tay để sai khiến, lấn áp người khác. Họ đặt nặng vấn đề thể diện nặng hơn là bản lĩnh, thực chất. Vì vậy, họ tranh dành nhau, đánh đấm nhau, và phá hoại lẫn nhau, và trong sự đánh đấm lẫn nhau này, họ không cần biết đến quyền lợi của cộng đồng, đất nước.

Hai tệ hại trên đã gây rất nhiều tổn thương cho xứ sở. Nó là những nguyên do lớn trong việc suy đồi, trì trệ, phân ly, của đất nước. Tất nhiên nó là những giá trị "cũ" cần phải loại bỏ cùng với những giá trị tương tự.

Xây dựng lại cơ sở tinh thần đạo đức của xã hội Việt Nam, biết nên giữ những gì, bỏ những gì, sửa những gì, đến mức độ nào, là một vấn đề rất lớn. Nó khó khăn, phức tạp hơn cải tổ cơ chế chính trị nhiều. Vì vậy, cần có một sự "đầu tư" lớn hơn về trí tuệ của nhiều người Việt vào công việc này.

Tôn Thất Thiện

Dân ta có lòng ái quốc không ?

Đặt câu hỏi như trên, lòng tôi không khỏi bồn chồn áy náy. Một dân tộc đã từng bị một nước láng giềng với diện tích lớn hơn gấp 7-8 lần, to như một lục địa, và dân số, trong lịch sử có lúc ít lắm cũng đông hơn gấp 10 lần, đồ hộ trong 1000 năm, mà còn quật khởi đuổi được quân Tàu ra khỏi bờ cõi. Một nước đã đánh thắng 2 cường quốc văn minh có trang bị vũ khí tối tân như Pháp và Mỹ mà còn có người dám hỏi dân đó có lòng ái quốc không ? Có yêu nhau không? Có thống nhất không?

Những sự kiện sau đây làm cho tôi và nhiều người khác thắc mắc :

Tôi sang Pháp hồi 15 tuổi. Trên tàu có một anh đội Pháp, sau khi nói chuyện với tôi, bực tức bảo tôi rằng: "Anh là người chống Pháp. Khi tới Marseille tôi sẽ tố cáo anh với cảnh sát cho họ bắt anh." Như vậy mà biết bao bạn học cứ chỉ mặt tôi mà buộc tội : "Mày là cố đạo, phản quốc!"

Ở Pháp, tôi được một người Pháp quen thân với gia đình mời ăn cơm. Trong xã hội Pháp thì phải nói chuyện huyền thuyên luôn miệng. Tôi không biết nói gì, mới hỏi chủ nhà: "Ông đã gặp hay biết người An Nam bao giờ chưa ? Ông ta trả lời rằng có và nói tiếp : "Ils ne s'aiment pas!" (Họ không thương yêu nhau!). Tôi ngồi sạm cả mặt không biết trả lời ra sao.

Giáo sư sử học, ông Bourotte, một hôm nói với tôi rằng: "Hồi xưa, khi ông mới sang An Nam thì ông thường thấy nếu có đám đánh nhau, hay một biến cố, tai nạn gì thì những người đứng xung quanh nhón nhờ cười".

Một giáo sư đại học Đức tới chơi với tôi tỏ ra bực tức về sự kiện sau đây. Một hôm ông đi thăm một người Việt mà ông quen biết ở đường Hàng Chuối (Hà Nội), đang nói chuyện thì chứng kiến một tai nạn. Một xe cam-nhông cán chết một người đi đường. Người bạn thân nhiên như không có chuyện gì xảy ra, chuyển sang câu chuyện khác.

Sự kiện trên không chỉ có ở Việt Nam, mà ở bên Trung Hoa cũng vậy.

Tôi có cảm tưởng đây không phải là một sự kiện xã hội bình thường mà là tiêu biểu cho một trình độ văn hóa hay một nền văn minh.

Ai cũng biết tiếng nhà văn Trung Hoa Lỗ Tấn (Lu Xun), thầy của Mao Trạch Đông và của nhiều thế hệ nhà văn trẻ cách mạng Trung Hoa. Trước ông là con nhà khá giả nhưng sau gia đình sa sút. Vì vậy ông mới biết hết cái nhục của con nhà nghèo trong một xã hội Khổng giáo, chỉ biết có người giàu. Ông viết: "Ai đã trải qua cuộc sống sung túc và sau đó rơi vào hoàn cảnh bần cùng thì mới thấy hết bộ mặt thật của con người." Năm 1895, khi cha ông hấp hối là lúc thủy quân lục chiến Trung Hoa bị bắn phá tan tành. Cái nhục của tổ quốc với nỗi khổ đau của gia đình đã khiến ông đi tìm một con đường khác ngoài khoa cử để thoát thân. Năm 1898 ông bỏ nhà đi Nankin để học những khoa học mới. Đầu tiên ông vào học trường thủy quân, sau đó bỏ sang học trường mỏ, sau cùng lại chuyển sang trường thuốc vì nghĩ rằng dân Trung Quốc cần được chăm sóc sức khỏe hơn. Nhưng sau ông lại được xem những hình ảnh do một giáo sư Nhật chụp vụ xử tử một gián điệp Trung Hoa bởi quân Nhật. Trong ảnh, ông thấy những người Trung Quốc đứng chung quanh không phản kháng trong khi những sinh viên Nhật vỗ tay reo hò và cười. Ông Lỗ Tấn lúc đó mới nghĩ rằng: làm cho dân Tàu khỏe mạnh về thể xác hơn, béo tốt hơn mà tinh thần vẫn yếu hèn thì có ích gì? Nếu họ vẫn nhút nhát và yếu hèn như xưa thì có ích gì? Bấy giờ ông mới quyết tâm bỏ học nghề thuốc, chuyển sang nghề viết văn để mong thúc tỉnh đồng bào. Lúc đó, Lỗ Tấn được 25 tuổi. Mười hai năm sau, ông viết quyển sách "Tiểu sử của một thằng điên" đăng trong báo Thanh Niên Mới. Lúc bấy giờ ông mới lấy tên là Han Xun.

Trong lịch sử Việt Nam ta còn thấy khi thay đổi triều đại, triều sau phá hết những di tích của triều trước. Vì vậy mà một nước 4,5 ngàn năm văn hiến mà

nay còn lại bao nhiêu di tích? Hồ Hoàn Kiếm, Văn Miếu, chùa thờ Hai Bà, năm ba chỗ nữa là hết. Trong khi đó thì thành Ba Lê còn giữ lại bao nhiêu cổ tích từ thời La Mã, v.v...? Dân ta là dân bảo thủ hơn hết thế mà chỉ còn vài di tích trên thôi. Nghĩ hèn, nếu ta đi thăm nước Pháp, nước Ý, nước Đức, nước Ý Pha Nho thì thấy bao nhiêu cổ tích, không kể xiết. Khi cách mệnh cộng sản nổi lên thì bao nhiêu đền đài, cung điện, thành trì bị đốt cháy, phá vỡ. Huế cổ kính còn như xưa nữa không?

Nước ta chỉ đẹp đẽ, hùng cường khi nào nước ta là của chung mọi người giàu nghèo, dân gian hay quan quyền. Không phải chỉ của một giai cấp, của một tầng dân mà thôi. Người trên chỉ được người dưới kính phục, hy sinh cho khi mà người trên biết kính nể kẻ dưới, bằng không thì họ chỉ đợi lúc để phản lại. Vì vậy người lãnh đạo nên học bài học của Ngày thứ năm tuần lễ Thánh: Chúa Kitô là "Vua của Trời Đất" thế mà còn hạ mình xuống rửa chân cho các môn đệ của ngài. Dân ta chỉ thành một dân giàu mạnh khi nào người có quyền dùng lấy của công làm của tư, lấy những của hối lộ làm bổng lộc "Trời cho".

Để thành một dân tộc được thế giới kính nể, để thành một nước mà con em chúng ta có thể hành diện, ta còn phải bỏ nhiều tật xấu đã làm cho nước ta tan rã, không thành một khối thắt chặt, liên đới với nhau.

Người viết bài này tự biết rằng mình cũng đã có rất nhiều những tật xấu nói trên, có khi bằng hai ba lần người khác, nên cố gắng tiếp tục gạt bỏ. Mong là đa số người Việt ý thức rõ được tác hại của những tật xấu, sớm thay đổi để cho đất nước, dân tộc có khả năng tiến lên.

Nguyễn Huy Bảo

LTS: Cụ Bảo, 90 tuổi, là cựu khoa trưởng Đại học văn khoa Sài Gòn

Triển lãm tác phẩm mới của
PHAN NGUYỄN

Papyrus

từ 14-3-1999 đến 4-4-1999

Khai mạc: chủ nhật 14-3-1999

từ 14 giờ đến 20 giờ

tại Péan Studio, 47 rue Mont Blanc

77 176 Savigny le Temple

Tél. & Fax: 01 60 63 30 57

Bolsa Nửa mừng nửa lo

Trần Thanh Hiệp

Từ hơn một tháng nay, nhiều đợt biểu tình của người Việt tị nạn tại Mỹ đã liên tục diễn ra ngay tại trên đường Bolsa ở Quận Cam, Nam Cali, để phản đối việc một người Việt tên là Trần Văn Trường - chủ một cửa hàng video nhỏ, tiệm Hitek, tới Mỹ tị nạn được 20 năm rồi - bỗng dờ chúng treo cờ đỏ sao vàng và ảnh Hồ Chí Minh trong tiệm lại còn lên đài phát thanh, gửi điện thư tới các hội đoàn chống cộng khiêu khích, gây chiến. Trần Văn Trường thách các hội đoàn này đến dẹp cờ và ảnh và càng tỏ ra phách lối hơn nữa sau khi đương sự được Tòa án địa phương công nhận có quyền tự do biểu lộ ý kiến, trên cơ sở Điều tu chính thứ nhất của Hiến pháp Mỹ.

Lẽ tẻ từ mấy chục người ban đêm, hàng trăm người ban ngày, đồng bào tị nạn đủ các giới, đủ lứa tuổi, kéo tới bao vây tiệm Hitek. Việc đông người, sát khí đặng đặng tụ tập trên công lộ, nhất là lý do bất đồng chính kiến, đã đưa tới sự can thiệp của cảnh sát sở tại. Vụ Trần Văn Trường trở thành một biến cố thời sự, động viên mạnh mẽ các giới truyền thông, luật gia, các tổ chức tranh đấu cho dân quyền, nhân quyền, văn nghệ sĩ v.v... Cùng là một sự trùng hợp hiếm có. Tết Nguyên đán Kỷ Mão, đồng bào người Việt hàng hàng lớp lớp đổ về trung tâm thành phố "Saigon nhỏ" để ăn Tết như mọi năm.

Nhưng năm nay chẳng ai còn lòng dạ vui xuân! Mọi người đều có cảm tưởng như "tai họa" trên trời rơi xuống và "tai họa" đã ở ngay trước mắt. Một đảng phải chạm mặt với cảnh sát Mỹ ở Quận Cam, trang bị đầy đủ dụng cụ đàn áp và còn có tăng phái về số lượng từ các miền phụ cận. Đẳng khác, lực lượng đàn áp này lại đứng ra bảo vệ quyền tự do phát biểu của Trần Văn Trường đồng thời bố trí để dẹp biểu tình. Sự căng thẳng lên tới tột độ khoảng cuối tuần trước, đầu tuần này khi cảnh sát, áp dụng luật theo phán quyết của Tòa án, hộ tống Trần Văn Trường vượt qua rừng cờ vàng ba sọc đỏ, rùng biểu ngữ đã đảo

cộng sản, rùng người tị nạn, để đưa Trần Văn Trường vào tiệm Hitek treo lại cờ đỏ sao vàng, trưng lại ảnh Hồ Chí Minh (mà tuần trước Tòa án đã tạm thời ra lệnh hạ bỏ). Việc phải đến đã đến. Người biểu tình phản ứng, cảnh sát ra tay. Các ống kính của các cơ quan truyền thông đại chúng như những tờ báo lớn của Los Angeles, những hãng vô tuyến truyền hình nổi tiếng CBS, CNN v.v... có mặt tại chỗ đã cho thấy hình ảnh người biểu tình phải nằm sấp trên mặt đất, hai tay bẻ quặt sau lưng và bị trói bằng giây nhựa! Trên 40 người đã bị bắt giữ, một số ít trong đó sẽ bị đưa ra tòa, số còn lại về sau được thả.

Nghĩ cho cùng, có một điều gì thật sự không ổn trong biến cố Trần Văn Trường. Những người tị nạn cộng sản trên đất Mỹ lại bị chính cảnh sát Mỹ đàn áp vì chống cộng! Qua làn sóng các đài phát thanh, nhiều luật gia giảng dạy tại các trường đại học Mỹ cũng như các quan chức có trách nhiệm bảo vệ trật tự công cộng đã lên tiếng tỏ bày quan điểm. Bên nào cũng có người bênh, người chống.

Nhưng rồi chiếc xe hủ lô đàn áp cảnh sát bắt tốc độ không đi tới, mà lại lùi ra xa, mặc dù số người biểu tình vẫn gia tăng. Từ hàng trăm chốc lát lên tới hàng ngàn, hàng vạn. 3000, rồi 5000, rồi 10.000, rồi 15.000, rồi 20.000 (đêm 22-2-1999), theo ước lượng của các cơ quan truyền thông. Nhịp đập của trái tim Saigon nhỏ vọt lên cao có lẽ, như các cơ quan truyền thông nhận định, vì hành động của Trần Văn Trường mở lại vết thương chiến tranh Việt Nam một lúc tưởng đã lên da non!

Ngon sóng biểu tình trên đại lộ Bolsa, sau những đụng độ với cảnh sát, đã rút xuống thấp. Không phải vì ngọn sóng ấy hết muốn đập vào những công cụ, công sự đàn áp mà vì tự bên trong đã có chuyển hướng. Bạo động, khó tránh nhưng chỉ vừa chớm nở, qua đợt cận chiến với cảnh sát dường như đã được kịp thời dập tắt. Phía cảnh sát cũng có những lời nhắn gửi thân thiện: "Mức độ

bạo động tùy những người biểu tình quyết định". Tiếng nói của những người này bỗng trở nên ung dung và bình tĩnh hơn: "Chúng tôi tranh đấu cho tự do, dân chủ!".

Đêm 22-2-1999, khu Bolsa đã biến thành một cuộc hội họp ôn hòa của hàng vạn người để biểu dương ý chí muốn được sống tự do dân chủ, chẳng những nơi mình đang ở mà còn cho cả hơn 70 triệu đồng bào ở trong nước. Người ta không còn thấy dấu vết của những bố trí đàn áp ngày hôm qua. *Người Việt*, tờ nhật báo nhiều độc giả nhất tại địa phương, trong bài tường thuật đăng ngày 23-2-1999, đã nhận xét rằng 24 năm nay ở Quận Cam, chưa bao giờ có một cuộc biểu tình chính trị lớn và thành công như vậy.

Chưa biết vụ Trần Văn Trường sẽ được kết thúc như thế nào. Chủ phố cho Trần Văn Trường thuê cửa tiệm đã làm thủ tục trục xuất vì lý do Trần Văn Trường không trả tiền thuê và không có bảo hiểm. Luật sư của Trần Văn Trường đoan chắc rằng thân chủ mình chưa lâm vào cảnh tuyệt vọng. Và lại ngay như Trần Văn Trường có phải trục xuất khỏi căn nhà ở khu Bolsa thì vẫn có nơi khác để tái diễn trò khuấy động cũ. Nghĩa là vấn đề sẽ còn lòng thông. Điều cần biết là phải tiếp tục như thế nào việc ngăn cản, trong vòng hợp pháp, các loại hành động cổ vũ cho chế độ toàn trị ở trong nước? Biểu tình ồ ạt như đã thấy suốt hơn một tháng qua, tuy có ngoạn mục thật nhưng không hoàn toàn thích hợp về nhiều mặt.

Có lẽ ngay lúc này không phải là quá sớm để từ cuộc biểu tình này rút ra một số kinh nghiệm.

Điều phải nhìn nhận, dù muốn hay không muốn, là phản xạ của người Việt tị nạn ở Mỹ chống độc tài toàn trị trong nước vẫn còn bén nhạy. Cuộc sống tương đối ổn định, sự giao lưu từ nhiều năm nay giữa người trong và người ngoài nước, thế hệ của thù hận, của bại trận đã và đang đi qua v.v... không làm tiêu mòn ý chí tranh thủ tự do, thực hiện

dân chủ. Gặp cơ hội khách quan phát động là phản xạ thì triển ngay. Vấn biết rằng cách phản ứng gần như máy móc này không làm một số trí thức hài lòng vì quen suy nghĩ trừu tượng, quen thao tác những khái niệm, họ dị ứng với những hành động bộc phát. Không phải là họ không có lý. Nhưng đại đa số quần chúng không rung cảm như những trí thức. Và lại chẳng riêng gì người Việt tị nạn, những quần chúng đã từng là nạn nhân của đàn áp, bất công như những người Ai Nhĩ Lan, Palestiniens, Kurdes, Albanais ở Kosovo, đều có phản xạ như nhau. Riêng ở vào trường hợp người Việt tị nạn, thiết tưởng trên nguyên tắc và nói chung, cách phản ứng của họ trong vụ Trần Văn Trường là một điều mừng. Trước hành động khiêu khích của Trần Văn Trường, đủ các thế hệ, đặc biệt là lớp tuổi trẻ nam nữ chưa đến 20, lớp trung niên trên 40, vẫn phản ứng một cách mau lẹ và quyết liệt. Tưởng phải tránh vội vàng đánh giá máy móc rằng đó chỉ là cách chống đối quá khích, cực hữu mà nên đi xuống bề sâu, coi đó là sự biểu hiện của ký ức tập thể về tội ác. Hạn thù tùy người, có thể xóa bỏ, nhưng tội ác thì không thể xóa bỏ. Những người cộng sản cầm quyền ở Việt Nam, hơn năm thập niên qua đã gây ra biết bao tội ác chồng chất mà ký ức tập thể phải ghi khắc cho hậu thế. Như những người Do Thái đã nhớ, và nhớ rất kỹ, tội ác của Quốc xã. Người dân chỉ biết quyết tâm xây dựng lại đất nước trong tự do dân chủ trong chừng mực ký ức tập thể về tội ác của cộng sản không bị thời gian chôn vùi, vẫn còn bén nhọn để ngăn cản tội ác không tác hại được nữa.

Tuy nhiên, một tập thể đã đạt tới trình độ văn minh không ứng xử thuần bằng phản xạ, bằng bản năng. Phải có văn hóa để bổ khuyết, hướng dẫn, nói chung, để lãnh đạo bản năng. Vụ Trần Văn Trường chỉ mới là một hiệu lệnh cho cộng đồng người Việt tị nạn sắp sẵn. Biến cố này, thêm một lần nữa, đã làm nổi bật sự khẩn thiết của vấn đề lãnh đạo lực lượng dân chủ chống độc tài. Phản xạ của quần chúng cần được lãnh đạo cho xứng đáng. Đành rằng các đợt ấy có mặt tích cực là động viên và tập hợp được hàng vạn người. Nhưng không thể chối cãi được rằng lại cũng có mặt tiêu

cực là không có sự hướng dẫn ngay từ đầu bằng những khẩu hiệu thích hợp. Cảm tưởng rõ rệt là đám đông quần chúng chống cộng kéo tới đường Bolsa để áp đảo Trần Văn Trường, buộc y phải triệt hạ cờ và ảnh cộng sản. Trong khi đáng lẽ ra phải hướng dẫn quần chúng, bằng các khẩu hiệu, làm hiện rõ việc Trần Văn Trường, trong khuôn khổ luật pháp Mỹ, lạm dụng quyền tự do phát biểu ý kiến để gây hấn với những người không cùng chính kiến với mình. Cần cho dư luận Mỹ thấy rằng những người Việt tị nạn không chống quyền tự do phát biểu ý kiến. Họ tôn trọng Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Mỹ. Nhưng họ chống cách Trần Văn Trường hành sử quyền tự do phát biểu ý kiến mà hiến pháp này công nhận. Điều có thể bàn cãi là thông điệp gây hấn của Trần Văn Trường có thể coi như loại ý kiến không được Tu chính án thứ nhất bảo vệ hay không? Mặt khác, Tu chính án nói trên cũng trừ liệu quyền tự do tập hợp để thỉnh nguyện. Biểu tình để thỉnh nguyện đừng cho phép những hành động cổ vũ cho các tội ác diệt chủng, gây chiến tranh, chống nhân loại. Những tội ác của những người cộng sản cầm quyền ở Việt Nam, trong đó có Hồ Chí Minh. Người Việt tị nạn có ý định tận dụng quyền tự do này để đối phó với sự khiêu khích hỗn xược của Trần Văn Trường. Nếu cuộc biểu tình được tổ chức có lãnh đạo chu đáo ngay từ lúc đầu và diễn ra theo chiều hướng này thì cảnh sát đã chẳng có lý do để đàn áp. May mà không có gì thật đáng tiếc đã xảy ra cho cộng đồng!

Sống với thời đại và "thời đại nào kỷ cương ấy". Nhắc lại chuyện cũ - chưa cũ lắm - để nhớ: những tác phong lãnh đạo thiếu văn hóa, chỉ trông vào số đông ô hợp, vào bắp thịt trống trơn, vào súng đạn chờ được cấp phát, tiền bạc đợi được chu cấp, chắc chắn sẽ thất bại trong sự nghiệp dân chủ hóa Việt Nam. Chấm dứt độc tài không phải chỉ là hô khẩu hiệu cho sướng miệng. Nói mà không làm đến nơi đến chốn. Nói một cách vô trách nhiệm, không khuất phục được bạo quyền toàn trị. Nhưng chỉ có thái độ chống cộng mãnh liệt chưa hẳn là dân chủ, nhất là dân chủ pháp trị, đa nguyên. Vụ Trần Văn Trường là một bài học sống cho những ngày đang tới, vì giờ

phút bắt tay vào việc có thể sẽ đến bất cứ lúc nào.

Tiếng còi báo động vừa vang lên tại Bolsa giúp cho lực lượng dân chủ non trẻ có dịp tập dượt, rèn luyện. Từ lâu ở hải ngoại kẻ địch vắng mặt. Trong cơn cuồng nhiệt mang tinh đồng cốt, một số người chỉ đi tìm quanh quẩn kẻ địch tưởng tượng rồi dùng các thủ thuật chụp mũ, vu cáo bừa bãi hầu lập chiến công tự xưng, tự phong trách nhiệm lãnh đạo. Nhưng kẻ địch nay đang bắt đầu dò đường để ra mặt. Và kẻ địch, len lỏi vào những chỗ sơ hở, vận dụng những phần tử diên khùng thiếu văn hóa, đã chọn ngay thủ phủ của người Việt tị nạn để khiêu chiến!

Nhìn về chân trời những năm 2000, hãy sẵn sàng chờ đợi cuộc tranh đấu trực diện, có qui mô, với kẻ địch không những trên đất địch mà ngay trên đất ta. Cuộc đọ sức xem ra sẽ không phải là chuyện du ngoạn, chuyện bàn suông trình diễn "tránh đấu cuối tuần". Từ mặt chính trị cho tới mặt luật pháp, kinh tế, tổ chức, cuộc thử thách sẽ đòi hỏi một bản lĩnh ứng phó mới, cả về mặt tài năng lẫn mặt đức độ. Bắp thịt cần phải có đã đành nhưng cũng còn phải có cả con tim đạo lý, khối óc với trí năng, những kiến thức mới. Chính vì vậy có những người sớm cảm chiêu được đòi hỏi này đã khẩn thiết lên tiếng gọi "nâng cấp" cuộc chiến đấu. Để chiến thắng trong sự nghiệp chuyển hóa độc tài toàn trị ở trong nước thành dân chủ.

Trần Thanh Hiệp

Người Trung Quốc Xấu Xí

Tác giả: **Bá Quang**

Dịch giả: **Nguyễn Hồi Thủ**

Nhà xuất bản CMCT

Bìa cứng, 14,5 x 20,5 cm, 300 tr.

Một cuốn sách đặc sắc về văn hóa và tâm lý của người Hoa, nhưng cũng là một chân dung người Việt.

Một cuốn sách mà người Việt nên đọc để biết thêm về mình.

Giá bán, kể cả tiền gửi: 90 FRF (hoặc tương đương). Chi phiếu xin đề: **Vietnam Fraternité** (đừng đề Thông Luận) và gửi về tòa soạn: Thông Luận, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Đoàn Viết Hoạt kết thúc chuyến thăm viếng thành công tại Châu Âu

Đoàn Viết Hoạt đã kết thúc chuyến thăm viếng ba tuần lễ tại Châu Âu, bắt đầu từ ngày 26-1-1999. Ông đã thăm viếng các nước Pháp, Anh, Đức và Hòa Lan.

Tại Pháp, trạm dừng chân đầu tiên, ông Hoạt đã được tiếp đón long trọng trong một bữa ăn trưa, với sự tham dự của trên 500 người thuộc hầu hết các hội đoàn người Việt tại Pháp, đại diện các cơ quan báo chí, truyền thanh, truyền hình và các tổ chức nhân quyền. Mở đầu bữa tiệc này, ông Nguyễn Gia Kiểng, thành viên nhóm Thông Luận, chủ tịch Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt, đã giới thiệu ông Đoàn Viết Hoạt như một biểu tượng quan trọng của cuộc tranh đấu vì dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Ông Kiểng cũng ca tụng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, có mặt trong buổi họp mặt, như là một mẫu mực của tinh thần bất khuất của người Việt trong những thập niên mà sự khủng bố bao trùm lên miền Bắc. Nhân dịp này, ông Kiểng cũng thông báo Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt từ nay sẽ đổi tên thành Nghĩa Hội Tự Do, với Đoàn Viết Hoạt là một hội viên danh dự. Ông Đoàn Viết Hoạt đã đọc bài diễn văn quan trọng nhất của ông kể từ ngày được trả tự do và xuất ngoại. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của cố gắng tư tưởng trong cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ, lên án sự ngoan cố của ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam và nhấn mạnh tầm quan trọng của cố gắng động viên dư luận quốc tế (xem Thông Luận số 123, tháng 2/99). Sau đó ông đã trả lời một số câu hỏi. Bữa tiệc được tiếp theo bằng một chương trình văn nghệ, trong đó ông Đoàn Viết Hoạt đã dành nhiều thì giờ để trò chuyện riêng với nhiều người.

Trong thời gian tại Pháp, ông Hoạt đã trả lời các tờ báo lớn như Le Monde, Le Figaro, Télérama, La Revue Parlementaire, kể cả báo L'Humanité của Đảng Cộng Sản Pháp. Ông cũng đã phát biểu trong nhiều chương trình của các đài RFI, Europe, tổng cộng trên hai mươi cuộc phỏng vấn, kể cả một cuộc phỏng vấn của chương trình Việt ngữ của đài RFI phát về Việt Nam. Đây cũng là dịp để lần đầu tiên ông Hoạt gặp

mặt ký giả truyền hình nổi tiếng nhất của nước Pháp, Patrick Poivre d'Arvor, người đã đến tận trại tù Thanh Cẩm bày tỏ sự ủng hộ đối với ông, và ông Robert Ménard, tổng thư ký tổ chức Ký Giả Không Biên Giới, người đi cùng với Patrick Poivre d'Arvor tới Thanh Cẩm. Ông Hoạt cũng đã được mời tới Điện Elysées tiếp xúc với ông Thierry Dana, cố vấn của tổng thống Pháp về Châu Á. Hội Văn Bút Pháp, mà ông Hoạt là hội viên danh dự, đã tiếp đón ông Hoạt tại trụ sở của họ. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và nhà văn Vũ Thư Hiên đã có mặt trong buổi họp mặt này mà chủ đề là yểm trợ những người Việt tại Việt Nam.

Tại Anh, ông Hoạt đã được dành một cuộc tiếp đón long trọng tại trụ sở tổ chức nhân quyền Amnesty International. Ông Hoạt đã khuyến khích Amnesty International xúc tiến việc hiện diện tích cực trở lại tại Việt Nam (chủ tịch của Thông Luận: từ 1988 đến 1990, đại diện của Amnesty International là bác sĩ Nguyễn Đan Quế, bác sĩ Quế đã được trả tự do cùng một lúc với giáo sư Hoạt và hiện ở Sài Gòn, tổ chức Amnesty International dành cho ông Quế một sự kính mến đặc biệt). Làm việc với tổ chức Văn Bút Quốc tế (Pen International), ông Hoạt tỏ ý tiếc rằng hiện nay không còn sự hiện diện của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại dù nó được thừa nhận và lưu ý Pen International rằng những người đấu tranh tích cực nhất cho dân chủ hiện nay là những nhà văn, nhà báo, do đó Pen International cần yểm trợ đắc lực cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam. Ông Hoạt đã trả lời một cuộc phỏng vấn truyền hình, do ký giả Robin Denselow thực hiện, và ba cuộc phỏng vấn của đài BBC, trong đó có một cuộc phỏng vấn bằng tiếng Việt với ký giả Tường Vi. Ông Hoạt đã dành một buổi tối để trao đổi và thảo luận với một nhóm chuyên viên trẻ tại Anh. Trước khi rời Anh, ông Hoạt đã trả lời một cuộc phỏng vấn của tờ báo rất uy tín Financial Times.

Tại Đức, ông Hoạt đã thuyết trình trước một diễn đàn trên 400 người Việt Nam. Trong bài diễn văn này, ông Hoạt

đã đặc biệt chú trọng lên án những vi phạm nhân quyền của nhà nước cộng sản Việt Nam. Ông Hoạt đã thảo luận với ngoại trưởng Fisher, cựu ngoại trưởng Kinkel, bà phó chủ tịch quốc hội, ông thống đốc Hamburg và một nhóm dân biểu, nghị sĩ Liên Bang. Ông đã dành hai ngày để tiếp xúc với các tổ chức người Việt tại Đức.

Tại Hòa Lan, ông Hoạt đã tham dự ba cuộc hội thảo về nhân quyền, một bằng tiếng Việt dành cho đồng bào trong đó ông đã phát biểu tương tự như tại Đức, và một bằng tiếng Anh dành cho người Hòa Lan, tại đó ông gặp giáo sư Stephen Young từ Mỹ sang để tham dự cuộc thảo luận với Đoàn Viết Hoạt. Cuộc trao đổi này đã qui tụ một số dân biểu và chức sắc Hòa Lan.

Trong mọi cơ hội phát biểu, ông Hoạt nhấn mạnh lập trường căn bản của ông: đấu tranh cho dân chủ bằng phương thức bất bạo động, kết hợp những người dân chủ thuộc mọi quá khứ chính trị, đặc biệt quan tâm lấy nhân quyền làm mũi nhọn tiến công.

Trong các cuộc tiếp xúc và trả lời phỏng vấn với các báo chí, tổ chức, nhân vật các nước Châu Âu, ông Hoạt yêu cầu gắn liền hợp tác kinh tế với những đòi hỏi về nhân quyền. Ông nhận định rằng thời gian sắp tới sẽ rất khó khăn cho chính quyền cộng sản vì thế những áp lực sẽ rất hiệu quả. Một ý kiến được ông Hoạt nhắc lại nhiều lần là không thể có phát triển lành mạnh và kéo dài nếu không có dân chủ. Ông Hoạt cũng cảnh giác giới đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam là họ cần đòi hỏi chính quyền Việt Nam thực hiện những cải tổ theo chiều hướng dân chủ hóa trước hết là tự do báo chí, vì nếu không tham những sẽ tiếp tục được bao che và sẽ tiếp tục bành trướng, chính họ sẽ mất vốn thay vì có lời. Nhận định này của ông Hoạt đã gây được sự chú ý đặc biệt.

Cảm nghĩ sâu nhận được sau chuyến viếng thăm Châu Âu này là ông Hoạt đã thành công. Người ta ghi nhận hình ảnh của một người nhân hậu, đầy quyết tâm và thiện chí, hơn thế nữa lại có sức thuyết phục. Đó là những đức tính mà cuộc vận động dân chủ đang chờ đợi.

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

Thay đổi nhân sự ở Đài Loan

Sau khi thắng cử vào cuối năm 1998 ở viện Lập Pháp, Quốc Dân Đảng đã cho cải tổ chính phủ và bổ nhiệm một số nhân vật ở các viện khác. Nội các của ông Tiêu Vạn Trường (Vincent Siew) có một số bộ trưởng ra đi. Ba bộ trưởng quan trọng được thay đổi là ông Tưởng Trọng Linh (Chiang Chung Ling), bộ trưởng bộ quốc phòng, ông Thành Trọng Mạc (Cheng Chung Mo), bộ trưởng bộ tư pháp và ông Trương Kinh Dục (Chang King Yuh), chủ nhiệm đặc trách lục địa. Ba vị này được ba người khác thay thế là tướng Đường Phi (Tang Fei), bà Diệp Kim Phụng (Yeh Chin Fong) và ông Tô Khởi (Su Chi). Việc ông Tô Khởi đặc trách lục địa được đáng chú ý vì ông đang là phó tổng bí thư ở phủ tổng thống và vì bang giao giữa hai bờ eo biển đang ở trong thời kỳ khó khăn. Theo báo *Financial Times* của Anh, lục địa đang dần 150-200 tên lửa M9 và M11 chĩa về phía Đài Loan và số tên lửa sẽ được tăng lên 650 vào những năm tới. Bắc Kinh muốn trả đũa Hoa Kỳ có ý định thành lập một đồ án hệ thống tên lửa chống tên lửa (TMD) với sự tham dự của Nhật Bản, Đại Hàn và có thể cả Đài Loan. Bắc Kinh vẫn không từ bỏ ý đồ chiếm đảo bằng vũ lực. Phía Đài Loan vẫn chờ đợi Bắc Kinh gửi ông Ưng Đạo Hàm (Wang Dao Han) sang Đài Bắc để tiếp tục thương lượng như hai bên đã thỏa thuận sau chuyến viếng thăm của ông Cồ Chấn Phủ (Koo Chen Fu) ở lục địa trong tháng 10 năm qua. Bắc Kinh lúc ban đầu dự định gửi ông Ưng Đạo Hàm sang Đài Bắc vào tháng tư, nhưng cuối cùng lại nói trong năm 1999 vì Đài Loan chỉ muốn thương lượng về kinh tế và các vấn đề có liên hệ đến hai xứ trong khi Bắc Kinh chỉ muốn bàn vấn đề thống nhất. Các nhân vật được bổ nhiệm ở các viện là ông Ông Nhạc Sinh (Weng Yue Sheng), viện trưởng viện Tư Pháp, ông Tiền Phục (Frédéric Chien), viện trưởng viện Kiểm Sát, ông Vương Kim Bình (Wang Chin Ping) viện trưởng viện Lập Pháp vv...

Chính phủ mới của Đài Loan sẽ sửa soạn tuyển cử tổng thống vào tháng 3 năm 2000 mà người ứng cử của Quốc Dân Đảng là ông Liên Chiến (Lien Chan) đương kiêm phó tổng thống.

Ông Lê Khả Phiêu viếng thăm chính thức Trung Quốc

Từ khi nhậm chức tổng bí thư Đảng

Cộng Sản Việt Nam vào cuối năm 1997, ông Lê Khả Phiêu lần đầu tiên viếng thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 25.2 đến 2.3. Chuyến công du lần chót của cựu tổng bí thư Đỗ Mười ở Trung Quốc đã diễn ra trong tháng 7 năm 1997. Từ khi hai nước tái lập quan hệ bình thường trong năm 1991, các nhà lãnh đạo hai nước thường viếng thăm lẫn nhau để tăng cường quan hệ. Thủ tướng Phan Văn Khải đã viếng thăm Trung Quốc trong tháng 10 và phó chủ tịch nhà nước Trung Quốc ông Hồ Cẩm Đào (Hu Jin Tao) cũng viếng thăm Việt Nam vào trung tuần tháng 12 năm qua, không kể hai cuộc viếng thăm trước đó của hai nhân vật ở thường vụ bộ chính trị Lý Thụy Hoàn (Li Rui Huan) và Ủy Viên Hành (Wei Jian Xing).

Chuyến công du của ông Phiêu lần này rất quan trọng vì trọng tâm, ngoài việc thắt chặt quan hệ giữa hai nước, là giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới ở đất liền và vịnh Bắc Bộ (Bắc Kinh vẫn tránh né không nói tới tranh chấp ở hai đảo Trường Sa và Hoàng Sa mà họ thường gọi là "Nam Sa và Tây Sa"). Theo bài tường thuật của báo Nhân Dân (Bắc Kinh) ra ngày 26.2, ông Lê Khả Phiêu được Giang Trạch Dân tiếp kiến ở Đại Hội Đường Nhân Dân trong bầu không khí "thân thiết, hữu nghị, và thành thực". Về vấn đề biên giới, hai bên "nhất trí" đồng ý là phải ký hiệp định trong năm nay về biên giới ở đất liền và đi đến giải quyết tranh chấp ở vịnh Bắc Bộ trong năm 2000. Hai bên xác nhận cần phải tiến thêm một bước lớn trong sự hợp tác kỹ thuật và kinh tế, mậu dịch giữa hai nước theo nguyên tắc "bình đẳng cùng có lợi, chú trọng tới lợi nhuận, đào sâu về chất lượng, hình thức đa dạng, cộng đồng phát triển". Hai bên cùng chúc mừng quan hệ giữa hai nước được tăng cường hữu nghị và phát triển trong ổn định từ năm 1991 trở đi.

Về tinh thần giải quyết tranh chấp cái mà Giang Trạch Dân gọi là "vấn đề do lịch sử để lại", họ Giang nói "cần tận lực giải quyết sớm vấn đề biên giới giữa hai xứ phù hợp với nguyện vọng chung và lợi ích căn bản của nhân dân hai xứ". Để đạt tới mục đích nói trên, họ Giang nhấn mạnh phải dựa trên tinh thần "hiệp thương hữu nghị, công bằng hợp lý, cùng thông cảm và cùng nhượng bộ lẫn nhau (hù liàng hù ràng)". Ông Lê Khả Phiêu trả lời rằng: "Chúng ta hai bên có trách nhiệm cao độ cùng phải nỗ lực để giải quyết vấn đề lãnh thổ biên giới giữa hai nước, kiến lập một

biên giới hoà bình, hữu nghị, và ổn định". Ông Phiêu lại bắt buộc phải xác nhận theo quan điểm của Bắc Kinh là "Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc" trong khi ông Lý Đăng Huy, tổng thống Đài Loan vừa tuyên bố cho báo Anh *The Financial Times* là Đài Loan đã độc lập. Báo Nhân Dân không nói đến những người cùng đi với ông Phiêu cũng như những địa điểm viếng thăm ở Trung Quốc. Theo báo Hoa ngữ Âu Châu nhật báo xuất bản ở Paris, cùng đi với ông Phiêu có nhiều người trong đó có hai phó thủ tướng (Nguyễn Tấn Dũng và Nguyễn Mạnh Cẩm), và hai bộ trưởng tài chính, bộ trưởng thương mại vv... Báo này còn cho biết phái đoàn do ông Phiêu hướng dẫn còn đi tham quan đặc khu kinh tế Chu Hải (Zhu Hai) thuộc tỉnh Quảng Đông và có ước vọng đi Thành Đô (Cheng Du), thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên (Si Chuan).

Năm 1999 là năm đại hy hay đại bi của Trung Quốc?

Năm Kỷ Mão, đối với chính quyền Bắc Kinh, là năm "Đại hy đại bi" (Đại xi dà bei) vì nó là năm có nhiều lịch sử của chế độ. Theo lịch của Trung Quốc, năm Kỷ với số 9 thường hay có nhiều biến cố lớn. Năm 1919 là năm của phong trào "ngũ tứ", năm biểu tượng cho các sinh viên học sinh xuống đường đòi tự do dân chủ. Năm 1949 là năm đại họa cho nhân dân Trung Quốc sau ngày thành lập "Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa" mà nửa thế kỷ sau vẫn chưa có tự do dân chủ Năm 1959 là năm "Đại Nhảy Vọt" mà hậu quả là có 30 triệu dân phải chết đói. Người dân Tây Tạng vẫn còn "nhớ" cũng vào năm này họ phải bỏ xứ ra đi vì Bắc Kinh đã cho quân đội chiếm xứ của họ. Năm 1969 là năm của Đại Hội lần thứ 9 theo đó tập đoàn Lâm Bưu (Lin Biao) và nhóm "tứ nhân bang" phân chia quyền lực để lãnh đạo "Đại cách mạng văn hóa" mà hậu quả là thêm cả chục triệu thanh thiếu niên bị ngã gục ở các công trường nông thôn hẻo lánh. Năm 1979 là năm giao tranh bằng vũ trang với các nước "anh em x.h.c.n". Cũng vào năm này, chính quyền cho dẹp bức tường "tự do dân chủ" ở phố Tây Đan (Xi Dan) và kết án ông Ngụy Kinh Sinh 15 tù ở. Năm 1989 là năm của sự kiện Thiên An Môn mà chế độ đã không ngần ngại cho nổ súng vào sinh viên và học sinh, những mầm non của tương lai đất nước.

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

Còn năm 1999 sẽ ra sao? Sự đàn áp đối lập dân chủ trong nhiều tháng qua cũng như các cuộc bạo động của những người Hồi Ougour ở Tân Cương (Xin Jiang) và các cuộc bạo loạn ở nông thôn đã làm cả trăm người tử thương và làm chính quyền đang hoang mang lo sợ. Tình trạng vô cùng khẩn trương đến nỗi bộ chính trị phải cho thành lập một tiểu tổ chống loạn mà tổ trưởng là Giang Trạch Dân và một số thành viên khác trong đó có Lý Bằng (chủ tịch Quốc Hội), Trì Hạo Điền (bộ trưởng quốc phòng) và La Cán (ủy viên bộ chính trị đặc trách An Ninh công cộng). Chính quyền Bắc Kinh lo ngại những kỷ niệm "đại bi" này sẽ giúp đối lập dân chủ có cơ hội kết tinh những bất mãn của quần chúng mà chính sách điều chỉnh xí nghiệp quốc doanh sẽ làm 30 triệu người thất nghiệp từ đây đến cuối năm. Họ lại còn thách thức chính quyền là đòi sửa đổi Hiến Pháp theo chiều hướng dân chủ, dẹp lăng Mao và cho thành lập đại hội đảng Dân Chủ ở Vũ Hán vào đầu tháng ba như theo lời tuyên bố của ông Cao Hồng Minh (Gao Hong Ming), chủ tịch chi bộ Bắc Kinh. Tin giớichốt cho biết đại Hội này phải tạm hoãn vì nhiều nhân vật đầu não của đối lập dân chủ bị chính quyền trấn áp.

Ở chính trường quốc tế, chế độ Bắc Kinh cũng bị lên án trầm trọng. Tổng thống Mỹ, ông Clinton vừa tuyên bố là "Bắc Kinh không thể mưu cầu ổn định bằng cách hạn chế tự do" và đồng thời sửa soạn lên án sự vi phạm nhân quyền của Bắc Kinh ở Ủy Ban Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc ở Genève trong tháng tới như theo lời yêu cầu của 99 nghị sĩ Hoa Kỳ. Chính phủ Mỹ cũng lấy quyết định không bán một vệ tinh nhân tạo cho Trung Quốc vì vấn đề an ninh quốc gia vào lúc ngoại trưởng, bà Madeleine Albright vừa đến Bắc Kinh để chuẩn bị chuyến công du sang Mỹ của thủ tướng Chu Dung Cơ trong tháng tư sắp tới.

Tuy vậy, Bắc Kinh cũng có vài nguồn an ủi là năm 1999 là năm kỷ niệm lần thứ 10 ngày họ Giang lên nắm chính quyền và năm Bắc Kinh thu hồi chủ quyền trên Úc Môn (Ma Cao) dự trừ vào ngày 20-12-99. Theo cuộc diễn biến của tình trạng chính trị, xã hội và kinh tế ở lục địa hiện nay, năm Kỷ Mão hay năm Thỏ của người Trung Quốc chắc chắn là năm "đại bi" nhiều hơn là "đại hỷ".

Kosovo: một cuộc thương thuyết kỳ lạ

Hai phe chống đối tại Kosovo, chính quyền Serbia và lực lượng ly khai Kosovo, đã không đạt tới thỏa hiệp sau hơn một tuần lễ thảo luận, mặc dù thời hạn tới hậu đã được nói rộng. Điều kỳ lạ trong cuộc thương thuyết này là, trong khi hai bên thương thuyết, Hoa Kỳ và các nước Châu Âu đe dọa sẽ dội bom Serbia, nghĩa là chỉ trừng phạt một trong hai phe thương thuyết, nếu họ không đạt tới thỏa hiệp. Rõ ràng là thiên lệch hẳn về một phe. Thái độ này khuyến khích lực lượng ly khai Kosovo gia tăng yêu sách bởi vì nếu họ đòi hỏi mà được thỏa mãn thì càng hay, còn nếu không, đối thủ của họ sẽ bị oanh tạc.

Sở dĩ có sự thiên vị này là vì lương tâm thế giới đã quá phần nộ trước thái độ vừa quá tàn bạo vừa quá thách thức dư luận của quân đội Serbia. Ngay trước khi hội nghị khai mạc, các quan sát viên của Liên Hiệp Quốc tại Kosovo đã tìm được một hầm chôn tập thể với 45 xác thường dân Kosovo, gồm cả phụ nữ và trẻ thơ bị hạ sát, mỗi người bị bắn một viên đạn vào đầu. Chính quyền Serbia coi đây là một hành động tự vệ chính đáng.

Kosovo là một tỉnh thuộc nước Serbia từ năm 1913, sau khi đế quốc Ottoman sụp đổ. Từ 1921 Serbia lại kết hợp với một số nước nhỏ trong vùng thành vương quốc Nam Tư (Yougoslavia). Trong thế chiến II, vương quốc này bị Đức chiếm và phân tán thành nhiều mảnh, tỉnh Kosovo được sát nhập vào Albania vì 90% dân số là người Albania. Sau thế chiến II, Liên Bang Nam Tư được thành lập dưới chế độ cộng sản gồm các nước thuộc vương quốc Nam Tư cũ và một số vùng đất sát nhập khác. Kosovo lại bị tách khỏi Albania và trở lại thành một tỉnh của nước Serbia trong Liên Bang Nam Tư. Sau khi khối cộng sản sụp đổ thì Nam Tư cũng tan rã trong máu lửa. Các nước thành viên của Liên Bang Nam Tư đều trở thành những quốc gia riêng biệt. Dân chúng Kosovo cũng bắt đầu đòi tách khỏi nước Serbia để sát nhập vào Albania vì lý do chủng tộc cũng có mà vì hận thù tích lũy cũng có. Người Kosovo chưa bao giờ nhìn nhận họ thuộc nước Serbia và họ cũng bị phân biệt đối xử thậm tệ. Sau khi Serbia phải nhượng bộ trước áp lực thế giới và triệt thoái khỏi Bosnia, phong trào ly khai càng bùng lên mạnh mẽ và đã bị quân đội Serbia đàn áp dã man. Chính sự dã man

này đã khiến thế giới xúc động và buộc lãnh tụ Serbia phải tới bàn hội nghị với phe ly khai.

Hội nghị Rambouillet, tại Pháp, vừa chấm dứt ngày 23-2-1999, hai bên thỏa thuận để Kosovo được tự trị nhưng không ký kết được thỏa hiệp. Phe ly khai đòi có trưng cầu dân ý để đi đến độc lập trong vòng ba năm, một điều Serbia không chịu. Serbia cũng không chịu cho quân Liên Hiệp Quốc tới bảo đảm hòa bình tại Kosovo. Phe ly khai thì cũng không chấp nhận điều kiện của Serbia đòi họ giải giới.

Cuộc gặp gỡ giữa hai kẻ thù không đội trời chung đã rất căng thẳng. Lãnh tụ Milosevic của Serbia đã lì lợm bất chấp đe dọa của Hoa Kỳ và Châu Âu. Cuối cùng, một "dự án thỏa hiệp" đã đạt được, tránh cho Hoa Kỳ khỏi oanh tạc Serbia, một hành động chắc chắn sẽ được Milosevic khai thác để được hậu thuẫn của dân chúng Serbia.

Dân tộc Serbia là một dân tộc rất kỷ cực. Họ lấy ngày thua trận và mất nước trước đây làm ngày quốc khánh, ủng hộ những lãnh tụ quá khích như Milosevic, hành xử một cách rất thô bạo với các cộng đồng thiểu số, rồi căm thù các sắc tộc này vì muốn ly khai, đàn áp dã man bất chấp những khuyến cáo của thế giới rồi phần nộ vì thế giới can thiệp bắt họ dừng tay và lại càng đoàn kết sau lưng các lãnh tụ quá khích đưa họ tới bế tắc và phá sản.

Kurd: ngày tàn của ai?

Tháng 10-1998, lãnh tụ Abdullah Ocalan của lực lượng kháng chiến Kurd bị buộc phải rời Syria, nơi ông ta được bao che và đặt bộ chỉ huy từ 18 năm qua. Vì một lý do khó hiểu, Ocalan không về chiến khu của ông ta ở ngay biên giới phía Bắc Syria mà lại bắt đầu một cuộc chạy trốn hoang dại để rồi rơi vào tay kẻ thù là chính quyền Thổ. Từ Syria, Ocalan sang Nga, nhưng đồng minh Liên Xô năm xưa không còn nữa, Nga đuổi. Nước Ý dân chủ cho tị nạn nhưng làm áp lực và đe dọa buộc Ocalan ra đi; sang Nga một lần nữa, vẫn bị đuổi; Hy Lạp cũng đuổi và Hòa Lan không cho phi cơ hạ cánh. Trở lại Hy Lạp một lần nữa và được gửi sang tị nạn tại tòa đại sứ Hy Lạp tại Nairobi, thủ đô nước Kenya xa xôi mãi tận Châu Phi đã đen. Tướng thế là tạm ổn nhưng lại bị tình báo Mỹ và Do Thái phát giác và báo cho chính quyền Thổ. Sau cùng đại sứ Hy Lạp bị bắt buộc và chính quyền Kenya bị mua chuộc

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

đã giao nộp Ocalan cho một toán đặc vụ Thổ.

Quá phần nộ và tuyệt vọng vì lãnh tụ Ocalan, mà họ coi là biểu tượng của cuộc kháng chiến giành độc lập cho dân tộc họ bị hãm hại, người Kurd đã biểu tình đập phá nhiều cơ sở ngoại giao của Thổ, Do Thái, Hy Lạp và một số cơ quan ngoại giao của Liên Hiệp Quốc trên khắp Âu Châu. Họ gào hét đau đớn, nhiều người tự thiêu, ba người bị bắn chết khi xông vào chiếm trụ sở lãnh sự quán Do Thái tại Berlin.

Dân tộc Kurd là một dân tộc đau khổ, họ có tới 30 triệu dân, trong đó trên 20 triệu người sống chung với nhau trên một vùng đất Kurdistan, nhưng lại không có một quốc gia. Lãnh thổ của họ bị chia làm năm mảnh và sát nhập vào Syria, Iraq, Iran, Armenia và Thổ, trong đó phần đất thuộc Thổ đông dân nhất. Người Kurd mất nước đã chịu rất nhiều cay đắng. Ngôn ngữ của họ bị cấm giảng dạy, hàng ngàn làng bị phá hủy tại Thổ. Tại Iraq, Saddam Hussein có lần dùng hơi độc tàn sát họ. Từ gần một thế kỷ nay, người Kurd vùng vẫy chiến đấu để có một quốc gia nhưng hoàn toàn thất bại dù phải trả giá rất nặng. Tại sao đến nông nổi này?

Người Kurd đã mất nước vì họ quá chia rẽ và thù hận nhau. Lãnh thổ họ bị các cường quốc đem sát nhập vào năm quốc gia vì chính họ chia năm sẻ bảy. Trong cố gắng tìm lại một quốc gia họ cũng không thương nhau, trái lại thẳng tay tàn sát nhau vì những bất đồng chính kiến. Chính Ocalan cũng là một mẫu mực của sự tàn bạo mù quáng, ông ta bị chính quyền Thổ buộc tội tàn sát hơn 30.000 người, phần lớn là đồng bào Kurd của chính ông ta. Chưa giải phóng được đất nước nhưng Ocalan đã muốn áp đặt trước chủ nghĩa cộng sản và thẳng tay tiêu diệt những phần tử, trong đảng PKK của ông ta, không đủ nồng nhiệt với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trong hồi chiến tranh lạnh, Ocalan được Liên Xô và các nước Á Rập giúp đỡ để phá rối nước Thổ, một đồng minh quân sự chiến lược của Hoa Kỳ vì thế mà lực lượng PKK của Ocalan rất mạnh. Dĩ nhiên Ocalan cũng thẳng tay tiêu diệt các lực lượng kháng chiến Kurd khác, vì thế người Kurd tuy chưa có quốc gia mà vẫn có nội chiến và cũng có cả chiến tranh lạnh trong nội bộ mỗi tổ chức kháng chiến. Có lẽ lý do khiến Ocalan không dám trở về chiến khu là vì ông ta lo sợ bị

trả thù. Các lực lượng vô trang này đều chia sẻ với nhau một lập trường là tiêu diệt thẳng tay những phần tử ôn hòa, chủ trương thỏa hiệp với các chính quyền hiện có, xây dựng lại một nếp sống và một văn hóa Kurd để dần dần đi đến tự trị.

Lọt vào tay chính quyền Thổ, con cộp Ocalan bỗng nhiên trở thành con thỏ. Trước ống kính truyền hình, Ocalan lặc bặc nói là ông ta yêu nước Thổ và muốn phục vụ nước Thổ, đồng thời van xin công an Thổ đừng tra tấn. Những kẻ tàn bạo với người khác thường rất hèn nhát khi chính mình phải đối đầu với sự hung bạo.

Người Kurd trên thế giới đang gào thét khốc thương Ocalan. Họ tuyệt vọng vì gần đây các lực lượng kháng chiến đều tàn lụi, với sự sa lưới của Ocalan, kháng chiến Kurd coi như tan rã. Nhưng biết đâu sự diệt vong của những phần tử quá khích như Ocalan lại chẳng là lối thoát cho dân tộc Kurd?

Đông Timor sẽ độc lập?

Đảo đông Timor đã bị chính quyền Suharto sát nhập vào Indonesia năm 1976, mặc dù Liên Hiệp Quốc không công nhận sự kiện này. Nhân dân Đông Timor không ngừng chống đối chính quyền Djakarta trong 22 năm qua để đòi độc lập, 200.000 người (1/4 dân số) đã hy sinh vì lý do trên.

Ngày 27-1-1999, ngoại trưởng Ali Alatas tuyên bố như sau: "Nếu như trong 22 năm qua, hai dân tộc Indonesia và Đông Timor không thể sống chung với nhau thì chúng tôi sẽ đề nghị quốc hội sắp được bầu để cho hai xứ ly khai trong nhân phẩm và danh dự". Tướng Wiranto, người hùng của chế độ, tán thành lời tuyên bố của ông Alatas.

Từ khi chính quyền Suharto sụp đổ hồi tháng 5-1998, đây là lần đầu tiên một nhân vật trong chính quyền tuyên bố như vậy. Chính quyền Djakarta còn cho nói rộng lãnh tụ Đông Timor ông Xangna Gusmao, đang bị 20 năm tù từ 1992. Phản ứng đầu tiên của cộng đồng quốc tế là tán đồng các lời tuyên bố trên. Trái lại phản ứng của các nhà đối lập Đông Timor là nghi ngờ sự thành tâm của chính quyền Djakarta. Họ cho rằng sáng kiến của Djakarta là để thỏa mãn dư luận quốc tế. Ngoài ra, người ta không chắc là quốc hội mới trong tháng 6 tới sẽ chấp nhận sự ly khai này, vì như thế sẽ có nhiều đảo khác đòi độc lập.

Cuối cùng dân chúng đảo Đông Timor đa số theo Thiên Chúa giáo trong thế giới chung quanh là Hồi giáo. Hai cộng đồng tôn giáo này đã xung đột sau khi chính quyền Bồ Đào Nha rút quân về nước năm 1975.

Việc Đông Timor thực sự độc lập chắc còn phải qua nhiều đoạn đường dài.

Biểu tình sôi nổi tại Little Saigon

Khu Little Saigon, thuộc Orange County - thường được người Việt gọi là Quận Cam, nơi qui tụ đông đảo nhất người Việt hải ngoại với khoảng 200.000 người - đã sôi nổi từ ngày 18-1-1999 sau khi ông Trần Văn Trường, một chủ tiệm buôn vật dụng thịnh thị treo cờ đỏ sao vàng và ảnh Hồ Chí Minh trong cửa hàng của ông, ngay giữa khu người Việt.

Theo một thân hữu thì ông Trường đã treo cờ và ảnh từ vài ngày trước mà không gây phản ứng, những phản đối đã chỉ xảy ra sau khi ông gửi thư tới một số tổ chức chống cộng thách thức họ tới ngăn cản ông. Hàng trăm người đã tụ tập trước cửa tiệm để phản đối, gây xáo trộn trong sinh hoạt nên ngày 21-1-1999 bà Barbara Tam Nomoto Schumann, thẩm phán Orange County, ra lệnh cho ông Trường hạ cờ và ảnh. Ông Trường kháng án với sự yểm trợ của Hội Bảo Vệ Tự Do Dân Sự Mỹ và ngày 10-2-1999 bà Schumann thay đổi quyết định cho phép ông Trường treo cờ và ảnh vì cho rằng đó là quyền tự do phát biểu được qui định trong Tu Chính Hiến Pháp số I của Hoa Kỳ, mặc dầu bà Schumann cũng nhìn nhận rằng hành động của ông Trường là một xúc phạm. Các cuộc biểu tình phản đối đã gia tăng sau đó. Đã xảy ra hai lần xô sát, một lần ông Trường bị đánh vào sau gáy và một lần bị tát vào mặt. Cả hai lần, những người hành hung đã chỉ có ý biểu lộ sự phần nộ hơn là đá thương nên không gây thương tích, cả hai lần ông Trường ăn vạ vào nhà thương xin điều trị nhưng bác sĩ đều không xác nhận thương tích. Các cuộc biểu tình sau đó đã lên đến nhiều ngàn người khiến hàng trăm cảnh sát được điều động đến để giữ trật tự, và một số xô sát nhỏ đã xảy ra giữa cảnh sát và người biểu tình. Đã có 43 người bị bắt vì gây mất trật tự trên công lộ, nhưng hầu hết đã được trả tự do ngay sau đó. Dần dần các cuộc biểu tình vừa gia tăng về số người vừa trở thành ôn hòa.

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

Cuộc biểu tình lớn nhất đã diễn ra tới ngày 22-2-1999 với số người tham dự được ước lượng là 20.000 người, một con số lớn nhất từ 30-4-1975. Đoàn người biểu tình đã tỏ ra trang nghiêm đến độ cảnh sát cảm thấy không cần can thiệp và đã rút đi chỉ để lại một số nhỏ để quan sát. Hơn một trăm ca si đã có mặt và ca hát giúp vui cho cuộc biểu tình. Đoàn người biểu tình tỏ ra rất ôn hòa khi ba thiếu nữ, có lẽ vì không đồng ý với cuộc biểu tình, đã đến và hát những bài hát của chế độ cộng sản; ba thiếu nữ này đã không gặp một chống đối nào và chỉ bỏ đi sau khi không gây được sự chú ý.

Với những cuộc biểu tình lớn chưa từng có và rất ôn hòa này, cộng đồng người Việt tại Orange County đã chứng tỏ một mức độ trưởng thành đáng mừng. Tuy nhiên vẫn còn phải lo ngại những phần tử khiêu khích có thể lợi dụng cơ hội để gây xô sát. Và cũng phải lấy làm tiếc rằng những mục tiêu cao đẹp như dân chủ và nhân quyền vẫn chưa có sức động viên mạnh bằng một hành động khiêu khích vô ý thức của một người chẳng đáng để ý như ông Trần Văn Trường. Có tiến bộ nhưng vẫn còn cần nhiều tiến bộ hơn nữa.

Được biết ông Trần Văn Trường, sinh năm 1960, là một người không mấy bình thường. Xuất thân từ một gia đình di cư từ Bắc vào Nam năm 1954, định cư tại tỉnh Đồng Tháp, Trường theo đạo Hòa Hảo, rồi lại theo đạo Vô Vi, có lúc chống lại cả với thầy và tự nhận mình là cha Trời.

6B: Trước sau như một

Hội nghị 6 lần 2 của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã kết thúc ngày 2-2-1999. Sự sắp xếp này là để ngay sau đó ngày hôm sau Ban Chấp Hành Trung Ương cùng nhau hòa giải sau những thay đổi nhân sự và cùng nhau ăn mừng ngày sinh nhật thứ 69 của đảng (đảng cộng sản được thành lập tại Hương Cảng ngày 3-2-1930). Sở dĩ có "Hội nghị 6 lần 2" (cũng gọi là 6B) là vì hội nghị 6 tháng 10-1998 chưa xong. Mục đích được tuyên bố công khai của hội nghị 6 là "cải tổ nhân sự", nghĩa là thay đổi một số cấp lãnh đạo đảng và nhà nước. Nhưng cả hai lần họp đã không đưa đến thay đổi nào cả vì không phe nào đủ mạnh.

Trước khi họp hội nghị 6 lần 1 người ta đã thấy có chuẩn bị để thanh toán nhau, các tài liệu tố cáo đích danh các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước được phổ biến.

Nhân vật bị chiếu tướng nhất là ông Phạm Thế Duyệt, hiện đang giữ chức vụ thường trực Bộ Chính Trị, gần như là phó tổng bí thư đảng. Vấn đề thay thế ông Duyệt đã được đặt ra nhưng bị bế tắc, ông Lê Khả Phiêu đã đưa tướng Phạm Thanh Ngân, từng là phụ tá của ông trong Tổng Cục Chính Trị Quân Đội lên thay, trong khi ông Nguyễn Văn An, trưởng ban tổ chức, nghĩ rằng chính ông mới là người xứng đáng giữ chức vụ của ông Duyệt. Ông Lê Khả Phiêu cũng muốn loại bỏ ba ông cố vấn già Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt nhưng cũng không xong vì các ông này đều là biểu tượng của những nhóm quyền lợi.

Hội nghị đã bế tắc và rất căng thẳng. Theo một số thân hữu thạo tin, các phe phái đã mạt sát nhau bằng những lời lẽ nặng nề, có những người còn xông tới đòi đánh nhau. Trong thế quân bình này chẳng còn ai sợ ai cả.

Ông Đào Duy Quát, khi thay mặt đảng họp báo công bố kết quả hội nghị 6B, đã giễu cợt các quan sát viên là những ai tiên đoán những thay đổi nhân sự đã bị chứng hững. Nhưng làm sao không chờ đợi những thay đổi nhân sự ở một đại hội mà mục đích là cải tổ nhân sự?

Điều mới duy nhất của hai hội nghị này có lẽ là chính ông Đào Duy Quát. Ông là con ông Đào Duy Tùng, trước làm viện phó Viện Triết Học Mác-Lênin. Ông mới được kết nạp bổ túc vào Ban Chấp Hành Trung Ương sau hội nghị 6 lần 1, tháng 10-1998, và được bổ nhiệm ngay vào chức phó ban thường trực Ban Tư Tưởng Văn Hóa. Với sự mù mờ của ông Hữu Thọ, trưởng ban Tư Tưởng Văn Hóa, ông Quát xuất hiện như nhà lý luận chính của đảng, đồng thời như người phát ngôn của Ban Chấp Hành Trung Ương.

Tiến tới một đảng quân, cán, cảnh?

Đảng Cộng Sản Việt Nam cho biết đã kết nạp thêm 106.000 đảng viên mới trong năm 1998. Đây là con số kết nạp chưa từng có từ 12 năm qua.

Trong số các đảng viên này có 23,5% là nông dân, 28% thuộc bộ máy chính quyền trung ương và địa phương, 20% thuộc quân đội và công an, 14,3% thuộc các xí nghiệp quốc doanh. Nếu hiểu rằng thành phần được coi là "nông dân" thực ra cũng là những cán bộ của bộ máy đảng, một bộ máy cai trị song song với chính

quyền và trên chính quyền, thì có thể nói đại bộ phận những người vừa được kết nạp là quân đội, cảnh sát và công chức.

Có cải tiến về trình độ học vấn: 77% những người vừa được kết nạp có trình độ trung học trở lên, dù chỉ có một tỷ lệ không đáng kể (0,23%) được coi là có trình độ trên đại học, tức trên mức Tú Tài + 4 năm.

Vài ngày sau khi những số liệu này được công bố, báo Nhân Dân đăng bài của "tiến sĩ Tô Huy Rúa", phó giám đốc Học Viện Chính Trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, nói rằng chớ nên lạc quan và tin tưởng về số lượng đảng viên, trái lại hãy suy ngẫm trường hợp đảng cộng sản Liên Xô có tới 20 triệu đảng viên mà vẫn sụp đổ.

Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện có 2,2 triệu đảng viên. Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh có 3,3 triệu đoàn viên, trong đó gần một phần tư (741.000 người) vừa được kết nạp trong năm 1998.

Đêm thấp nền cầu nguyện cho nhân quyền tại Việt Nam

Đêm thứ sáu 26 tháng 2-1999, đường phố Bolsa thuộc khu Little Saigon lại một lần nữa tràn ngập bởi một biển người, sau cuộc biểu tình đêm thứ hai vừa qua. Cảnh sát Hoa Kỳ nêu con số 15.000, được nhật báo Los Angeles Times loan đi trong bản tin ngày thứ bảy. LA Times gọi biển cố này là "Cuộc tập hợp lớn nhất về nhân quyền chưa từng có ở Little Saigon". Khác với cuộc biểu tình đêm thứ hai, cuộc biểu dương đêm thứ sáu được tổ chức do sự kết hợp của gần hai mươi đoàn thể trẻ trong cộng đồng người Việt tại miền Nam Cali, trong đó có các tổ chức của sinh viên học sinh. Cuộc tập hợp lấy tên là "Đêm thấp nền cầu nguyện cho nhân quyền tại Việt Nam". Một ngọn nến lớn được thắp lên để đánh động dư luận về những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam hiện nay, đồng thời cũng để nêu cao tinh thần ôn hòa và bất bạo động của cuộc đấu tranh. Giới trẻ đã hiện diện đông đảo trong cuộc biểu tình đêm thứ hai vừa qua. Trong đêm thứ sáu này, không những họ tham gia mà họ còn là thành phần nòng cốt của cuộc thấp nền vi đại này. Điểm quan trọng là mọi người bắt đầu nhận ra rằng cuộc đấu tranh không còn là chuyện phản đối Trần Văn Trường, mà đã hướng đến mục tiêu đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ, trong đó nhân quyền được tôn trọng. □

Tạp ghi

Bill và Monica. Câu chuyện bê bối giữa Bill Clinton và Monica Lewinsky kết thúc. Nó đã quá nhàm chán. Nó không thõm mộng như chuyện tình Romeo và Juliette, mà chỉ là một chuyện dâm ô nhảm nhí. Hình phạt chỉ có thể là sự khinh bỉ và hình phạt này Clinton đã nhận rồi. Câu chuyện đáng lẽ phải dừng lại ở đây.

Nhưng điều quan trọng hơn nhiều là vụ bê bối này đánh dấu một thay đổi bản chất của chế độ chính trị nước Mỹ. Lần đầu tiên chính trường Mỹ bị phân cực rõ rệt làm hai phe, Cộng Hòa và Dân Chủ. Đây là một bước chuyển hóa quan trọng từ chế độ tổng thống sang chế độ đại nghị, bởi vì theo cơ chế của Mỹ, nếu đảng đa số thực sự gắn bó với nhau như một đảng tại Châu Âu thì họ mạnh hơn tổng thống. Vụ Monica không phải chỉ làm suy yếu Clinton mà còn làm suy yếu cả chính chức vụ tổng thống Mỹ. Quần chúng Mỹ đã không coi hành động của Clinton là nghiêm trọng bởi vì họ không còn coi chức vụ tổng thống là cao quý như trước nữa, và họ cũng không còn coi cá nhân tổng thống như một mẫu mực của đạo đức và danh giá nữa. Càng ngày sẽ càng có ít hơn các bà mẹ chức tụng đứa con vừa chào đời: "Con sẽ là tổng thống Mỹ". Chế độ tổng thống, như một công thức tổ chức nhà nước, cũng vừa bị xuống giá ở chính ngay sinh quán và thủ đô của nó. Cho tới nay, trừ trường hợp nước Mỹ, có thể nói là mọi chế độ tổng thống đều thất bại, thường thường đưa đến độc tài, đôi khi đưa tới xung đột bế tắc giữa tổng thống và quốc hội. Tại Mỹ, chế độ tổng thống đã thành công nhờ những điều kiện rất đặc thù của nước Mỹ: thể chế liên bang, vai trò mờ nhạt của các đảng phái và trọng lượng áp đảo của xã hội dân sự. Sự thành công tình cờ này đã khiến nhiều quốc gia bị cám dỗ bởi chế độ tổng thống và bắt chước Hoa Kỳ mặc dầu không có những điều kiện của Hoa Kỳ, để rồi bế tắc. Có ai nhận định rằng chính kiểu mẫu Hoa Kỳ, nước được coi là dân chủ bậc nhất thế giới, đã là một cản trở cho sự phát triển của dân chủ trên thế giới? Vụ Monica một lần nữa phơi bày sự kèn càng của chế độ tổng thống: nếu Clinton chỉ là một thủ tướng,

ông đã có thể, và đã phải, từ chức một cách nhanh chóng và êm thấm, nước Mỹ đã không mất quá nhiều thời giờ, và thể diện, vì một chuyện vợ vãn.

Ấn Độ. Đoàn Viết Hoạt được mời tham dự một hội nghị tại New Dehli. Các tổ chức chủ trì hội nghị đều được cảm tình của chính quyền Ấn, ngoại trưởng Ấn đích thân đọc bài diễn văn bế mạc. Như vậy việc nhập cảnh chắc chắn là không có vấn đề. Trước khi rời Washington sang Pháp, Đoàn Viết Hoạt cũng đã cẩn thận nhờ tòa đại sứ Ấn tại Washington DC đánh điện trước cho sứ quán Ấn tại Paris. Mọi việc tưởng như đã ổn thỏa, chỉ cần ghé sứ quán Ấn xin đóng một con dấu là xong.

Nhưng như thế là quên mất rằng Ấn Độ là Ấn Độ. Công điện từ Washington gửi sang không tìm ra. Phải liên lạc với Washington và lui tới sứ quán nhiều lần. Những viên chức rất chi li trên những chi tiết hoàn toàn không cần thiết và không dám lấy bất cứ một quyết định nào. Điện thoại liên lạc bận thường trực và khi không bận thì được yêu cầu gọi lại vì tìm không ra hồ sơ! Cuối cùng, sau hai tuần lễ cãi cọ, Đoàn Viết Hoạt được visa và lên đường đi New Dehli một ngày trước khi hội nghị bế mạc.

Nhưng tại sao lại cần visa để vào Ấn? Ai muốn đi dân tới Ấn Độ lập nghiệp? Nếu chỉ vì cần tiền lệ phí nhập cảnh thì sao lại khó khăn đến thế? Ấn Độ có rất nhiều lý thuyết gia kinh tế lỗi lạc, giải Nobel kinh tế năm nay được trao cho một học giả người Ấn, nhưng nếu họ làm ăn như thế thì không có mô thức kinh tế nào giúp họ ra khỏi nghèo khổ. Tôi còn nhớ đã nhiều lần nói với các quan chức cộng sản hồi còn ở Việt Nam mỗi khi được hỏi ý kiến: "Trước khi cải tiến những gì đang làm phải bỏ đi những gì không cần làm, như thế cũng đã giải quyết được quá nửa vấn đề".

Một thân hữu nhiều kinh nghiệm mỉm cười: "Anh cứ lên sứ quán Việt Nam tại Paris xem có khác gì không?". Theo tổ chức Transparency International thì có hai khía cạnh của tham nhũng: ăn tiền và làm mất thì giờ. Ấn Độ đứng đầu trong cả hai tiêu chuẩn. Việt Nam đứng trong top ten về tiêu chuẩn ăn tiền, và đứng hàng thứ hai, sát điểm với Ấn Độ, về tiêu chuẩn làm mất thì giờ. Tuy

vậy, phải ghi nhận một điều, ít ra nhân viên sứ quán Ấn khá nhã nhặn.

Đất thánh Bolsa? Một hành động khiêu khích của một người khủng đã có thể khiến hàng chục ngàn người xuống đường trong nhiều ngày trong khi những buổi mít-tinh ủng hộ tự do, dân chủ, nhân quyền thường chỉ qui tụ vài trăm người. Bỗng dưng cả một khí thế tung bùng và khẩn trương, vào giữa lúc mà mọi tổ chức chính trị, dù đứng đắn tới đâu, cũng đang gặp khó khăn vì sự thờ ơ đầy đặc. Bolsa đã bị xâm phạm! Chắc chắn có nhiều người coi Bolsa như một thành trì còn lại của Việt Nam Cộng Hòa được chuyên chở tới Hoa Kỳ, để rồi choáng váng nhận ra là Bolsa chỉ là một khu phố Mỹ. Bolsa vẫn là Bolsa, nhưng cái Bolsa được hoang tưởng hóa thành lãnh thổ còn lại của Việt Nam Cộng Hòa và đất thánh bất khả xâm phạm của người quốc gia chống cộng không còn, dù Trần Văn Trường có bị trục xuất và phải cuốn cờ, ảnh ra đi. Những Bolsa chỗ này chỗ khác, cho tới nay đã có tác dụng khiến người ta nghĩ rằng mình vẫn còn giữ lại được một cái gì đó và hài lòng lấy nó để thay thế cho Việt Nam và để khỏi phải bận tâm tới Việt Nam. Hoang tưởng đó tan đi là một may mắn, nó nhắc lại một sự thực hiển nhiên là tổ quốc Việt Nam không đi tản ra nước ngoài sau ngày 30-4-1975, nó đặt người Việt hải ngoại trước một chọn lựa rõ rệt: hoặc bỏ cuộc và hội nhập vào xã hội tiếp cư, hoặc giữ sự thủy chung với nước mẹ và tham gia các tổ chức có mục đích tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền ngay tại Việt Nam, thay vì lãng phí sinh lực bảo vệ những "thành trì" ảo tưởng tại hải ngoại, rồi nghĩ như thế là tạm đủ.

Chắc chắn người Việt hải ngoại, ít nhất tại Nam Cali, vừa chúng tôi có thể hưởng ứng nồng nhiệt một cuộc vận động. Nhưng hưởng ứng vì căm thù cộng sản nhiều hơn hay vì lòng yêu nước nhiều hơn? Hai điều này có thể đi đôi với nhau nhưng không phải là một. Và thế giới, khi nhìn rừng cờ Việt Nam Cộng Hòa, sẽ nghĩ rằng chúng ta là sự tồn tại của một quá khứ hay là một lực lượng của tương lai và hy vọng?

Nguyễn Gia Kiểng

"Một gia đình tại Sài Gòn"

Đó là tên quyển sách "Une famille de Saigon" (*) vừa do nhà xuất bản Aube phát hành tháng 2-1999 vừa qua. Tác giả, Florence Nguyen-Rouault, một thiếu nữ người Pháp năm nay 28 tuổi, là luật gia công pháp quốc tế, hiện đang chuẩn bị một luận án tiến sĩ về "Chính sách pháp lý ngoại giao của Trung Quốc - Lãnh thổ và chủ quyền". Florence Nguyen-Rouault còn là một nhà dân tộc học, "Một gia đình tại Sài Gòn" là quyển sách đầu tay của cô.

Trong thời gian từ 1993 đến 1997, cô Florence Nguyen-Rouault đã viếng thăm Việt Nam nhiều lần. Năm 1995, cô đã ở hẳn tại Việt Nam một năm và có dịp làm quen với một gia đình cựu sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũ, hiện cư ngụ tại số 148/15/3C đường Lê Văn Sỹ (Lê Văn Duyệt cũ), Sài Gòn.

Việc chọn gia đình ông Phạm Văn Kỳ Lam làm chủ đề quan sát thật ra chỉ là lý do để diễn tả chung tâm trạng và cuộc sống của những người thuộc chế độ miền Nam cũ sau 20 năm dưới chế độ cộng sản. Đời sống của những người này trước đó có lẽ đã được nhiều tác giả tên tuổi quốc tế nói tới nhưng không đi sâu vào những suy tư thầm kín của từng gia đình hay cá nhân nào. Với lối hành văn giản dị, vừa mô tả vừa giải thích, Florence Nguyen-Rouault đã giúp người đọc hiểu rõ sinh hoạt của gia đình ông Phạm Văn Kỳ Lam, và cũng là của hầu hết những gia đình thuộc chế độ miền Nam cũ, trong các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, kinh tế và quan hệ xã hội một cách chi tiết.

Để tránh mọi phiền hà có thể xảy ra cho gia đình này sau khi quyển sách được phát hành, tác giả cho biết qua lời tựa địa chỉ và tên họ của gia đình ông Kỳ Lam đã được thay đổi. Phạm Văn là họ giả, Kỳ Lam là tên thật (Kỳ Lam là tên một cây cầu bắc qua sông Quảng Ngãi); tất cả mọi nhân vật trong truyện đều mang tên thật.

Những người có dính líu ít nhiều đến chế độ Việt Nam Cộng Hòa cũ có thể tìm thấy trong quyển sách này ít nhiều hình ảnh của mình trong một giai đoạn lịch sử khó khăn. Gia đình ông Kỳ Lam là một thí dụ điển hình. Xuất thân từ một dòng họ quý tộc đất Quảng, anh em ông Kỳ Lam, cũng như con em nhiều gia đình danh giá khác tại miền Trung, theo học tại các trường danh tiếng ở Huế, trường Pellerin và trường Luật, khi vào quân đội thì gia nhập những binh chủng oai hùng nhất,

Nhảy Dù hay Thủy Quân Lục Chiến, và khi thua cuộc, trở thành thương phế binh hay bị đưa đi học tập cải tạo, thì luôn cố gắng giữ gìn tư cách. Hoàn cảnh éo le của dòng họ Phạm Văn không dừng ở ngày 30-4-1975, nó còn tiếp tục sau đó. Là một dòng họ có truyền thống yêu nước nhiệt thành, tinh thần gia tộc không đủ mạnh để lấn át những tranh cãi về lý tưởng cuộc chiến đã qua. Cái hay của tác giả, khi làm nổi bật những yếu tố lịch sử và văn hóa khác biệt trong nội bộ gia đình ông Kỳ Lam, là chỉ mô tả chứ không bình luận.

Những ai muốn tìm hiểu phong tục tập quán người Việt cũng sẽ tìm thấy trong quyển sách này, qua những sinh hoạt thường nhật của gia đình ông Kỳ Lam, nhiều giải thích về một số cấm kỵ mà ít sách báo hay tài liệu nào nói tới. Người đọc sẽ hiểu rõ hơn nỗi ưu tư của những thành phần sống ở nấc thang thấp cùng nhất của xã hội: những anh em thương phế binh chế độ miền Nam cũ và những giai cấp nghèo khó mới thành phố. Sự phôi trương một cách quá lộ của những thành phần giàu có mới và Việt kiều về thăm quê hương trên các đường phố bên cạnh sự nghèo khổ chung của dân tộc, nhắc nhở mọi người hòa bình chưa thật sự có trong tâm hồn người Việt Nam. Người Việt còn phải làm nhiều cố gắng nữa để có thể hòa giải với nhau và xây dựng một tương lai chung.

Để kết thúc, tác giả mượn lời ông Kỳ Lam suy nghĩ về tương lai đất nước: tuổi trẻ Việt Nam ít quan tâm đến chính trị mà chỉ lo kiếm tiền thật nhanh, kể cả hối lộ, để hưởng thụ; các giá trị đạo đức cổ truyền bất lực trước nạn tham nhũng; sự Hán hóa tự nguyện của quần chúng bình dân có thể làm mất bản thể dân tộc nếu những người lãnh đạo xã hội không ý thức.

Florence Nguyen-Rouault, tên thật là Rouault, nhận xét: dân tộc Việt Nam đang bị công tay, bị mất dần vào tương lai, nhưng tình trạng này sẽ không kéo dài lâu vì vẫn còn những người như ông Kỳ Lam, một lực lượng trí thức đông đảo chưa chưa thốt lên lời nói cuối cùng; đất nước này chính vì thế vẫn còn rất nhiều người đáng quý. Cô đã không ngần ngại viết: "Việt Nam ngày nay là một phần đời của tôi, đó là quê hương của chồng tôi đồng thời cũng là quê hương của tôi".

Một quyển sách xứng đáng được phổ biến rộng rãi □

Mục lục

1. Đảng cộng sản tiếp tục sa lầy trong khủng hoảng nội bộ
Thông Luận
2. Dân chủ đa nguyên và ổn định tại Indonésia
Huỳnh Hùng
3. Chào mừng Đoàn Viết Hoạt
5. Phải dân chủ mới yêu nước
Diệp Tường Bảo
9. Biện pháp tình thế... đồ hơi
Bùi Tín
11. Đảng lãnh đạo-Đảng cầm quyền
Phạm Hồng Sơn
12. Chúng tôi trả thế đảng hết
Nguyễn Văn Hán, Phạm Vũ Sơn, Trần Bá
14. Để được tự do trôi vào dòng đời dân tộc
Vũ Cao Quận
15. Chia vui với bác Trần Độ
Hà Sĩ Phu
18. Việt Nam năm con Hồ
Nguyễn Mạnh Hùng
20. Vấn đề Khổng Giáo là một vấn đề "ôn cố tri tân"
Tôn Thất Thiện
23. Dân ta có lòng ái quốc không?
Nguyễn Huy Bảo
24. Bolsa, nửa mừng nửa lo
Trần Thanh Hiệp
26. Tin tức thời sự
31. Tạp ghi
Nguyễn Gia Kiểng
32. Giới thiệu sách

(*) "Une famille de Saigon", tác giả Florence Nguyen-Rouault, nhà xuất bản Aube, Paris, tháng 2-1999, trong bộ sách sưu tầm Carnet de Voyage do Pascal Dibie chủ trương.

Sách loại bỏ túi, bìa màu gạch với hình ba con tem Việt Nam, khổ 11,5 x 19 cm, 140 trang, giá 80 FRF. Bày bán trong các tiệm sách Pháp ngữ.

Florence Nguyen-Rouault sẽ có mặt tại hiệu sách: **La Librairie Intinéraires Saint-Germain**, số 3 rue Cassette, 75006 Paris (métro Saint-Sulpice), thứ bảy 13-3-1999, từ 15 giờ đến 17 giờ, để gặp gỡ và trao đổi với bạn đọc.

Mong độc giả Thông Luận đến ủng hộ thật đông.